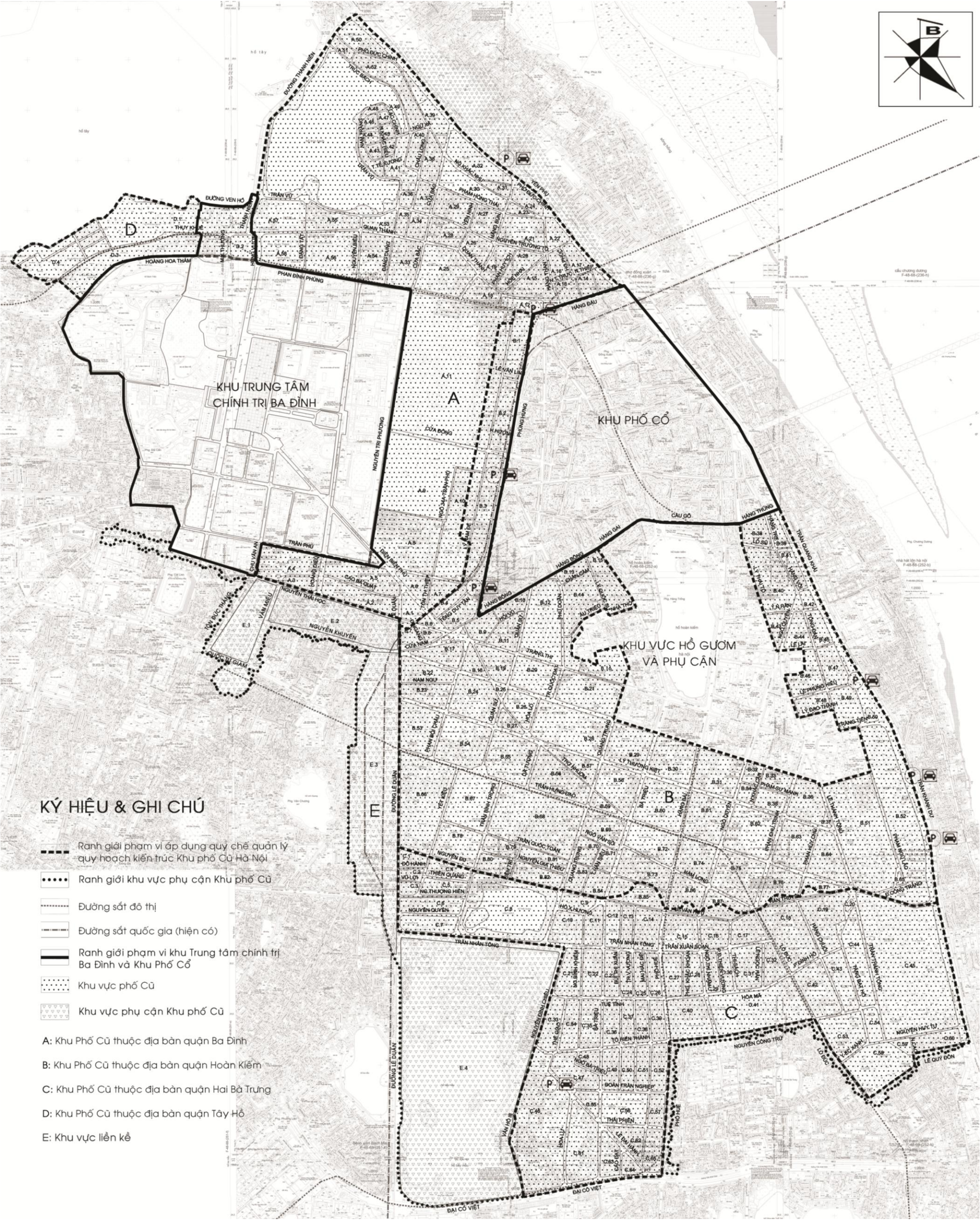


PHỤ LỤC

- Phụ lục 1. Phạm vi khu vực phố cũ
- Phụ lục 2. Các phố trong Khu phố cũ
- Phụ lục 3. Sơ đồ tuyến phố có giá trị và tuyến phố đường bao
- Phụ lục 4. Sơ đồ khu vực quảng trường, không gian mở, cây xanh, mặt nước và phụ cận
- Phụ lục 5-A. Sơ đồ thống kê các ô phố
- Phụ lục 5-B. Quy định quản lý chiều cao tối đa, mật độ xây dựng, tổ chức không gian kiến trúc các ô phố.
- Phụ lục 6. Quy định việc bố trí công trình trên cùng một khu đất với công trình biệt thự có giá trị
- Phụ lục 7. Quy định về việc bố trí công trình so với ranh giới thửa đất
- Phụ lục 8. Quy định về khoảng lùi so với ranh giới thửa đất
- Phụ lục 9. Quy định về khối tích công trình
- Phụ lục 10-A. Quy định về biển hiệu quảng cáo, mặt tiền cửa hàng
- Phụ lục 10-B. Quy định về kiểm soát tầm nhìn, thiết kế mặt đứng đoạn tuyến phố
- Phụ lục 11. Danh mục công trình di tích được xếp hạng
- Phụ lục 12. Kiến trúc đặc trưng trong Khu phố cũ
- Phụ lục 13. Danh mục công trình công cộng có giá trị
- Phụ lục 14. Danh mục biệt thự Pháp có giá trị
- Phụ lục 15. Minh họa việc áp dụng quy chế để cải tạo, thiết kế cảnh quan tuyến phố Hàng Khay - Tràng Thi
- Phụ lục 16. Minh họa việc áp dụng quy chế để cải tạo, thiết kế cảnh quan tuyến phố Hai Bà Trưng
- Phụ lục 17. Minh họa việc áp dụng quy chế để cải tạo, thiết kế cảnh quan tuyến phố Trần Hưng Đạo
- Phụ lục 18. Minh họa việc áp dụng quy chế để cải tạo, thiết kế cảnh quan tuyến phố Lý Thường Kiệt
- Phụ lục 19. Sơ đồ vị trí các công trình cao tầng và công trình kiến trúc có giá trị trong Khu phố cũ.

PHỤ LỤC 1
PHẠM VI KHU VỰC PHỐ CŨ

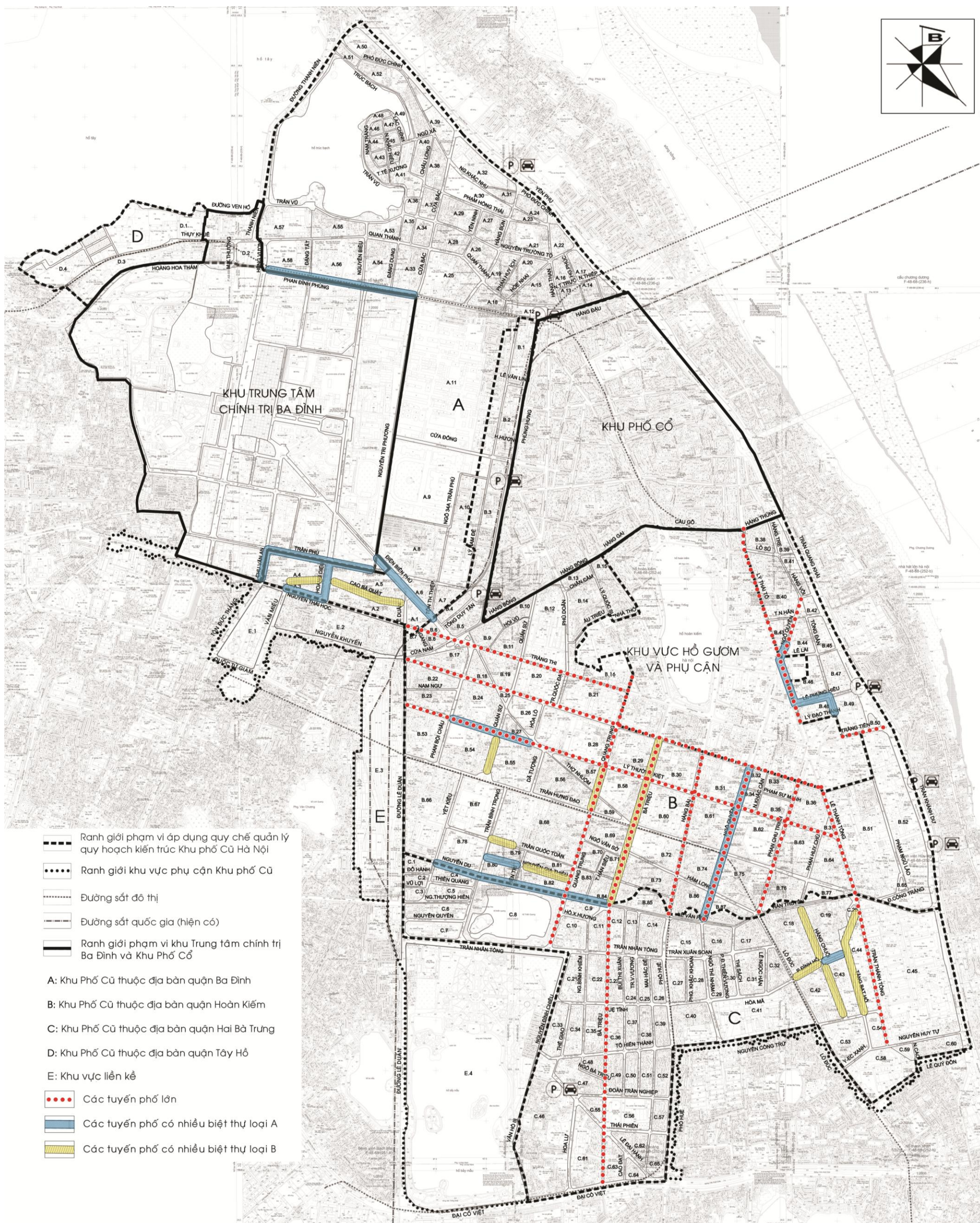


PHỤ LỤC 2
CÁC PHỐ TRONG KHU PHỐ CŨ

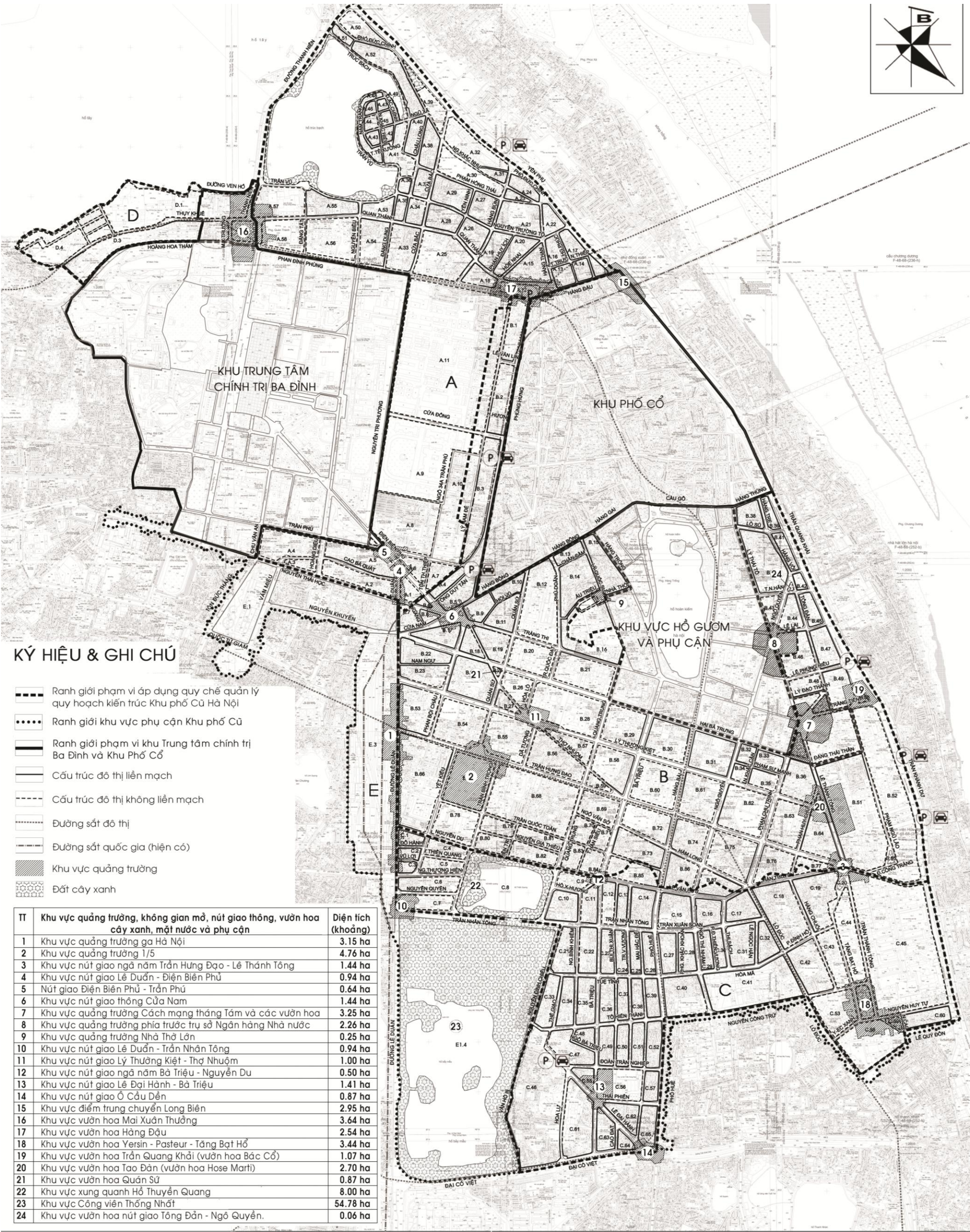
A Các phố trong Khu phố cũ thuộc địa bàn quận Ba Đình (A)							
TT	Tên phố	TT	Tên phố	TT	Tên phố	TT	Tên phố
1	Cao Bá Quát	12	Hoàng Diệu	23	N. Tri Phương	34	Tổng Duy Tân
2	Cửa Bắc	13	Hồng Phúc	24	Ngũ Xã	35	Tôn Thất Thiệp
3	Chu Văn An	14	Hùng Vương	25	N. Trường Tộ	36	Trần Vũ
4	Châu Long	15	Lạc Chính	26	Nguyễn Siêu	37	Trúc Bạch
5	Đặng Tất	16	Mai Xuân Thưởng	27	Quán Thánh	38	Trần Tế Xương
6	Điện Biên Phủ	17	Nam Tràng	28	Phan Huy Ích	39	Trần Phú
7	Đặng Dung	18	Nguyễn Thái Học	29	Phan Đình Phùng	40	Yên Ninh
8	Hàng Bún	19	Nguyễn Khắc Hiếu	30	Phó Đức Chính	41	Yên Phụ
9	Hàng Đậu	20	Nguyễn Khắc Nhu	31	Phạm Hồng Thái	42	Mạc Đĩnh Chi
10	Hàng Than	21	Nguyễn Thiệp	32	Phùng Hưng	43	
11	Hồ Nhai	22	N. Trung Trực	33	Thanh Niên	44	
B Các phố trong Khu phố cũ thuộc địa bàn quận Hoàn Kiếm (B)							
TT	Tên phố	TT	Tên phố	TT	Tên phố	TT	Tên phố
1	Bà Triệu	15	Hàng Trống	30	Lê Văn Linh	46	Trần Quang Khải
2	Cổ Tân	16	Hàng Hương	31	Lý Nam Đế	47	Trần Hưng Đạo
3	Cầu Gỗ	17	Hàn Thuyên	32	Nhà Hỏa	48	Trần Khánh Dư
4	Cửa Đông	18	Lê Duẩn	33	Nhà Chung	49	Trần Nguyên Hân
4	Dã Tượng	19	Lê Lai	34	Ngô Quyền	50	Trần Quốc Toản
5	Đinh Tiên Hoàng	20	Lê Văn Linh	35	Ngô Thì Nhậm	51	Trần Bình Trọng
6	Đỗ Hạnh	21	Lê Thạch	36	Ngô Văn Sở	52	Tràng Tiền
7	Hàm Long	22	Lê Thánh Tông	37	Nguyễn Gia Thiều	53	Tràng Thi
8	Hai Bà Trưng	23	Lê Thái Thân	38	Nhà Thờ	54	Tông Đản
9	Hàng Bài	24	Lê Phụng Hiểu	39	Phan Chu Trinh	46	Trương Hán Siêu
10	Hàng Bông	25	Liên Trì	40	Phan Bội Châu	54	Thợ Nhuộm
11	Hàng Gai	26	Lý Thường Kiệt	42	Phạm Ngũ Lão	55	Yết Kiêu
12	Hàng Thùng	27	Lê Văn Hưu	43	Phố Huế		
13	Hàng Khay	28	Lý Thái Tổ	44	Quang Trung		
14	Hàng Vôi	29	Lý Đạo Thành	45	Quán Sứ		
C Các phố trong Khu phố cũ thuộc địa bàn quận Hai Bà Trưng (C)							
TT	Tên phố	TT	Tên phố	TT	Tên phố	TT	Tên phố
1	Bà Triệu	13	Lê Đại Hành	25	Nguyễn Huy Tự	38	Thị Sách
2	Bùi Thị Xuân	14	Lê Duẩn	26	Nguyễn Du	39	Tuệ Tĩnh
3	Cao Đạt	15	Lê Văn Hưu	27	Nguyễn Huy Tự	40	Tô Hiến Thành
4	Đại Cồ Việt	16	Lê Ngọc Hân	28	Nguyễn Cao	41	Thái Phiên
5	Đinh Công Tráng	17	Lê Quý Đôn	29	N. Công Trứ	42	Tăng Bạt Hổ
6	Đỗ Hạnh	18	Lò Đức	30	Nguyễn Khoái	43	Trần Thánh Tông
7	Đoàn Trần Nghiệp	19	Mai Hắc Đế	31	Ngô Bà Triệu	44	Trần Nhân Tông
8	Hàn Thuyên	20	N. Bình Khiêm	32	Quang Trung	45	Trần Khánh Dư
9	Hàng Chuối	21	N. Đình Chiểu	33	Phù Đồng Thiên Vương	46	Trần Xuân Soạn
10	Hòa Mã	22	Ngô Thì Nhậm	34	Phố Huế	47	Triệu Việt Vương
11	Hoa Lư	23	N. Thượng Hiền	35	P. Khắc Khoan	48	Vân Hồ III
12	Hồ Xuân Hương	24	Nguyễn Quyền	36	P. Đình Hồ	49	Vũ Lợi
				37	Thiên Quang	50	Yersin
D Các phố trong Khu phố cũ thuộc địa bàn quận Tây Hồ (D)							
TT	Tên phố	TT	Tên phố	TT	Tên phố	TT	Tên phố
1	Đường Ven Hồ	2	Hoàng Hoa Thám	3	Thụy Khuê		

PHỤ LỤC 3

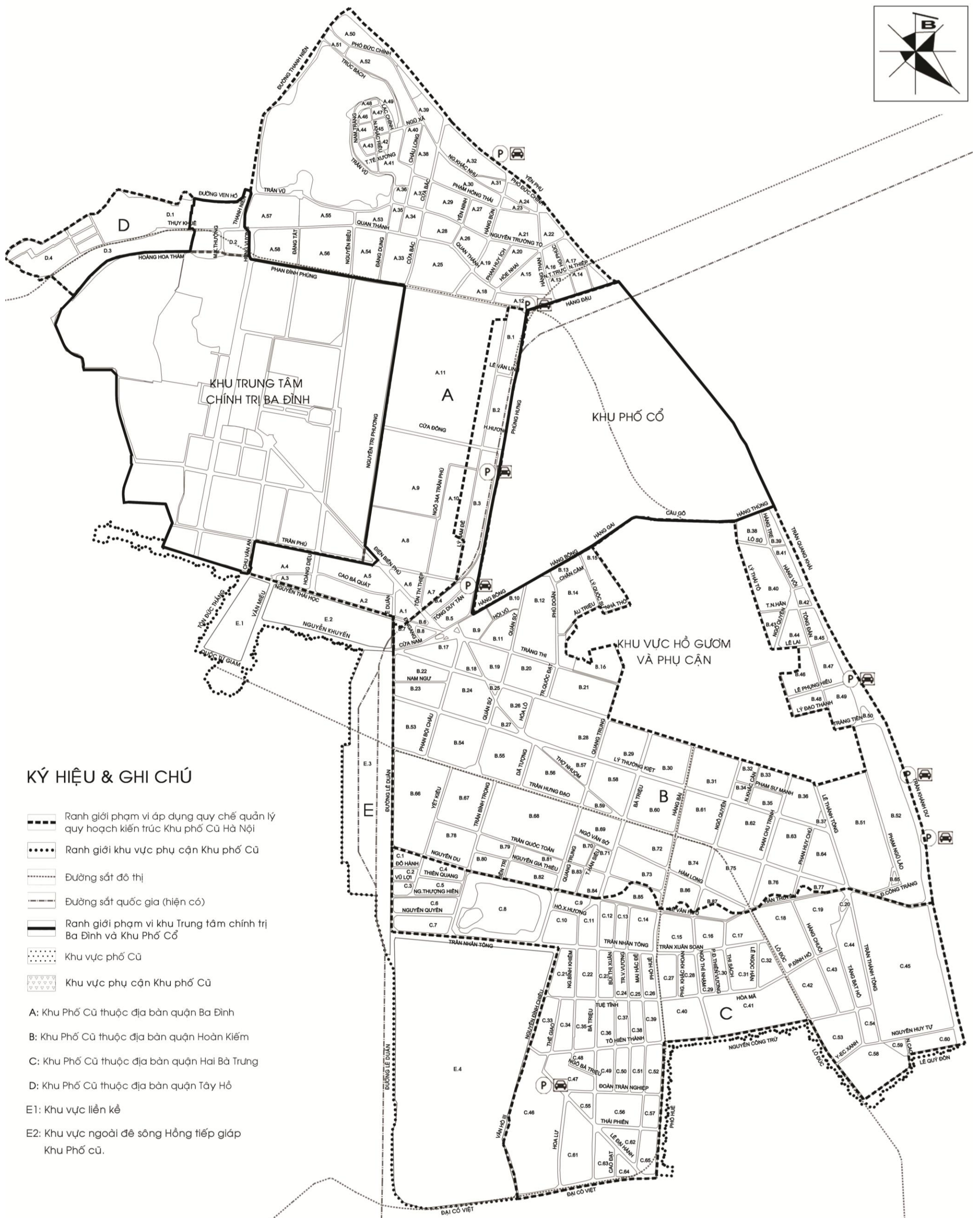
SƠ ĐỒ CÁC TUYẾN PHỐ CÓ NHIỀU BIỆT THỰ VÀ CÁC TUYẾN PHỐ LỚN



PHỤ LỤC 4
SƠ ĐỒ KHU VỰC QUẢNG TRƯỜNG, KHÔNG GIAN MỞ, CÂY XANH, MẶT NƯỚC VÀ PHỤ CẬN



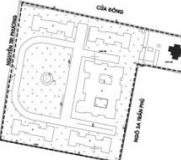
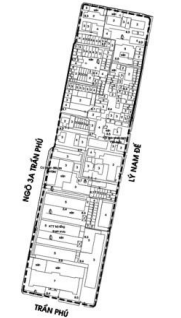
PHỤ LỤC 5-A
SƠ ĐỒ THỐNG KÊ CÁC Ô PHỐ



**PHỤ LỤC 5-B: QUY ĐỊNH QUẢN LÝ CHIỀU CAO TỐI ĐA, MẬT ĐỘ XÂY DỰNG,
TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CÁC Ô PHỐ**

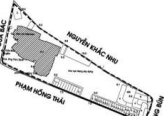
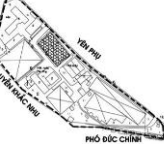
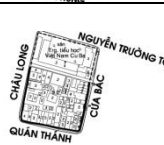
KHU PHỐ CŨ THUỘC ĐỊA BÀN QUẬN BA ĐÌNH

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
A.1	60	Giá trị trung bình	Công cộng		Lê Duẩn	3-4/12-16	4/16	0	4	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các nhà số 7-9-11-13 Điện Biên Phủ. Chống lấn chiếm coi nới tại dãy số 1-3 Lê Duẩn, 13 Điện Biên Phủ Đảm bảo hành lang an toàn đường sắt. Có phương án kiến trúc cảnh quan 2 bên hành lang.
					Điện Biên Phủ	3-4/12-16	4/16	0	4	
					Nguyễn Thái Học	3-4/12-16	-	0	-	
					(Đường tàu)	4/12	4/16	-	-	
A.2	60	Đặc biệt	Nhà ở CC CQ		Hoàng Diệu	2-3/8-12	-	2-6	-	Ô phố có nhiều công trình, biệt thự có giá trị; Bảo tồn cấu trúc ô phố, biệt thự có giá trị theo quy định tại quy chế quản lý biệt thự. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc số 10 Lê Duẩn. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình tại khu vực này: + Đoạn từ 28-30, 34-38 Nguyễn Thái Học. + Đoạn từ số 1-3,5-13A Cao Bá Quát.
					Cao Bá Quát	3-4/12-16	4/16	0	3-6	
					Lê Duẩn	3-4/12-16	4/16	0	3-6	
					Nguyễn Thái Học	3-4/12-16	4-5/12-16	0	3-6	
A.3	50	Đặc biệt	Nhà ở		Cao Bá Quát	2-3/8-12	4/16	2-4	3-6	Ô phố có nhiều, biệt thự có giá trị; Bảo tồn cấu trúc ô phố, biệt thự có giá trị theo quy định tại quy chế quản lý biệt thự. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc số 41 Cao Bá Quát, 64 Nguyễn Thái Học. Duy trì chuỗi biệt thự toàn đoạn phố Nguyễn Thái Học.
					Hoàng Diệu	2-3/8-12	-	2-6	-	
					Nguyễn Thái Học	2-3/8-12	3-4/12-16	0	3-6	
A.4	50	Đặc biệt	Hỗn hợp		Chu Văn An	2-3/8-12	-	2-6	-	Ô phố có nhiều công trình, biệt thự có giá trị, bảo tồn cấu trúc ô phố. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc nhà số 34 Cao Bá Quát.
					Trần Phú	2-3/8-12	-	3-6	-	
					Hoàng Diệu	2-3/8-12	-	3-6	-	
					Cao Bá Quát	2-3/8-12	4/16	0	3-6	
					Nguyễn Thái Học	2-3/8-12	3-4/12-16	0	3-6	
A.5	50	Đặc biệt	Hỗn hợp		Hoàng Diệu	2-3/8-12	-	3-6	-	Ô phố có nhiều công trình, biệt thự có giá trị, bảo tồn cấu trúc ô phố. Bảo tồn khuôn viên các công trình biệt thự. theo quy định tại quy chế quản lý biệt thự. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy từ số 3-6, 6-16 Cao Bá Quát, giữ khuôn viên biệt thự.
					Trần Phú	2-3/8-12	4/16	3-6	20	
					Điện Biên Phủ	2-3/8-12	4/16	0-6	20	
					Lê Duẩn	3-4/12-16	4/16	0	3-6	
					Cao Bá Quát	3-5/12-20	6/22	0	3-6	
A.6	70	Đáng chú ý	Nhà ở		Trần Phú	3-5/12-20	6/22	0	3-6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy từ số 22-26 Điện Biên Phủ.
					Tôn Thất Thiệp	3-5/12-20	6/22	0-2	3-6	
					Điện Biên Phủ	3-5/12-20	6/22	0	3-6	
A.7	70	Đáng chú ý	Nhà ở		Tôn Thất Thiệp	3-5/12-20	6/22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc: + Nhà số 1-3 Tôn Thất Thiệp. + Nhà số 9-11 Trần Phú.
					Trần Phú	3-5/12-20	6/22	0	3-6	
					(Đường tàu)	3-5/12-20	6/22	-	-	
					Điện Biên Phủ	3-5/12-20	6/22	0	3-6	

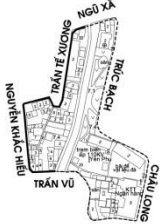
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
A.8	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp		Ngõ 1 Nguyễn Tri Phương	3-5/12-20	6/22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn tòa nhà của UB Thể dục thể thao (UB Olympic Việt Nam). Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình nhà ở dân tự xây mặt phố Nguyễn Tri Phương. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực: + Tuyến phố Nguyễn Tri Phương. + Nhà số 38 phố Trần Phú.
					Nguyễn Tri Phương	3-5/12-20	6/22	0	3-6	
					Ngõ 3A Trần Phú	3-5/12-20	6/22	0	3-6	
					Trần Phú	3-5/12-20	6/22	0-3	3-15	
					Điện Biên Phủ	3-4/12-16	6/22	0	3-6	
A.9	50	Đất quân sự (quân đội quản lý)	Đất an ninh quốc phòng		Cửa Đông	3-5/12-16	-	3-6	-	Nghiên cứu bảo tồn Tòa nhà trụ sở Bảo Hiểm Bộ Quốc Phòng. Nghiên cứu bảo tồn khu vực không gian xanh trong các công trình thuộc ô phố này.
					Ngõ 3A Trần Phú	3-5/12-16	-	3-6	-	
					Ngõ 1 Nguyễn Tri Phương	3-5/12-16	-	3-6	-	
					Nguyễn Tri Phương	3-5/12-16	-	3-6	-	
A.10	50	Giá trị trung bình	Nhà ở		Ngõ 3A Trần Phú	3-5/12-20	6/22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn khuôn viên không gian xanh các biệt thự 1, 7, 11 ngõ 30 Lý Nam Đế.
					Lý Nam Đế	3-5/12-20	6/22	0	3-6	
					Trần Phú	7/25	-	2	-	
A.11	50	Đất quân sự (quân đội quản lý)	Đất an ninh quốc phòng		Nguyễn Tri Phương	3-5/12-20	4-6/16-22	3-6	-	Nghiên cứu bảo tồn chỉnh trang công trình số 4 Lý Nam Đế (Tạp chí Văn hóa nghệ thuật quân đội).
					Phan Đình Phùng	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Lý Nam Đế	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Cửa Đông	3-5/12-20	6/22	0	3-6	
A.12	5	Cây xanh	Cây xanh		Hôi Nhai					Vườn hoa Hàng Đậu.
					Quan Thánh					
					Phan Đình Phùng					

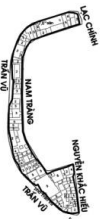
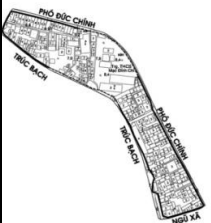
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
A.13	70	Ít giá trị	Nhà ở		Hàng Than	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Nhà số 7, 63, 75&77 Hàng Than. + Nhà số 44, 62 Hàng Đậu. + Nhà số 22 Nguyễn Trung Trực. + Toàn bộ công trình góc phố Hàng Than, Hàng Đậu
					Nguyễn Trung Trực	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hồng Phúc	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hàng Đậu	3-4/12-16	4-5/16-20	0	3-6	
A.14	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Hồng Phúc	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Đền Nghĩa Lập. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại 37- 47 Hồng Phúc.
					Nguyễn Trung Trực	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Nguyễn Thiệp	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hàng Đậu	3-4/12-16	5/20	0	3-6	
A.15	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Hòe Nhai	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: nhà góc phố 16, 28, 38 Hàng Than. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố Quán Thánh làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực.
					Hàng Than	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Quan Thánh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.16	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Hàng Than	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Nhà số 3,11 Hòe Nhai. + Nhà số 16, 20,22 Hồng Phúc. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc nhà số 41 Hàng Than & 11 Dốc Hòe Nhai
					Hòe Nhai	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hồng Phúc	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Nguyễn Trung Trực	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.17	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Hồng Phúc	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn khu vực Chùa Phúc Lâm. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình: + Nhà số 21 Nguyễn Trung Trực. + Nhà số 3,5,7, 31 đến 35 Hồng Phúc. + Nhà số 5 Hòe Nhai. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc số biệt thự 27 Hồng Phúc.
					Hòe Nhai	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Yên Phụ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hàng Đậu	3-4/12-16	5/20	0	3-6	
					Nguyễn Trung Trực	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Nguyễn Thiệp	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.18	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Hàng Bún	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình nhà số 1,3,7,9 Quán Thánh. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và bảo tồn theo quy định tại quy chế quản lý biệt thự: + Nhà số 8, 10, 14 Phan Đình Phùng. + Nhà số 4, 4C Điện Biên Phủ.
					Quan Thánh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hòe Nhai	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Phan Đình Phùng	3-4/12-16	5/20	0	3-6	
A.19	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Hàng Bún	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn đền Yên Thành. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại số 6,8 Phan Huy Ích. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Nhà số 3 ngõ Hàng Bún. + Nhà số 80B Quán Thánh.
					Nguyễn Trường Tộ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Phan Huy Ích	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Quan Thánh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	

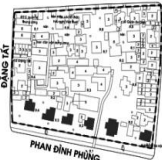
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
A.20	70	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Phan Huy Ích	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Đền Yên Thuật 25 Hàng Than. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại: + Nhà số 27,29 Hàng Than. + Nhà số 7, 9, 11, 15, 15A, 15B, 17 Phan Huy Ích. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 19 Phan Huy Ích. + Số 72,74,76,78 Quán Thánh.
					Nguyễn Trường Tộ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hồ Nai	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Quan Thánh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.21	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Hàng Bún	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình nhà số 1 đến 7, và nhà số 8 Phạm Hồng Thái. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại số 2, 14C Hàng Than.
					Phạm Hồng Thái	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hàng Than	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Nguyễn Trường Tộ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.22	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Hàng Than	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn di tích chùa Hồ Nai. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình nhà số 9-11 Hàng Than, Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại số 15,17 Hàng Than.
					Yên Phụ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hồ Nai	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.23	60	Giá trị trung bình			Hàng Bún	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 9 Hàng Bún. + Số 2-10, 20-22-24, 26 Phạm Hồng Thái. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại nhà số 11-13 Hàng Bún.
					Nguyễn Khắc Nhu	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Phạm Hồng Thái	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.24	70	Giá trị trung bình			Hàng Bún	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Đền Đức Vua. Quản lý khu đất tam giác số 1 Hàng Than theo quy hoạch của thành phố. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 94,196B, 196, 200, 202 Phố Đức Chính. + Số 63 Hàng Than.
					Phố Đức Chính	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hàng Than	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Nguyễn Khắc Nhu	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.25	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Cửa Bắc	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại số 22,24, 26, 28 Phan Đình Phùng.
					Quán Thánh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hàng Bún	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Phan Đình Phùng	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.26	70	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Yên Ninh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 73,75,91 Nguyễn Trường Tộ. + Số 63, 65,67,69 Yên Ninh. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại số 40 Hàng Bún.
					Nguyễn Trường Tộ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Hàng Bún	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Quan Thánh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
A.27	70	Giá trị trung bình		Yên Ninh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 15-19 Phạm Hồng Thái. + Số 28 Hàng Bún. + Số 22 Nguyễn Trường Tộ. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại số 8 Hàng Bún.	
				Phạm Hồng Thái	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6		
				Hàng Bún	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6		
				Nguyễn Trường Tộ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6		
A.28	70	Giá trị trung bình		Cửa Bắc	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại: + Số 107 Nguyễn Trường Tộ. + Số 56, 58, 62, 64, 66 Yên Ninh. + Số 116 Quán Thánh.	
				Nguyễn Trường Tộ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6		
				Yên Ninh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6		
				Quán Thánh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6		
A.29	70	Giá trị trung bình		Cửa Bắc	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 32, 34, 57 Phạm Hồng Thái.	
				Phạm Hồng Thái	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6		
				Yên Ninh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6		
				Nguyễn Trường Tộ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6		
A.30	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Cửa Bắc	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	Phát huy các không gian mở.
					Nguyễn Khắc Nhu	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	
					Hàng Bún	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	
					Phạm Hồng Thái	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	
A.31	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Phố Đức Chính	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 21 Hàng Bún
					Hàng Bún	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	
					Nguyễn Khắc Nhu	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	
A.32	50	Giá trị trung bình	Công nghiệp p, hỗn hợp		Cửa Bắc	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	
					Yên Phụ	3-5/12-20	5-7/20-26	0	6	
					Hàng Bún	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	
					Phố Đức Chính	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	
					Nguyễn Khắc Nhu	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	
A.33	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp		Cửa Bắc	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại: + Số 84, 86, 88, 90, 94 Cửa Bắc. + Số 9-13 Đặng Dung. + Số 40 Phan Đình Phùng.
					Quán Thánh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Đặng Dung	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Phan Đình Phùng	2-4/8-16	6/22	3-6	-	
A.34	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Châu Long	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 65,67 Châu Long.
					Nguyễn Trường Tộ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Cửa Bắc	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Quán Thánh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	

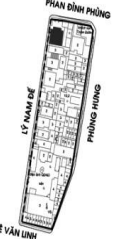
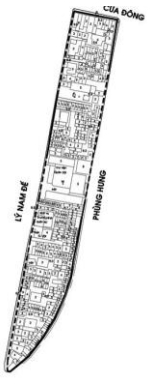
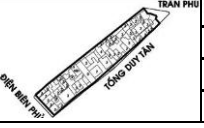
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
A.35	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Đặng Dung	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 50,52,54,58,60,62 Châu Long. + Số 144 Quan Thánh.
					Nguyễn Trường Tộ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Châu Long	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Quan Thánh	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.36	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Trần Vũ	4-6/16-22	5-7/20-26	0	3-6	
					Châu Long	4-6/16-22	5-7/20-26	0	3-6	
					Nguyễn Trường Tộ	4-6/16-22	5-7/20-26	0	3-6	
A.37	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Châu Long	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại: + Số 41, 49, 51, 53, 55, 57 (CCC) Châu Long; + Số 50,58,60,74 Nguyễn Trường Tộ.
					Phạm Hồng Thái	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Cửa Bắc	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Nguyễn Trường Tộ	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.38	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Châu Long	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại số 33,37,39 Châu Long.
					Phó Đức Chính	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Cửa Bắc	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Phạm Hồng Thái	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.39	50	Giá trị trung bình	Cây xanh, CC,C Q		Phó Đức Chính	3-5/12-20	5-7/20-26	0	6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại khu đất có khu trường Trung học Trung Hoa Hà Nội cũ, 67 Phó Đức Chính (Nhà in), 40 Yên Phụ. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại tuyến phố Cửa Bắc.
					Yên Phụ	3-5/12-20	5-7/20-26	0	6	
					Cửa Bắc	3-5/12-20	5-7/20-26	0	6	
A.40	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Trúc Bạch	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại: + Số 119 Trúc Bạch. + Số 4,6,26,32,34,36,38,48 Châu Long.
					Ngũ Xã	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Châu Long	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố (tầng/m)	Lớp sau (tầng/m)	Lớp mặt phố (m)	Lớp sau so với lớp trước (m)	
A.41	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Nguyễn Khắc Nhu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình chùa Châu Long (số 32). Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại số 114 Trần Vũ.
					Trần Tế Xương	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Ngũ Xã	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Trúc Bạch	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Châu Long	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Trần Vũ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.42	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Nguyễn Khắc Hiếu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại số 23 Ngũ Xã.
					Ngũ Xã	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Lạc Chính	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Trần Tế Xương	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.43	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Nam Trang	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại số 37 Nam Trang.
					Trần Tế Xương	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Nguyễn Khắc Hiếu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Ngũ Xã	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.44	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Nam Trang	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình Đình Ngũ Xã và Chùa Thần Quang. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại: + Số 16 Nguyễn Khắc Hiếu. + Số 50,52 Ngũ Xã.
					Mạc Đình Chi	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Nguyễn Khắc Hiếu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Ngũ Xã	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.45	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Nguyễn Khắc Hiếu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Mạc Đình Chi	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Lạc Chính	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Ngũ Xã	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.46	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Nam Trang	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Nguyễn Khắc Hiếu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Mạc Đình Chi	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.47	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Nguyễn Khắc Hiếu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Nam Trang	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Lạc Chính	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Mạc Đình Chi	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	

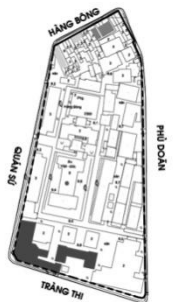
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
A.48	70	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Trần Vũ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Lạc Chính	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Nam Tráng	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Nguyễn Khắc Hiếu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.49	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Trúc Bạch	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Ngũ Xã	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Lạc Chính	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.50	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Thanh Niên	3-5/12-20	4-6/16-22	0	6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 53 đến 57 Phó Đức Chính.
					Yên Phụ	3-5/12-20	5-7/20-26	0	6	
					Phó Đức Chính	3-5/12-20	5-7/20-26	0	6	
A.51	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Thanh Niên	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 10,12,16,28 Phó Đức Chính.
					Phó Đức Chính	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Trúc Bạch	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.52	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Phó Đức Chính	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 56, 58, 60, 78, 90, 92, 94, 104, 114 Phó Đức Chính. + Số 16 Ngũ Xã. + Số 75 Trúc Bạch.
					Ngũ Xã	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Trúc Bạch	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
A.53	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Nguyễn Biểu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 1 Nguyễn Biểu. + Các biệt thự có sân vườn: 152,154 Quán Thánh. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 6-8 Đặng Dung, và đoạn tuyến Trần Vũ.
					Trần Vũ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	
					Đặng Dung	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Quán Thánh	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	

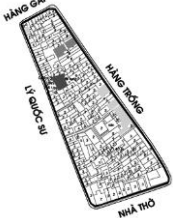
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
A.54	55-60	Đáng chú ý	Hỗn hợp		Nguyễn Biểu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình nhà thờ Cửa Bắc. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại: + Số 19, 21 Nguyễn Biểu + Số 79, 81, 83, 91, 95, 97 Quan Thánh. + Số 10 Đặng Dung. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại tuyến phố Đặng Dung.
					Quan Thánh	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Đặng Dung	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Phan Đình Phùng	1-3/4-12	5-7/20-26	3-6	15	
A.55	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Trần Vũ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 2 Nguyễn Biểu. + Số 164,174,176,184 Quan Thánh. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 182 Quan Thánh và đoạn tuyến phố Trần Vũ.
					Nguyễn Biểu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Quan Thánh	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.56	50	Đặc biệt	Hỗn hợp		Quan Thánh	3-5/12-20	5-7/20-26	0	8-15	Nghiên cứu bảo tồn cấu trúc ô phố, biệt thự có giá trị theo quy định tại quy chế quản lý biệt thự. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 105 Quán Thánh. + Biệt thự 12,16,18,20 Nguyễn Biểu. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 105/4 Quan Thánh.
					Nguyễn Biểu	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Phan Đình Phùng	2-3/8-12	4/16	4-6	15	
					Đặng Tất	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.57	50	Giá trị trung bình	CC, CQ		Thanh Niên	3-5/12-20	4-6/16-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Đền Quán Thánh
					Trần Vũ	3-5/12-20	4-6/16-22	0	8-15	
					Quan Thánh	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
A.58	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp		Hùng Vương	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn cấu trúc ô phố, biệt thự có giá trị theo quy định tại quy chế quản lý biệt thự. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 111 Quan Thánh.
					Quan Thánh	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Đặng Tất	3-5/12-20	5-7/20-26	0	3-6	
					Phan Đình Phùng	2-3/8-12	4/16	4-6	15	

KHU PHỐ CŨ THUỘC ĐỊA BÀN QUẬN HOÀN KIẾM

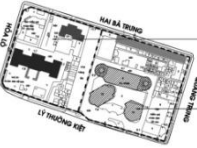
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.1	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Lý Nam Đế	4-5/16-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại: + Số 4 Lý Nam Đế (Tạp chí Văn nghệ Quân Đội), không gian trống trước nhà số 17 Lý Nam Đế. + Số 3, 7 Phan Đình Phùng. Khai thác các vòm gầm đường sắt tại tuyến phố Phùng Hưng cho mục đích công cộng hoặc đỗ xe.
					Phan Đình Phùng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phùng Hưng	4-5/16-20	5/20	0	3-6	
					Lê Văn Linh	5-6/20-22	7/26	0	3-6	
B.2	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Lý Nam Đế	4-5/16-20	5-7/20-26	0	3-6	Khai thác các vòm gầm đường sắt tại tuyến phố Phùng Hưng cho mục đích công cộng hoặc đỗ xe. Mặt phố phải đảm bảo an toàn đường sắt.
					Lê Văn Linh	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phùng Hưng	4-5/16-20	5/20	0	3-6	
					Cửa Đông	5-6/20-22	7/26	0	3-6	
B.3	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Lý Nam Đế	4-5/16-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 30 Phùng Hưng. + Số 4A Trần Phú. + Số 14, 23, 25, 28, 34, 83,... Lý Nam Đế Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình số 4, 89B Lý Nam Đế. Đảm bảo an toàn đường sắt trên tuyến phố Phùng Hưng.
					Cửa Đông	5-6/20-22	7/26	0	3-6	
					Phùng Hưng	4-5/16-20	5/20	0	3-6	
B.4	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Điện Biên Phủ	3-4/12-16	5/20	0	3-6	Các công trình xây dựng mới phải đảm bảo an toàn đường sắt. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại 14, 26, 30 Tổng Duy Tân. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình dãy nhà số 8 Điện Biên Phủ.
					Đường tàu	3-4/12-16	5/20	-	-	
					Trần Phú	3-5/12-16	4-6/16-22	0	3-6	
					Tổng Duy Tân	3-4/12-16	5/16	0	3-6	

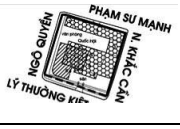
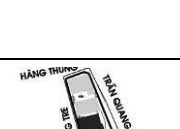
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	với lớp trước	
B.5	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Tổng Duy Tân	3-4/12-16	4/16	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 28, 188, 194, 214, 216 Hàng Bông. + Số 8 Điện Biên Phủ. + Số 9-11-25 Tổng Duy Tân. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại: + Mặt phố Điện Biên Phủ. + Số 42-60 Phùng Hưng. Tại ngõ Cầm Chi cho phép cải tạo xây mới công trình lớp ngoài không quá 3-4 tầng/16m, lớp trong 5 tầng /20m.
					Trần Phú	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phùng Hưng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hàng Bông	3-4/12-16	5/20	0	3-6	
					Điện Biên Phủ	3-4/12-16	5/20	0	3-6	
B.6	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Đường tàu	4/16	4/16	-	-	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại số 4 Nguyễn Thái Học. Khuyến khích đầu tư dự án tổng thể toàn ô phố. Các công trình xây dựng mới phải đảm bảo an toàn đường sắt theo quy định hiện hành.
					Điện Biên Phủ	3-4/12-16	4/16	0	3-6	
					Nguyễn Thái Học	3-4/12-16	4/16	0	3-6	
B.7	60	Giá trị trung bình	Nh à ở		Nguyễn Thái Học	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với tuyến Lê Duẩn-Nguyễn Thái Học-Đinh Ngang. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại số 26, 28 Cửa Nam. Tổ chức lại không gian nhà vệ sinh công cộng tại góc phố Lê Duẩn – Nguyễn Thái Học hoặc chuyển đổi chức năng khác. Các công trình xây dựng mới phải đảm bảo an toàn đường sắt theo quy định hiện hành.
					Đinh Ngang	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Cửa Nam	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lê Duẩn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	4-6	
B.8	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Nguyễn Thái Học	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại: + Số 15,21,25,27 Nguyễn Thái Học. + Số 252 Hàng Bông. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 7,23 Nguyễn Thái Học. + Số 236 Hàng Bông.
					Hàng Bông	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Đinh Ngang	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.9	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Hàng Bông	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 175,177, 215, 217 Hàng Bông. + Số 22, 24 Hội Vũ. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại các khoảng không gian số 1-11 Thợ Nhuộm.
					Ngõ Hội Vũ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hội Vũ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Tràng Thi	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Thợ Nhuộm	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.10	70	Đáng chú ý	Nhà ở		Hàng Bông	4/16	5-6/22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 123, 125 Hàng Bông. + Số 8,10,12 Hội Vũ. + Số 18 Quán Sứ.
					Quán Sứ	4/16	5/20	0	3-6	
					Ngõ Hội Vũ	4/16	5/20	0	3-6	
					Hội Vũ	4/16	5/20	0	3-6	

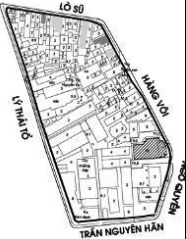
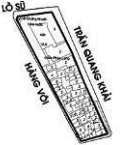
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.11	70	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, cơ quan)		Hội Vũ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Trụ sở UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo các quy định hiện hành. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 5 Hội Vũ, 48 Tràng Thi. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại công trình số 20-40 Quán Sứ.
					Quán Sứ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Tràng Thi	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.12	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở CTY tế - Giáo dục)		Quán Sứ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại: + Khu vực tường rào bệnh viện Việt Đức. + Số 69, 73, 75 Hàng Bông. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 85,87 Hàng Bông
					Hàng Bông	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phủ Doãn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Tràng Thi	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.13	70	Đáng chú ý	Hỗn hợp		Phủ Doãn	3-4/16	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại: + Nhà góc số 2 Lý Quốc Sư kết hợp mặt đứng với 23,25 Hàng Bông. + Số 29 đến 45, 59 đến 67 Hàng Bông. + Số 1 đến 7 Phủ Doãn. Nghiên cứu bảo tồn tôn tạo nhà số 8 Chân Cầm theo quy định tại quy chế quản lý biệt thự..
					Hàng Bông	4/16	5-6/20-22	0	3-6	
					Lý Quốc Sư	3-4/12-16	5-6/20-22	0	4-6	
					Chân Cầm	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.14	70	Đáng chú ý	Hỗn hợp		Chân Cầm	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Chùa Lý Triều Quốc Sư, đưa vào kế hoạch tháo dỡ mái tôn coi nơi tiếp giáp chùa phía Bắc. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại: Biệt thự vườn số 15 Chân Cầm, Số 10 Lý Quốc Sư, Số 15 Phủ Doãn. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy từ số 2-10 Âu Triệu. Quảng trường Nhà Thờ Lớn: Sớm hạ ngầm toàn bộ tuyến điện xung quanh, đưa vào kế hoạch chỉnh trang các công trình xung quanh phù hợp cảnh quan nhà thờ.
					Lý Quốc Sư	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Âu Triệu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phủ Doãn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	

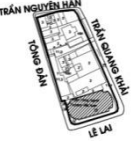
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.15	70	Đáng chú ý	Nhà ở		Lý Quốc Sư	3-5/12-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn đền Phù Ủng, Đình Đông Hương (82 Hàng Trống) Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại + Dãy số 14 đến 24, số 5 đến 19 phố Nhà Thờ + Số 22,26 Hàng Trống Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với: + Số 11 đến 15 Hàng Bông; lưu giữ hình thức phù điêu cũ. + Số 47 Lý Quốc Sư. + Số 2 đến 8, 46 đến 52, 84 đến 90, 98 đến 100 Hàng Trống.
					Hàng Bông	4/16	5-6/20-22	0	3-6	
					Hàng Trống	4-5/16-20	5-6/20-22	0	2-6	
					Nhà Thờ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-4	
B.16	70	Đặc biệt	Hỗn hợp		Phủ Doãn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	4-6	Ô phố có giá trị đặc biệt, giáp với khu vực Hồ Gươm và phụ cận. Bảo tồn cấu trúc ô phố, biệt thự có giá trị theo quy định tại quy chế quản lý biệt thự. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình Phố Phủ Doãn.
					Ấu Triệu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Tràng Thi	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Quang Trung	2-5/8-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.17	50	Giá trị trung bình	Nhà ở		Cửa Nam	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình chùa Thiên Phúc. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại: + Số 4,5, 9 đến 23, 59, 63, 69, 73 Cửa Nam, + Số 92 Hai Bà Trưng. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 29, 21,39, 53 Cửa Nam. Hạ ngầm hệ thống dây điện tuyến Cửa Nam.
					Phan Bội Châu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hai Bà Trưng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.18	50	Giá trị trung bình	Nhà ở		Hai Bà Trưng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại: + Số 2 Thợ Nhuộm. + Số 1H, 7A, 7B, 9 Phan Bội Châu. + Số 84A Hai Bà Trưng.
					Phan Bội Châu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Thợ Nhuộm	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.19	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp		Thợ Nhuộm	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với đoạn tuyến 61-65 Thợ Nhuộm và đoạn tuyến 66-70 Hai Bà Trưng.
					Tràng Thi	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Quán Sứ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hai Bà Trưng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.20	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở - CT Y tế)		Hai Bà Trưng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Xử lý cửa rác thải bệnh viện trên tuyến phố Hai Bà Trưng theo hướng văn minh, hiện đại, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Bệnh viện Phụ sản TW, có biện pháp xe đón trả khách trong khuôn viên bệnh viện; + Số 2 đến 4 Triệu Quốc Đạt.
					Quán Sứ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Tràng Thi	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Triệu Quốc Đạt	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	

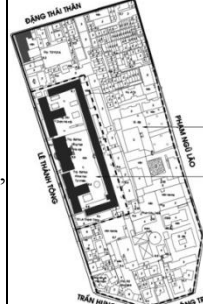
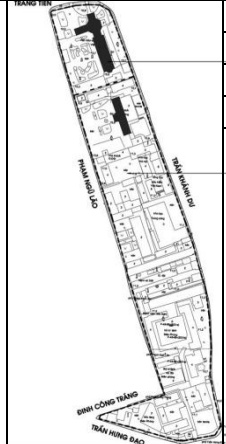
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.21	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp (CC & Bộ ngành)		Triệu Quốc Đạt	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn tòa nhà Trung tâm lưu trữ Quốc Gia và Thư viện Quốc Gia. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị đoạn tuyến phố Quang Trung. Bảo tồn các khoảng trống ô phố.
					Trảng Thi	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Quang Trung	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hai Bà Trưng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.22	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Hai Bà Trưng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với đoạn tuyến phố từ 79-83 Hai Bà Trưng. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại 69-77 Hai Bà Trưng và công trình tại góc phố Phan Bội Châu - Nam Ngự. .
					Phan Bội Châu	3-4/12-16	5-6/20-22	0	3-6	
					Nam Ngự	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lê Duẩn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.23	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà, CC)		Lê Duẩn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị nhà số 20 Phan Bội Châu. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 88 Lý Thường Kiệt, và dãy liền kề 90-92 Lý Thường Kiệt.
					Nam Ngự	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phan Bội Châu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	5-6/20-22	0	4-6	
B.24	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp		Lý Thường Kiệt	3-4/12-16	5-6/20-22	0	6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại: + Số 51 đến 59 Hai Bà Trưng. + Số 11,13&15 Phan Bội Châu. + Số 60-62 Lý Thường Kiệt. + Toàn tuyến Thợ Nhuộm. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 4,6 ngõ 55 Hai Bà Trưng. + Số 66 & 68 Quán Sứ Bảo tồn các biệt thự theo quy chế quản lý biệt thự.
					Phan Bội Châu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hai Bà Trưng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Thợ Nhuộm	3-5/12-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Quán Sứ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.25	5	Cây xanh	Cây xanh		Thợ Nhuộm					Vườn hoa Quán Sứ: Đưa vào kế hoạch trồng cây bổ sung, tạo cảnh quan mặt phố Thợ Nhuộm
					Hai Bà Trưng					
					Quán Sứ					
B.26	60	Đặc biệt	Công cộng		Thợ Nhuộm	4-5/16-20	5-6/20-22	0	6	Nghiên cứu bảo tồn di tích nhà tù Hỏa Lò.
					Quán Sứ	4-5/16-20	5-6/20-22		6	
					Hai Bà Trưng	4-5/16-20	5-6/20-22		6	
					Hỏa Lò	2/8	2/8			
B.27	60	Giá trị trung bình	Nhà ở, hỗn hợp		Quán Sứ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị toàn bộ biệt thự số 50, 58 Lý Thường Kiệt. Nghiên cứu bảo tồn các biệt thự theo quy chế quản lý biệt thự.
					Thợ Nhuộm	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lý Thường Kiệt	4-6/16-22	5-6/20-22	0	2-6	

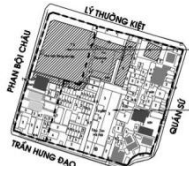
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.28	50	Đặc biệt	Hỗn hợp (CQ, C C)		Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tòa án nhân dân tối cao, tòa án nhân dân thành phố, số 39 Hai Bà Trưng, Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị đoạn phố số 2F, 43B Quang Trung, góc Lý Thường Kiệt - Hòa Lò.
					Hòa Lò	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hai Bà Trưng (Hòa Lò - 19/12)	2/8	5-6/20-22	0	6	
					Hai Bà Trưng (19/12 - Quang Trung)	2/8	5-6/20-22	0	6	
					Quang Trung	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.29	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, GD)		Quang Trung	5-8/20-29	8/29	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại: + Số 58 Quang Trung. + Số 42 Lý Thường Kiệt. + Số 40-42 Bà Triệu. + Số 12, 44, 48, 37A Hai Bà Trưng. + Mật độ, tường rào thống nhất của khuôn viên bệnh viện Việt Nam Cuba. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: 34 Bà Triệu.
					Hai Bà Trưng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Bà Triệu	4-6/16-22	6-8/22-29	0	3-6	
					Lý Thường Kiệt	2-3/8-12 (trong trường hợp cải tạo hiện trạng)	5-6/20-22	3	15	
B.30	60	Đặc biệt	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, CQ)		Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	6/22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình quận ủy Hoàn Kiếm, trường THCS Trưng Vương theo quy định hiện hành. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại số 28, 25 đến 33 Bà Triệu.
					Bà Triệu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hai Bà Trưng	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Hàng Bài	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.31	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, CQ)		Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	6/22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn thư viện KHKT, Rạp Kim Đồng, UB Đoàn kết công giáo Việt Nam, Viện chiến lược chính sách KH&CN theo quy định hiện hành. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại: + Số 29-33 Hàng Bài. + Góc phố Lý Thường Kiệt giao Hàng Bài. + Số 26 Lý Thường Kiệt.
					Hàng Bài	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hai Bà Trưng	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Ngô Quyền	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.32	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Ngô Quyền	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn khuôn viên số 7, 9 Hai Bà Trưng. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại: số 5-7 Phạm Sư Mạnh.
					Hai Bà Trưng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Nguyễn Khắc Cần	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phạm Sư Mạnh	4-5/16-20	7/26	0	3-6	

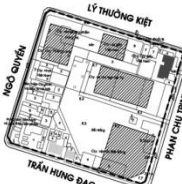
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.33	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Phạm Sư Mạnh	4-5/16-20	7/26	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại biệt thự số 11B Hai Bà Trưng. Nghiên cứu bảo tồn biệt thự số 7, 9 Hai Bà Trưng, phù hợp với quy định tại quy chế quản lý biệt thự.
					Nguyễn Khắc Cần	4-5/16-20	5/20	0	3-6	
					Hai Bà Trưng	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Phan Chu Trinh	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.34	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (CC, CQ)		Phạm Sư Mạnh	3-4/12-16	5-6/20-22	0	3-6	
					Nguyễn Khắc Cần	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Ngô Quyền	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.35	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, GD)		Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	6/22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình số 14,16, 18,20 Lý Thường Kiệt, phù hợp với quy định tại quy chế quản lý biệt thự.
					Nguyễn Khắc Cần	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phạm Sư Mạnh	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Phan Chu Trinh	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.36	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, GD)		Phan Chu Trinh	4-6/16-22	7/26	0	3-6	Không xây dựng thêm nhà liền kề tại dãy số 3 Hai Bà Trưng. Nghiên cứu bảo tồn không gian trống tại số 4,6,8 Lý Thường Kiệt và số 5 Phan Chu Trinh. Nghiên cứu bảo tồn biệt thự và công trình hiện có số 13,15,17,19 Phan Chu Trinh, phù hợp với quy định tại quy chế quản lý biệt thự. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị tại số 2, 8 Lý Thường Kiệt.
					Hai Bà Trưng	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Lê Thánh Tông	3-4/12-16	5-6/20-22	0	3-6	
					Phan Huy Chú	3-4/12-16	5-6/20-22	0	3-6	
					Lý Thường Kiệt	3-4/12-16	5-6/20-22	0	20	
					Đặng Thái Thân	-	-	-	-	
B.37	5	Cây xanh	Cây xanh		Lê Thánh Tông					Vườn hoa Tao Đàn (Vườn hoa José Martí)
					Phan Huy Chú					
					Lý Thường Kiệt					
B.38	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Nguyễn Hữu Huân	5-6/20-22	6/22	0	3-6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với toàn đoạn tuyến phố Hàng Thùng; Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc tại: + Số 11,13,25,27,29 Hàng Thùng + Số 22,24 Hàng Tre + Số 8 Lò Sũ/ Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy số 79, từ 91 đến 99 Nguyễn Hữu Huân.
					Hàng Thùng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hàng Tre	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lò Sũ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.39	50	Đặc biệt	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Lò Sũ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình UB sông Mekong 23 Hàng Tre và Viện QH Thủy Lợi 162 Trần Quang Khải phù hợp với các quy định hiện hành. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình Viện Chiến lược giao thông vận tải 162 Trần Quang Khải.
					Hàng Tre	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hàng Thùng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Quang Khải	4-6/16-22	9/32	0	3-6	

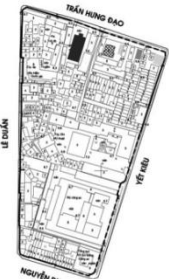
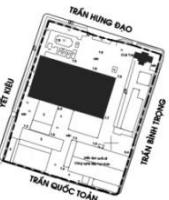
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.40	70	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, GD)		Lý Thái Tổ	4-6/16-22	8/20	0	4-6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy số: + Số 1 đến 19 (dãy lẻ) và số 8 Lý Thái Tổ. Nhà số 19-27: Khuyến khích các dự án lớn. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc tại: + Số 45 Lò Sũ. + Số 24,28,30 Hàng Vôi. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị số 8 Trần Nguyên Hãn.
					Lò Sũ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hàng Vôi	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Ngô Quyền	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Nguyên Hãn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.41	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CC)		Lò Sũ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	6	Nghiên cứu bảo tồn Chùa Phúc Long số 168. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị số 170, 192A Trần Quang Khải. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy số: + Số 170 - 184, 190 - 192B Trần Quang Khải. + Số 25-27 Hàng Vôi. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình số 186, 188 Trần Quang Khải.
					Trần Quang Khải	5-6/20-22	9/32	0	6	
					Hàng Vôi	4-5/16-20	5-6/20-22	0	6	
B.42	60	Giá trị trung bình	Cơ quan		Hàng Vôi	4-5/16-20	-	0	6	Đảm bảo duy trì không gian mở xung quanh tòa nhà BIDV.
					Trần Quang Khải	4-5/16-20	-	0	6	
					Trần Nguyên Hãn	4-5/16-20	-	0	6	
B.42a	5	Cây xanh	Cây xanh		Trần Nguyên Hãn	-	-	-	-	Vườn hoa phía trước tòa nhà BIDV. Bảo tồn diện tích đất vườn hoa
					Ngô Quyền	-	-	-	-	
					Tông Đản	-	-	-	-	
B.43	50	Đặc biệt	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Trần Nguyên Hãn	4-5/16-20	6/22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại số 8 Ngô Quyền và tuyến phố Ngô Quyền. . Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị dãy số 7 Trần Nguyên Hãn.
					Ngô Quyền	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Lý Thái Tổ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.44	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Trần Nguyên Hãn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại số 3a,5,9,35 Ngô Quyền Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy số 2, 2C, 4, 8 Tông Đản.
					Tông Đản	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lê Lai	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Ngô Quyền	4-5/16-20	6/22	0	3-6	

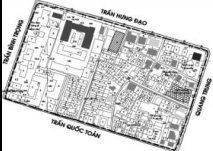
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.45	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Trần Nguyên Hân	4-5/16-20	6/22	0	6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy phố Trần Nguyên Hân, khuyến khích dự án toàn ô tuyến phố. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị dãy số 1C Tông Đản. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại số 1 Tông Đản. Duy trì không gian mở quanh tòa nhà Vietcombank.
					Trần Quang Khải	4-5/16-20	5-6/20-22	0	6	
					Lê Lai	4-5/16-20	5-6/20-22	0	6	
					Tông Đản	5-6/20-22	6-7/22	0	6	
B.46	50	Đặc biệt	Hỗn hợp (CQ, GD)		Tông Đản	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình NHNN Việt Nam phù hợp với quy định hiện hành. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại số 12, 18 Lê Phụng Hiểu và 51 Lý Thái Tổ. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị số 14-16 Lê Phụng Hiểu.
					Lê Phụng Hiểu	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Lý Thái Tổ	2-3/8-12	2-3/8-12	0	3-6	
					Lê Lai	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.47	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ, GD)		Lê Lai	4-5/16-20	5-6/20-22	0	6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại số 11 Tông Đản (5 Lê Lai). Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị số 210A Trần Quang Khải.
					Trần Quang Khải	4-5/16-20	6/22	0	6	
					Lê Phụng Hiểu	4-5/16-20	8/30	0	6	
					Tông Đản	4-5/16-20	5-6/20-22	0	6	
B.48	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ, GD)		Tông Đản	2-3/8-12	4/16	3-6		Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại: + Số 22,24 Tông Đản. + Số 8B Lý Đạo Thành. + Số 59 Lý Thái Tổ. + Số 5,7,9 Lê Phụng Hiểu. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy số 2 đến 6 Lý Đạo Thành
					Lý Đạo Thành	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Lý Thái Tổ	4-5/16-20	6-7/ 22-26	0-2	3-4	
					Lê Phụng Hiểu	2-3/8-12	2-3/8-12	3-6		
					Cô Tân	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lý Thái Tổ	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.49	50	Đặc biệt	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Lê Phụng Hiểu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy số 214 Trần Quang Khải. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị khu vực hàng rào Bảo tàng Cách mạng trên phố Tràng Tiền. Duy trì khoảng lùi trên phố Lê Phụng Hiểu. Nghiên cứu bảo tồn khuôn viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam Tông Đản.
					Trần Quang Khải	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Tràng Tiền	2/8	2/8-10	0	3-6	
					Tông Đản	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	với lớp trước	
B.50	5	Cây xanh	Cây xanh		Trần Quang Khải					Vườn hoa Bác Cổ.
					Tràng Tiên					
					Lê Thánh Tông	-	8/29	-	6	
					Đặng Thái Thân	1-4/4-16	5-6/20-22	0	6	
					Phạm Ngũ Lão	1-4/4-16	5-6/20-22	0	6	
B.51	50	Đặc biệt	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ, GD, QP)		Đình Công Tráng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình Trường Đại học Dược Hà Nội phù hợp với các quy định hiện hành. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 29-31 Lê Thánh Tông. + Số 1A Đặng Thái Thân. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc tại: + Số 19-23 Lê Thánh Tông và khuôn viên nhà số 3,5,7,9 Lê Thánh Tông. + Số 1,1A, 3,5 Đặng Thái Thân.
					Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lê Thánh Tông	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Đặng Thái Thân	3-4/12-16	5-6/20-22	0	3-6	
					Phạm Ngũ Lão	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.52	50	Đặc biệt - Ô đất lớn	Hỗn hợp (CC, CQ, QP)		Tràng Tiên	2/8	2/8-10			Nghiên cứu bảo tồn tòa nhà Viễn Đông Bác Cổ (nay là Bảo tàng Lịch Sử Việt Nam), Công trình nhà khách quân đội phù hợp với quy định hiện hành. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 9, 15C (Bảo Việt), 19 đến 33 Trần Khánh Dư (Doanh trại quân đội). + Số 2 Trần Hưng Đạo (Trụ sở bộ tư lệnh biên phòng), bảo tàng biên phòng. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và cảnh quan tại số 33A Phạm Ngũ Lão.
					Trần Khánh Dư	4-5/16-20	6-8/22-30	0	6	
					Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	6-8/22-30	0	6	
					Đình Công Tráng	4-5/16-20	6/22	0	6	
					Phạm Ngũ Lão	4-5/16-20	6/22	0	6	
B.53	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, CQ, QP)		Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	6/22	0	4-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình, biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại: + Số 87, 89 Lý Thường Kiệt. + Số 26 Phan Bội Châu.
					Lê Duẩn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	4-6	
					Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	6/22	0	4-6	
					Phan Bội Châu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	4-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.54	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, CQ, YT)		Phan Bội Châu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 53A,53B,53C, 53 Phan Bội Châu. + Số 86, 98-100 Trần Hưng Đạo. + Số 86 Quán Sứ. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại: + Số 47,48 Phan Bội Châu. + Số 88,90 Trần Hưng Đạo. + Số 72,74,82,84 Quán Sứ.
					Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	6/22	0	4-6	
					Quán Sứ	1/4	2-3/12-16	0	3-6	
					Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
B.55	60	Đặc biệt	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, CQ, YT, GD)		Trần Hưng Đạo	3-4/12-16	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Chùa Quán Sứ, công trình Tổng Liên Đoàn Lao động VN. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Dãy số 2 Dã Tượng, và hàng rào Bộ Giao thông Vận tải. . Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình tại: + Số 80,82 Trần Hưng Đạo. + Số 65 Quán Sứ: + Số 4 Dã Tượng (Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ).
					Quán Sứ	3-4/12-16	5-6/20-22	0	3-6	
					Lý Thường Kiệt	2-3/8-12	5-6/20-22	0-3	3-6	
					Dã Tượng	4-5/16-20	5/20	0	3-6	
B.56	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, CQ, GD)		Dã Tượng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại: + Số 64,70,82,84,88,90 Thợ Nhuộm. + Số 66, 68B, 68A Trần Hưng Đạo. + Số 5 Dã Tượng. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với: + Số 70-72 Thợ Nhuộm. + Số 74-78 Trần Hưng Đạo. + Số 7, 9 Dã Tượng.
					Thợ Nhuộm	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Quang Trung	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
B.57	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Thợ Nhuộm	2-3/8-12	4/16	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại: + Số 51, 55, 59, 61,63 Lý Thường Kiệt. + Chuỗi biệt thự đoạn tuyến Quang Trung. + Số 79,81,83,85 Thợ Nhuộm. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại: + Số 57 Lý Thường Kiệt. + Số 73 - 77 Thợ Nhuộm.
					Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Quang Trung	2/8	3/12	2	2-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	với lớp trước	
B.58	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, Bộ ngành, Giáo dục)		Quang Trung	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Trường PTTH Việt Đức, trụ sở ngân hàng nhà nước Việt Nam. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với: + Số 50-58 Bà Triệu. + Số 87-95 Thợ Nhuộm. + Số 47 Lý Thường Kiệt. + Số 23 Quang Trung.
					Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	6/24	0	3-6	
					Bà Triệu	4-6/16-22	6-8/22-29	0	3-6	
					Thợ Nhuộm	2-3/8-12	4-5/16-20	0	3-6	
B.59	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, GD)		Quang Trung	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình số 58 Trần Hưng Đạo (Đại sứ quán Ấn Độ). Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại 62 Trần Hưng Đạo và dãy số 25 Quang Trung.
					Thợ Nhuộm	2-3/8-12	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
B.60	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, CQ)		Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	6/22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại: + Số 43 Lý Thường Kiệt. + Số 45 Bà Triệu. + Số 54B Trần Hưng Đạo. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình: + Số 39, 41 Lý Thường Kiệt. + Cổng số 40A Hàng Bài.
					Bà Triệu	4-6/16-22	6-8/22-29	0	3-6	
					Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Hàng Bài	4-6/16-20	6-8/22-29	0	3-6	
B.61	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, CQ)		Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	6/22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình có giá trị phù hợp với quy chế quản lý biệt thự (KS Hòa Bình, Generallexim VN, Rạp Tháng Tám, NXB Thế Giới...) Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình số: + Số 40, 46 Trần Hưng Đạo. + Số 27 Lý Thường Kiệt. + Số 48, 50 Ngô Quyền. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại: + Số 48 Trần Hưng Đạo. + Số 39 đến 47 Hàng Bài. + Số 46 Ngô Quyền.
					Hàng Bài	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Ngô Quyền	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
B.62	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Trần Hưng Đạo	4-6/16-22	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình số: + Số 30 Trần Hưng Đạo. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại: + Số 62 Trần Hưng Đạo. + Số 41 đến 45 Ngô Quyền.
					Ngô Quyền	4-6/16-22	5-7/20-26	0	3-6	
					Lý Thường Kiệt	4-6/16-22	5-7/20-26	0	3-6	
					Phan Chu Trinh	4-6/16-22	5-7/20-26	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.63	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, CQ)		Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị khuôn viên các công trình số: + Số 7,9, 11, 13 Lý Thường Kiệt. + Số 31,33 Phan Chu Trinh. + Số 24,26 Trần Hưng Đạo. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại: + Số 23 Phan Chu Trinh. + Số 24-24A, 28A Trần Hưng Đạo. + Số 24 Phan Huy Chú. + Số 11, 13 Lý Thường Kiệt.
					Phan Chu Trinh	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lý Thường Kiệt	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phan Huy Chú	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.64	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị khuôn viên các công trình: + Số 14 Lê Thánh Tông. + Số 8, 10,12 Trần Hưng Đạo. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại: + Số 18,18A Lê Thánh Tông. + Số 16, 18 Trần Hưng Đạo. + Số 5 Phan Huy Chú.
					Phan Huy Chú	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lý Thường Kiệt	8/30	8/30	-	-	
					Lê Thánh Tông	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.65	5	Cây xanh	Cây xanh		Đinh Công Tráng					Vườn hoa nhỏ trong khuôn viên của khu đất an ninh quốc phòng
					Phạm Ngũ Lão					
B.66	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CC, CQ)		Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy từ số 87-91 Nguyễn Du.
					Yết Kiêu	4-6/16-22	7/26	0	3-6	
					Nguyễn Du	4-6/16-22	6/22	0	3-6	
					Lê Duẩn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	4-6	
B.67	50	Đặc biệt	CC		Trần Hưng Đạo	1/4-6	6/22	2-6	-	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại: + Số 91 Trần Hưng Đạo (Cầu lạc bộ Thăng Long). + Số 1-1A Yên Kiêu.
					Trần Bình Trọng	1/4	1/6	2	3-6	
					Trần Quốc Toản	2-3/8-12	3/12	0	3-6	
					Yết Kiêu	3-4/12-16	5/20	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.68	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Trần Bình Trọng	3-5/12-20	5/20	0	3-6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy: + Số 71- 89 Trần Hưng Đạo. + Số 64-68, 70, 78-86 Trần Quốc Toản. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và khuôn viên các công trình: + Số 73,75,77A,87 Trần Hưng Đạo. + Nghiên cứu bảo tồn chuỗi biệt thự phố Trần Quốc Toản, nghiên cứu bảo tồn khoảng trống số 62 Trần Quốc Toản. + Nghiên cứu bảo tồn hình thái tuyến chuỗi biệt thự có giá trị phố Trần Bình Trọng. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 20, 28-34 Quang Trung. + Từ số 78 đến ngõ Đoàn Nhữ Hài. Giữ diện tích sân vườn các công trình ngõ xóm Hạ Hối.
					Trần Quốc Toản	2-3/8-12 (từ 78-ngõ Đoàn Nhữ Hài: 3- 4/12-16)	5-6/20-22 (từ 78-ngõ ĐoànNhữ Hài: 0)	0-4	3-6	
					Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Quang Trung	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.69	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Quang Trung	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy: + Số 4,20 Ngô Văn Sở. + Số 29-33 Quang Trung.
					Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Bà Triệu	2-7/8-26	3-8/26-29	0	3-6	
					Ngô Văn Sở	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
B.70	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, GD)		Ngô Văn Sở	1-2/16-20	3-4/12-16	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc tại số 20, 22 Trương Hán Siêu, khoảng trống công trình nhà 37 Quang Trung. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy số 35-37 Quang Trung.
					Trương Hán Siêu	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Trần Quốc Toản	3-4/12-16	5-6/20-22	0	3-6	
					Quang Trung	3-4/12-16	5-6/20-22	0	3-6	
B.71	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Trương Hán Siêu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy số 48-50 Trần Quốc Toản và toàn đoạn tuyến Ngô Văn Sở.
					Ngô Văn Sở	3-4/12-16	5-6/20-22	0	3-6	
					Bà Triệu	5-6/20-22	7/26	0	3-6	
					Trần Quốc Toản	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.72	60	Đặc biệt	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Bà Triệu	1 / 4-5	3/12	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn biệt thự số 51 và khuôn viên Đại sứ quán Pháp theo quy định tại quy chế quản lý biệt thự. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 49 Trần Hưng Đạo.
					Trần Hưng Đạo	2-3/8-12	3/12	0	3-6	
					Hàng Bài	2-5/8-20	7-8/26-29	0	3-6	
					Hàm Long	2-5/8-20	5-6/20-22	0-3	3-6	

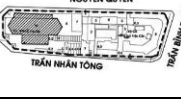
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	với lớp trước	
B.73	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Hàm Long	4-6/16-22	8/29	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại + Số 22-26, 30-32 Trần Quốc Toàn. + Số 35-55, 57A-59,65-67 Hàm Long.
					Phố Huế	4-6/16-20	8/29	0	3-6	
					Trần Quốc Toàn	4-5/16-20	8/29	0	3-6	
					Bà Triệu	5-6/20-22	7-8/26-29	0	3-6	
B.74	60	Đặc biệt	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ - BN)		Hàm Long	4-6/16-22	6/22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình số 39 Trần Hưng Đạo, chuỗi biệt thự 2 tầng từ số 60 đến 76 Ngô Quyền phù hợp với quy định tại quy chế quản lý biệt thự. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Dãy số 18,22,26,30,32,40 Hàm Long. + Số 49-53D, 55D Hàng Bài. + Dãy số 47 Trần Hưng Đạo. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc tại số 41,43,45,49 Trần Hưng Đạo.
					Hàng Bài	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Ngô Quyền	2/8-10	3/12	0	3-6	
B.75	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, C - BI CC)		Hàm Long	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc tại: + Số 27B Trần Hưng Đạo. + Khoảng trống tại số 49-55 Ngô Quyền. + Biệt thự số 10, khoảng sân số 8 Hàm Long. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 29, số 31 đến 37 Trần Hưng Đạo. + Dãy số 2-6 Hàm Long.
					Ngô Quyền	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Hưng Đạo	4-6/16-22	8/30	0	3-6	
					Phan Chu Trinh	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.76	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Phan Chu Trinh	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 15, 17, 19, 23 Trần Hưng Đạo. Nghiên cứu bảo tồn công trình tại khu đất của viện khảo cổ học Việt Nam (61 Phan Chu Trinh) phù hợp với các quy định hiện hành.
					Trần Hưng Đạo	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phan Huy Chú	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hàn Thuyên	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.77	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, Y tế - CQ)		Hàn Thuyên	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại: + Số 13 Trần Hưng Đạo. + Số 11-15 Phan Huy Chú. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 14-20 Hàn Thuyên, số 9 Trần Hưng Đạo.
					Phan Huy Chú	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Hưng Đạo	4-6/16-22	8/30	0	3-6	
B.78	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Nguyễn Du	1-3/4-12	3-4/12-16	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại + Số 80, 86-88A Nguyễn Du. + Số 1 Yên Kiêu. + Dãy số 16 Trần Bình Trọng. Nghiên cứu phát huy giá trị không gian trống tại góc số 1A Yên Kiêu, khoảng lùi hiện có trên đoạn phố Trần Quốc Toàn.
					Yết Kiêu	4-5/16-20	6/22	0	3-6	
					Trần Quốc Toàn	6-8/22-29	9/33	6-8	3-6	
					Trần Bình Trọng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	với lớp trước	
B.79	50	Đặc biệt	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ, CC)		Trần Bình Trọng	2-3/8-12	3-4/12-16	2-3	4-8	Nghiên cứu bảo tồn Di Tích Đền Ngọc Liên 23 Trần Bình Trọng. Nghiên cứu bảo tồn cấu trúc nhà vườn, chuối biệt thự đoạn tuyến Nguyễn Gia Thiệu, Trần Bình Trọng, Trần Quốc Toàn phù hợp với quy chế quản lý biệt thự.
					Trần Quốc Toàn	2-3/8-12	3-4/12-16	2-3	4-8	
					Liên Trì	3-5/12-20	4-5/16-20	0	3-6	
					Nguyễn Gia Thiệu	2-3/8-12	3-4/12-16	2-3	4-8	
B.80	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Nguyễn Gia Thiệu	2-3/8-12	3-4/12-16	2-3	4-8	Nghiên cứu bảo tồn cấu trúc nhà vườn, chuối biệt thự phù hợp với quy chế quản lý biệt thự.
					Liên Trì	3-5/12-20	5/20	0	3-6	
					Nguyễn Du	2-5/16-20	3-7/12-26	0	3-6	
					Trần Bình Trọng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.81	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Nguyễn Gia Thiệu	1-3/8-12	3/12	0-3	3-6	Nghiên cứu bảo tồn cấu trúc nhà vườn, chuối biệt thự phù hợp với quy chế quản lý biệt thự. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại 55,59-75 Trần Quốc Toàn (cho phép sát mặt phố)
					Liên Trì	3-5/12-20	5/20	0	3-6	
					Trần Quốc Toàn	2-3/8-12	3-4/12-16	2-3	4-8	
					Quang Trung	1/4	3-5/12-20	0	3-6	
B.82	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Quang Trung	4-5/16-20	5-7/20-26	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn các khoảng trống dãy biệt thự tiếp giáp hồ trên phố Nguyễn Du, chuối biệt thự Nguyễn Gia Thiệu phù hợp với quy chế quản lý biệt thự. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 9 Nguyễn Gia Thiệu.
					Nguyễn Du	2-3/8-12	4/16	0	3-6	
					Liên Trì	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Nguyễn Gia Thiệu	2-3/8-12	3-4/12-16	3-6	3-6	
B.83	60	Đáng chú ý	Nhà ở		Nguyễn Du	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 48, 50, 52 Nguyễn Du. + Số 39 đến 49 Quang Trung. + Số 47 đến 49 Trần Quốc Toàn. + Số 34 Trương Hán Siêu.
					Quang Trung	1-4/4-16	5/20	0	3-6	
					Trần Quốc Toàn	3-4/12-16	3-5/12-20	2	3-6	
					Trương Hán Siêu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.84	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Trương Hán Siêu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 84-98,100 Bà Triệu. + Số 34-43 Nguyễn Du, khuyến khích dự án tại đây.
					Trần Quốc Toàn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Bà Triệu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Nguyễn Du	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.85	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ - BN)		Nguyễn Du	4-5/16-20	6-7/22-26	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 48 Nguyễn Du. + Số 36-48 Phố Huế. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình số 18 Nguyễn Du. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy từ số 20-24 Nguyễn Du.
					Bà Triệu	2-3/8-12	3-4/12-16	0	15	
					Trần Quốc Toàn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phố Huế	2-5/8-20	5-6/20-22	0	3-6	

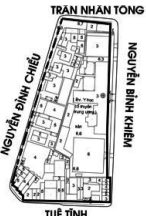
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so mặt phố với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
B.86	60	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, GD)		Phố Huế	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình và biệt thự có giá trị theo quy chế quản lý biệt thự tại số 2B, 6 Ngô Thị Nhậm, bảo tồn sân trước 27-29,25 Hàm Long. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy từ số: + Số 4, dãy số 10-16 Ngô Thị Nhậm. + Số 82,84, dãy 88-96 Lê Văn Hưu. + Số 11-19,25-31,37-39A Phố Huế. + Số 23, 31-33 Hàm Long. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình số 1,3 Phố Huế.
					Hàm Long	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Ngô Quyền	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Lê Văn Hưu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
B.87	60	Đặc biệt	Hỗn hợp (Nhà ở, CC)		Lê Văn Hưu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Nhà thờ StAntone số 21 Hàm Long. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy từ số: + Số 1 đến 11, 15 đến 19 Hàm Long. + Số 3 đến 6, dãy số 12 Lê Văn Hưu.
					Ngô Quyền	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hàm Long	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	

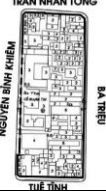
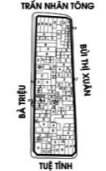
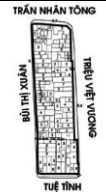
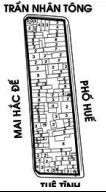
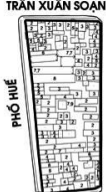
KHU PHỐ CŨ THUỘC ĐỊA BÀN QUẬN HAI BÀ TRƯNG

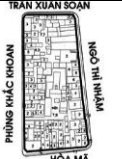
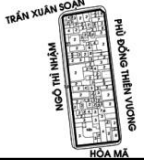
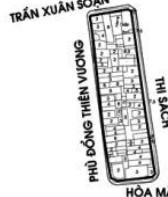
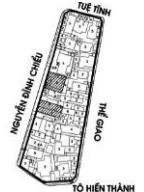
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so mặt phố với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
C.1	50	Giá trị trung bình	Nhà ở		Lê Duẩn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 87-91 Nguyễn Du. + Số 177-179 Lê Duẩn.
					Nguyễn Du	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Yết Kiêu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Đỗ Hành	3-5/12-20	6/22	0	3-6	
C.2	50	Giá trị trung bình	Nhà ở		Lê Duẩn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Biệt thự 108 Yết Kiêu. + Số 189,193 Lê Duẩn.
					Đỗ Hành	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Yết Kiêu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Vũ Lợi	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
C.3	50	Giá trị trung bình	Nhà ở		Lê Duẩn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Biệt thự số 1 Vũ Hữu Hội. + Số 197 Lê Duẩn. Có phương án nghiên cứu cải tạo mặt đứng đoạn tuyến phố làm cơ sở cải tạo chỉnh trang công trình trong khu vực đối với dãy từ số 32-36 Nguyễn Thượng Hiền.
					Vũ Lợi	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Yết Kiêu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Nguyễn Thượng Hiền	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	

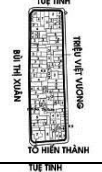
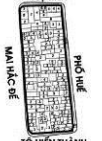
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
C.4	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CC)		Yết Kiêu	4-5/16-20	5/20	0	3-6	Ô phố có nhiều công trình, biệt thự có giá trị, bảo tồn cấu trúc ô phố, bằng chiều cao tối đa công trình di sản. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các biệt thự tại: + Số 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14 Thiên Quang. + Số 61 đến 63, 65, 67, 71a, 71 Nguyễn Du. + Số 14 Thiên Quang. + Số 3, 9 Yết Kiêu.
					Nguyễn Du	4-5/16-20	5/20	0	3-6	
					Trần Bình Trọng	4-5/16-20	5/20	0	3-6	
					Thiên Quang	2-3/8-12		3-6		
C.5	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CC)		Yết Kiêu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Ô phố có nhiều công trình, biệt thự có giá trị, bảo tồn cấu trúc ô phố, bằng chiều cao tối đa công trình di sản. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 4, 6, 10 Nguyễn Thượng Hiền. + Số 12-14, 18-20, 24 Trần Bình Trọng. + Số 3, 5, 7 Trần Bình Trọng. + Số 9 đến 11 Thiên Quang. Nghiên cứu bảo tồn không gian trống góc sân 15 Thiên Quang, phù hợp với quy định hiện hành.
					Thiên Quang	2-4/8-16	3-5/12-20	0-3	3-6	
					Trần Bình Trọng	2-3/8-20	3-4/12-16	0-3	3-6	
					Nguyễn Thượng Hiền	2-4/8-16	3-5/12-20	0-3	3-6	
C.6	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CC)		Lê Duẩn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 5, 15b Nguyễn Thượng Hiền. + Số 4, 6 Nguyễn Quyền.
					Nguyễn Thượng Hiền	2-4/8-16	3-5/12-20	0-3	3-6	
					Trần Bình Trọng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Nguyễn Quyền	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
C.7	50	Giá trị trung bình	CC		Lê Duẩn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	6	
					Nguyễn Quyền	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Bình Trọng	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Nhân Tông	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
C.8	5	Cây xanh	Cây xanh, hồ nước		Trần Bình Trọng	1/4	1/4	6	6	Nghiên cứu bảo tồn chùa Pháp Hoa, chùa Thiên Quang. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Nhà văn hóa học sinh sinh viên. + Cụm nhà số 29, 35 Trần Bình Trọng. + Chỉnh trang bờ kè đảm bảo cảnh quan đẹp cho khu vực Bổ sung tiểu cảnh, vườn hoa ven hồ.
					Nguyễn Du					
					Quang Trung					
					Trần Nhân Tông					
C.9	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Quang Trung	4-5/16-20	8/29	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình có giá trị, và cấu trúc ô phố phù hợp với quy định tại quy chế quản lý biệt thự. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 51 Quang Trung. + Số 6 Hồ Xuân Hương. + Số 51, 53, 55 Nguyễn Du.
					Nguyễn Du	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Hồ Xuân Hương	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	

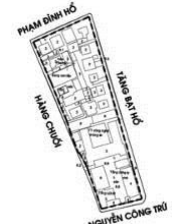
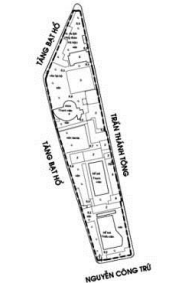
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	với lớp trước	
C.10	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp Nhà ở CQ)		Quang Trung	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 2,12,16,18 Nguyễn Bình Khiêm. + Số 11 Hồ Xuân Hương.
					Hồ Xuân Hương	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Nguyễn Bình Khiêm	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Nhân Tông	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
C.11	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Nguyễn Bình Khiêm	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 1 Nguyễn Bình Khiêm. + Số 1,3 Hồ Xuân Hương. + Số 100,126,138 Bà Triệu. Lưu ý các dãy nhà phía sau Hồ Xuân Hương, mặt bên các nhà phố Bà Triệu đảm bảo cảnh quan cho nút ngã 5.
					Hồ Xuân Hương	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Bà Triệu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Nhân Tông	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
C.12	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, YT -GD)		Bà Triệu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 45,47 Nguyễn Du. + Số 81 Bà Triệu. Nghiên cứu phát huy giá trị công trình Viện Mắt số 85 Bà Triệu.
					Nguyễn Du	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Bùi Thị Xuân	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Nhân Tông	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
C.13	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Bùi Thị Xuân	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 24 Trần Nhân Tông. + Số 18,34 Triệu Việt Vương.
					Nguyễn Du	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Triệu Việt Vương	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Nhân Tông	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
C.14	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Triệu Việt Vương	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình Đình Hội Mỹ. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 6, 8, 12, 14 Trần Nhân Tông. + Số 17, 23, 25, 27 Nguyễn Du.
					Nguyễn Du	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Phố Huế	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Nhân Tông	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
C.15	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CC)		Phố Huế	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 63 Lê Văn Hưu. + Số 22,24,30 Ngô Thị Nhậm. + Số 49 Phố Huế. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Mặt phố Trần Xuân Soạn. + Số 79 Phố Huế. + Số 59, 69, 71, 73 Lê Văn Hưu.
					Lê Văn Hưu	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Ngô Thị Nhậm	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	
					Trần Xuân Soạn	4-5/16-20	5-6/20-22	0	3-6	

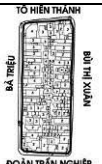
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
C.16	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Ngõ Thị Nhậm	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 46,48,58,60,62,64 Trần Xuân Soạn. + Số 15 Ngõ Thị Nhậm. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 56,58 Trần Xuân Soạn. + Số 21,23, 55-57 Ngõ Thị Nhậm.
					Lê Văn Hưu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Thị Sách	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Trần Xuân Soạn	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.17	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở,CC, CQ)		Thị Sách	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình Chùa Đức Viên. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 16 Lò Đức, cổng ngõ 2 Lò Đức. + Số 24,26 Trần Xuân Soạn. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 22 Lò Đức, và công trình góc phố 11 Trần Xuân Soạn.
					Lê Văn Hưu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Lò Đức	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Trần Xuân Soạn	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.18	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở,CC, CQ)		Lò Đức	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 35, 45 Lò Đức. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại 23,31, 41, 47,49 Lò Đức.
					Hàn Thuyên	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Hàng Chuối	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Phạm Đình Hổ	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.19	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở,CQ)		Hàng Chuối	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn các biệt thự phố Phạm Đình Hổ phù hợp với các quy định tại quy chế quản lý biệt thự.
					Hàn Thuyên	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tăng Bạt Hổ	2-6/8-23	3-7/12-25	0-3	4-6	
					Phạm Đình Hổ	2-3/8-12	4/12	0-3		
C.20	5	Cây xanh	Cây xanh		Tăng Bạt Hổ					Vườn hoa Tăng Bạt Hổ
C.21	70	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở,YT -GD)		Trần Thánh Tông					Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 1, 3,5,7,11, 19 Nguyễn Đình Chiểu. + Số 94,114 Tuệ Tĩnh. Nghiên cứu bảo tồn các biệt thự và công trình có giá trị phù hợp với các quy định tại quy chế quản lý biệt thự và quy định liên quan khác.
					Nguyễn Đình Chiểu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Nguyễn Bình Khiêm	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	

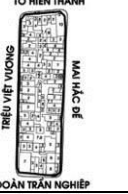
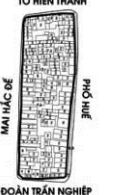
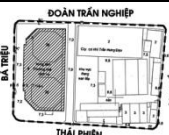
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	với lớp trước	
C.22	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ô, YT -GD)		Nguyễn Bình Khiêm	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 1, 3, 5, 7, 11, 19 Nguyễn Đình Chiểu. + Số 70, 72, 74, 76, 78, 80, 84, 86 Tuệ Tĩnh. + Số 49 Trần Nhân Tông. + Số 168, 170, 172, 174, 176, 190, 208, 210 Bà Triệu.
					Trần Nhân Tông	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Bà Triệu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.23	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Bà Triệu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 58,62,66 Tuệ Tĩnh. + Số 43 Trần Nhân Tông. + Số 54,56,64,70 Bùi Thị Xuân.
					Trần Nhân Tông	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Bùi Thị Xuân	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.24	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Bùi Thị Xuân	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 18 Tuệ Tĩnh. + Số 6,20,22,24,32,34 Mai Hắc Đế. + Số 41,41b,47,49,51,53,57 Triệu Việt Vương.
					Trần Nhân Tông	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Triệu Việt Vương	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.25	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Triệu Việt Vương	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 41,51,59,63,87 Bùi Thị Xuân. + Số 56,70,82,98 Triệu Việt Vương.
					Trần Nhân Tông	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Mai Hắc Đế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.26	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Mai Hắc Đế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 1 Trần Nhân Tông. + Số 108, 110, 126, 128, 130, 132, 134 Phố Huế. + Số 15 Mai Hắc Đế.
					Trần Nhân Tông	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Phố Huế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.27	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Phố Huế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 83, 97-105 Phố Huế. + Mặt phố Trần Xuân Soạn. + Mặt phố Phùng Khắc Khoan. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 83A Trần Xuân Soạn.
					Trần Xuân Soạn	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Phùng Khắc Khoan	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Hòa Mã	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
C.28	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Phùng Khắc Khoan	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Chùa Hòa Mã. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 80 Hòa Mã.
					Trần Xuân Soạn	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Ngô Thi Nhậm	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Hòa Mã	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.29	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Ngô Thi Nhậm	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 16, 34, 40 Phù Đồng Thiên Vương. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 49, 57 Trần Xuân Soạn. + Số 2B, 6, 22 Phù Đồng Thiên Vương.
					Trần Xuân Soạn	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Phù Đồng Thiên Vương	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Hòa Mã	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.30	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Phù Đồng Thiên Vương	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 33 Phù Đồng Thiên Vương (nhà có giá trị 1 tầng). + Cổng nhà 33 đến 35, 39 Thi Sách. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 3, 5, 7, 35A, 35B Phù Đồng Thiên Vương. + Số 64, 70, 88 Hòa Mã.
					Trần Xuân Soạn	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Thị Sách	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Hòa Mã	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.31	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Thị Sách	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại: + Số 42 Hòa Mã. + Số 36, 38, 40, 44 Thi Sách. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 2 Trần Xuân Soạn. + Số 52 Lê Ngọc Hân. + Số 46B, 50B Thi Sách.
					Trần Xuân Soạn	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Lê Ngọc Hân	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Hòa Mã	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.32	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Lê Ngọc Hân	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Góc phố 26 Lò Đúc, mặt phố Lò Đúc. + Góc phố Hòa Mã, Lê Ngọc Hân. + Dãy số 16 Hòa Mã. + Số 9&13 Lê Ngọc Hân. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 34 Lê Ngọc Hân.
					Trần Xuân Soạn	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Lò Đúc	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Hòa Mã	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.33	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Nguyễn Đình Chiểu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 89, 91, 93 Tuệ Tĩnh. + Số 2 Thê Giao Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 4, 12 Thê Giao.
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Thê Giao	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tổ Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	với lớp trước	
C.34	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở,CQ)		Thê Giao	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình tại số 3 Thê Giao.
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Nguyễn Bình Khiêm	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.35	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở,CQ- BN)		Nguyễn Bình Khiêm	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 35A Nguyễn Bình Khiêm. + Số 67 Tuệ Tĩnh. + Số 234,236, 246, 254,266 Bà Triệu.
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Bà Triệu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.36	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở,CQ)		Bà Triệu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình Chùa Chân Tiên. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 157 Bà Triệu. + Số 112,102,88 Bùi Thị Xuân. + Các biệt thự cũ trên tuyến phố Tô Hiến Thành.
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Bùi Thị Xuân	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.37	70	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở,CQ)		Bùi Thị Xuân	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 111 Bùi Thị Xuân. + Số 31, 39 Tuệ Tĩnh. + Số 120 Triệu Việt Vương.
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Triệu Việt Vương	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.38	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Triệu Việt Vương	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 42 Mai Hắc Đế. + Số 12, 22 Tô Hiến Thành.
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Mai Hắc Đế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.39	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Mai Hắc Đế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các tuyến phố.
					Tuệ Tĩnh	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Phố Huế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
C.40	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CC)		Phở Huế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc tại: + Số 3, 63, 65, 133 Ngõ Huế. + Số 39, 41 Hòa Mã. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại 17 Ngõ Huế và 82, 84 Ngõ Thị Nhậm.
					Hòa Mã	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Ngõ Thị Nhậm	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Nguyễn Công Trứ	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.41	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CN , CQ)		Ngõ Thị Nhậm	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 78, 82, 86, 92A Lò Đức, và các biệt thự cũ.
					Hòa Mã	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Lò Đức	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Nguyễn Công Trứ	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.42	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CC , CQ)		Lò Đức	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình Chùa Tổ Ông. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc tại số 113 Lò Đức. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 61, 71, 77, 105 Lò Đức. + Số 34 Hàng Chuối.
					Phạm Đình Hồ	2-6/8-23	3-7/12-25	0-3	3-6	
					Hàng Chuối	2-6/8-23	3-7/12-25	0-3	3-6	
					Nguyễn Công Trứ	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.43	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ)		Hàng Chuối	2-6/8-23	3-7/12-25	0-3	4-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và đưa vào kế hoạch chỉnh trang biệt thự + Số 32, 34, 36, 36B, 44, 46, 48 Tăng Bạt Hổ. + Số 7, 9, 11, 13 Phạm Đình Hồ. + Số 45, 47, 49, 51, 55A, 57 Hàng Chuối.
					Phạm Đình Hồ	2-3/8-12	4/22	0-3	6-20	
					Tăng Bạt Hổ	2-6/8-23	3-7/12-25	0-3	4-6	
					Nguyễn Công Trứ	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.44	50	Giá trị trung bình	CC		Tăng Bạt Hổ	2-6/8-23	3-7/12-25	0-3	4-6	Nghiên cứu bảo tồn cấu trúc ô phố. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 1, 1A Tăng Bạt Hổ. + Số 2, 2A, 6 Trần Thánh Tông. + Công trình tường rào cung Văn hóa Thanh niên.
					Trần Thánh Tông	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Nguyễn Công Trứ	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	

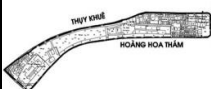
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp	Lớp sau so	
						(tầng/m)	(tầng/m)	mặt phố (m)	với lớp trước (m)	
C.45	50	Ô đất lớn	Hỗn hợp (Nhà ở,CC , CC- YT, GD)		Trần Thánh Tông	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Đền Cơ Xá. Nghiên cứu bảo tồn các công trình, biệt thự có giá trị phù hợp với quy định tại quy chế quản lý bệnh viện. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại tường rào bệnh viện 108 và Việt Xô, biệt thự 28 Nguyễn Huy Tự.
					Trần Hưng Đạo	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Trần Khánh Dư	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Nguyễn Huy Tự	2-5/823	3-6/12-23	0-3	3-6	
C.46	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở,CC , CC , CQ)		Vân Hồ III	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	6	
					Lê Đại Hành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	6	
					Hoa Lư	4-6/16-23	5-7/20-25	0	6	
					Đại Cồ Việt	4-6/16-23	5-7/20-25	0	6	
C.47	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở,CC)		Lê Đại Hành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 294 Bà Triệu, 42,44,46 Đoàn Trần Nghiệp. Chỉnh trang mặt đứng các tuyến phố.
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Ngõ Bà Triệu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Bà Triệu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Đoàn Trần Nghiệp	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.48	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 270, 276, 280, 282 Bà Triệu và 63A Ngõ Bà Triệu.
					Bà Triệu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Ngõ Bà Triệu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.49	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Bà Triệu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 175, 177, 161(Báo Hải Quan) Bà Triệu. + Số 150, 146, 136 Bùi Thị Xuân. + Mặt đứng đoạn tuyến phố Tô Hiến Thành.
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Bùi Thị Xuân	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Đoàn Trần Nghiệp	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.50	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Bùi Thị Xuân	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 25, 27, 29 Tô Hiến Thành. + Số 162,164 Triệu Việt Vương
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Triệu Việt Vương	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Đoàn Trần Nghiệp	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	

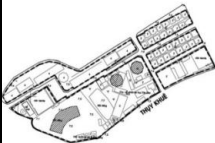
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
C.51	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Triệu Việt Vương	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 153, 155, 157 Triệu Việt Vương. + Số 96 Mai Hắc Đế. + Số 10,12 Đoàn Trần Nghiệp. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị mặt đứng đoạn tuyến phố Tô Hiến Thành.
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Mai Hắc Đế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Đoàn Trần Nghiệp	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.52	70	Giá trị trung bình	Nhà ở		Mai Hắc Đế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 123A Mai Hắc Đế. + Số 234, 236, 238, 240, 242, 244, 262, 264, 274, 276, 280 Phố Huế. + Số 2A Đoàn Trần Nghiệp.
					Tô Hiến Thành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Phố Huế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Đoàn Trần Nghiệp	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.53	50	Đáng chú ý	Hỗn hợp (Nhà ở,CQ)		Lò Đúc	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc công trình số 4 Yecxanh. Nghiên cứu bảo tồn các công trình có giá trị phù hợp với quy định hiện hành.
					Nguyễn Công Trứ	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Tăng Bạt Hổ	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Yersin	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.54	5	Cây xanh	Cây xanh		Tăng Bạt Hổ					Vườn hoa Paster
					Nguyễn Công Trứ					
					Trần Thánh Tông					
					Yersin					
C.55	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở,CQ)		Lê Đại Hành	2-5/8-20	3-6/12-22	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn di tích Chùa Vân Hồ.
					Đoàn Trần Nghiệp	2-5/8-20	3-6/12-22	0	3-6	
					Bà Triệu	2-5/8-20	3-6/12-22	0	3-6	
C.56	50	Giá trị trung bình	CC		Bà Triệu	4-5/16-20	5-7/12-22	0	3-6	
					Đoàn Trần Nghiệp	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Mai Hắc Đế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Thái Phiên	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.57	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Mai Hắc Đế	3-6/12-23	4-7/16-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc phù hợp với quy định hiện hành và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 147, 149 Mai Hắc Đế.
					Đoàn Trần Nghiệp	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Phố Huế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Thái Phiên	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
C.58	50	Đặc biệt	CC		Yersin	1/4-6	2-3/8-12	0-3	3-6	Nghiên cứu bảo tồn công trình Viện vệ sinh dịch tễ TW và các công trình có giá trị khác phù hợp với quy định hiện hành.
					Lê Quý Đôn	1/4-6	2-3/8-12	0-3	3-6	
					Nguyễn Cao	1-3/4-12	2-4/8-16	0-3	3-6	
					Lò Đức	1-3/4-12	2-5/8-20	0-3	3-6	
C.59	5	Cây xanh	Cây xanh		Nguyễn Huy Tụ					Vườn hoa Yersin
					Nguyễn Cao					
					Lê Quý Đôn					
C.60	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Nguyễn Cao	3-5/12-23	4-6/12-22	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 1,5, 11, 15, 17, 19, 25, 27, 31, 57 Nguyễn Huy Tụ. + Đoạn tuyến Lê Quý Đôn, Trần Khánh Dư. + Số 16-22 Lê Quý Đôn. Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc các công trình 110, 112, 114, 116, 118 Lò Đức (bên kia đường, không thuộc Khu phố cũ).
					Nguyễn Huy Tụ	2-5/8-23	3-6/12-23	0-3	3-6	
					Trần Khánh Dư	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Lê Quý Đôn	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.61	60	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CQ -BN)		Hoa Lư	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 31 Lê Đại Hành và dãy nhà 1 tầng 35 Lê Đại Hành.
					Lê Đại Hành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Bà Triệu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Đại Cồ Việt	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.62	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Lê Đại Hành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc phù hợp với quy định hiện hành và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại số 8,34 Lê Đại Hành và số 62 Thái Phiên.
					Thái Phiên	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Mai Hắc Đế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.63	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp (Nhà ở, CC)		Bà Triệu	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	Nghiên cứu phát huy giá trị kiến trúc phù hợp với quy định hiện hành và đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị công trình tại số 332 Phố Huế.
					Lê Đại Hành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Cao Đạt	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Đại Cồ Việt	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	

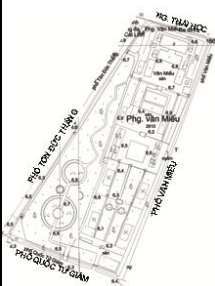
TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
C.64	60	Giá trị trung bình	Nhà ở		Cao Đạt	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Lê Đại Hành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Đại Cồ Việt	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
C.65	60	Giá trị trung bình			Mai Hắc Đế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Thái Phiên	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Phố Huế	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Lê Đại Hành	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	
					Đại Cồ Việt	4-6/16-23	5-7/20-25	0	3-6	

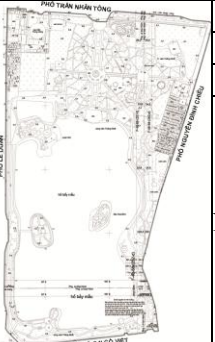
KHU PHỐ CŨ THUỘC ĐỊA BÀN QUẬN TÂY HỒ

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
D.1	50	Đặc biệt	CC CC		Đường Ven Hồ	1-3/4-12	3/12	0	3-6	Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Dãy số 4 Thuy Khuê. + Các nhà hàng xung quanh nhà Thủy phi cơ.
					VH Lý Tự Trọng	1-3/4-12	3/12	6		
					Thủy Khuê	1/4	3-5/12-20	0	3-6	
					(Ranh giới khu đất trường PTTH CVA)					
D.2	5	Cây xanh	Cây xanh		Mai Xuân Thưởng					Vườn hoa Mai Xuân Thưởng
					Thủy Khuê					
					Hùng Vương					
					Hoàng Hoa Thám					
D.3	45-50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Thủy Khuê	2-4/8-16 (Chỉ cho các dãy liền kề từ 3-17, 19B-21E)	3-5/12-20	0	3-6	Bảo vệ các diện tích đất trống, phù hợp với các quy định hiện hành. Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Góc phố Hoàng Hoa Thám giao với Mai Xuân Thưởng, 2A-4 Hoàng Hoa Thám. + Số 3-17, 19B-21E Thủy Khuê. + Đoạn tuyến Mai Xuân Thưởng. Nghiên cứu bảo tồn các công trình biệt thự phù hợp với quy định tại quy chế biệt thự.
					Mai Xuân Thưởng	1/4	2-3/8-12	0	6	
					Hoàng Hoa Thám		4-5/16-20	4-6		
					Độc La Pho	3-4/12-16	4/16	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
D.4	50	Giá trị trung bình	Hỗn hợp		Đường Ven Hồ	1-3/4-12	3/12	0	3-6	Duy trì cảnh quan khu vực ven hồ.
					Thụy Khuê	3-4/12-16	4/16	0	3-6	

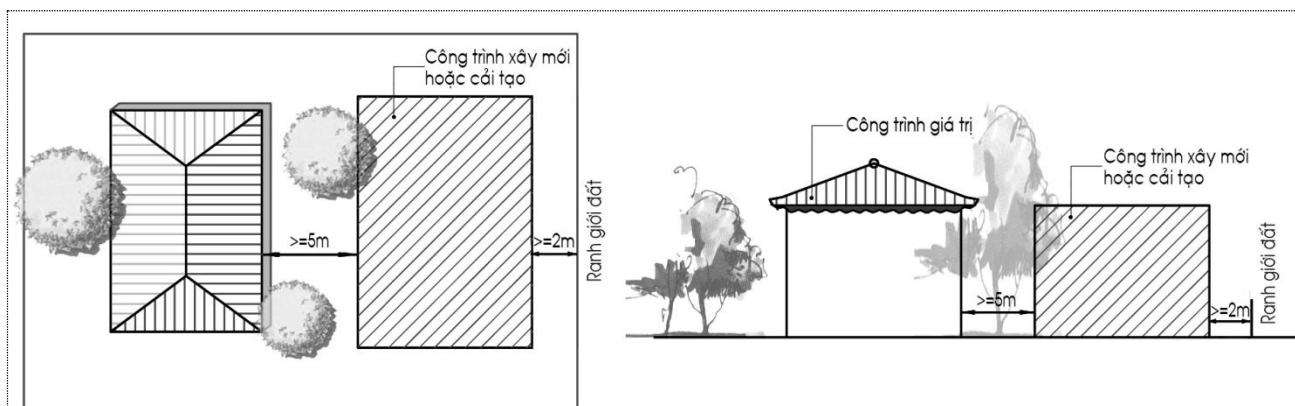
KHU VỰC LIỀN KỀ KHU PHỐ CŨ E1

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
E.1	70	Đặc biệt	Di tích		Ng. Thái Học	-	-	-	-	Nghiên cứu bảo tồn quần thể công trình di tích quốc gia đặc biệt: Văn Miếu - Quốc Tử Giám và xung quanh (gồm các mặt phố đối diện: Tôn Đức Thắng, Nguyễn Thái Học, Văn Miếu, Quốc Tử Giám, hồ Văn) theo Luật Di sản Văn hóa. Phố Tôn Đức Thắng phía đối diện ô phố E.1 được phép xây dựng lớp ngoài cao từ 4-5 tầng/16-20m; Lớp sau lùi 4-6m, cao tối đa 5-6 tầng/20-22m. Phố Quốc Tử Giám phía đối diện ô phố E.1 được phép xây dựng lớp ngoài cao từ 3-4 tầng/12-16m; Lớp sau lùi 4-6m, cao tối đa 4-5 tầng/16-20m.
					Tôn Đức Thắng	-	-	-	-	
					Quốc Tử Giám	-	-	-	-	
					Văn Miếu	-	-	-	-	
E.2	70	Đáng chú ý	Hỗn hợp		Nguyễn Thái Học	3-5/12-20	4-6/20	0	3-6	Nghiên cứu bảo tồn Chùa Bà Ngô (128 Nguyễn Khuyến) và Chùa Tiên Phúc Tự (27 Văn Miếu). Đưa vào kế hoạch chỉnh trang đô thị các công trình tại: + Số 29, 43, 49, 51, 61, 63, 65, 67, 77, 81, 89, 85A, 95, 95B, 97, 99, 103, 125, 127 Nguyễn Thái Học. + Số 1,3,5,7,15,17 Văn Miếu.
					Văn Miếu	3/12	4/16	0	3-6	
					Nguyễn Khuyến	2-4/8-16	5/20	0	4-6	
					Lê Duẩn	4/16	5/20	0	3-6	

TT	MĐ XD tối đa	Giá trị ô phố	Chức năng chính	Ô phố	Tuyến phố	Chiều cao tối đa đến đỉnh mái của công trình		Khoảng lùi tối thiểu của công trình		Quy định quản lý
						Lớp mặt phố	Lớp sau	Lớp mặt phố	Lớp sau so với lớp trước	
						(tầng/m)	(tầng/m)	(m)	(m)	
E.3	70	Đáng chú ý	Hỗ n hợp		Trần Quý Cáp	2-4/8-12	4/12	0	3-6	Khu vực ga Hà Nội thực hiện theo dự án riêng, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
					Nguyễn Khuyến	2-4/8-12	4/12	0	3-6	
					Lê Duẩn	3-6/12-22	6/22	0	3-6	
					Khâm Thiên	2-4/8-12	4/12	0	3-6	
E.4	5-15	Đáng chú ý	Hỗ n hợp		Trần Nhân Tông	-	-	-	-	Bảo vệ cảnh quan cây xanh hiện hữu tại khu vực công viên Thống Nhất.
					Lê Duẩn	-	-	-	-	
					Đại Cồ Việt	-	-	-	-	
					Nguyễn Đình Chiểu	3-4/12-16	5/20	0	3-6	

PHỤ LỤC 6

QUY ĐỊNH VIỆC BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH TRÊN CÙNG MỘT KHU ĐẤT VỚI CÔNG TRÌNH CÓ GIÁ TRỊ



Quy định xây dựng công trình xây mới trên khu đất chứa công trình có giá trị đáng chú ý

Các công trình dự kiến xây trên một thửa đất tại đó đã có một công trình di sản có giá trị được bảo vệ phải được bố trí phía sau biệt thự và có khoảng cách ít nhất bằng 1/3 chiều cao của công trình, tối thiểu là 5m .

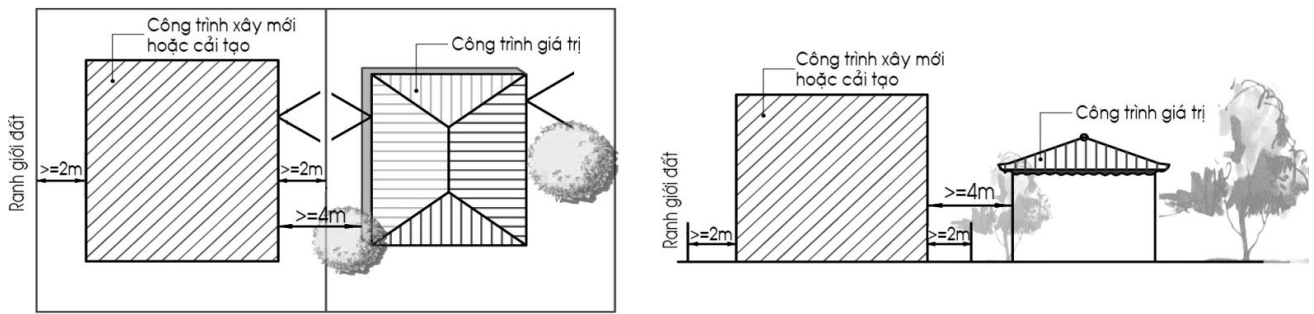
PHỤ LỤC 7

QUY ĐỊNH VỀ BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH SO VỚI RANH GIỚI THỬA ĐẤT

Chuỗi cách đều	Chuỗi liên tục từng đoạn	Chuỗi liên tục
Căn cứ khoảng lùi của cụm công trình có giá trị gốc để xác định chỉ giới xây dựng cho các công trình mới hoặc những phần xây mới trên thửa đất của công trình đó. - Khoảng lùi công trình tuân thủ Quy chuẩn xây dựng và các quy định hiện hành khác. - Có thể bố trí các công trình mới theo chuỗi liên tục, liên tục từng đoạn hay ngắt đoạn.		

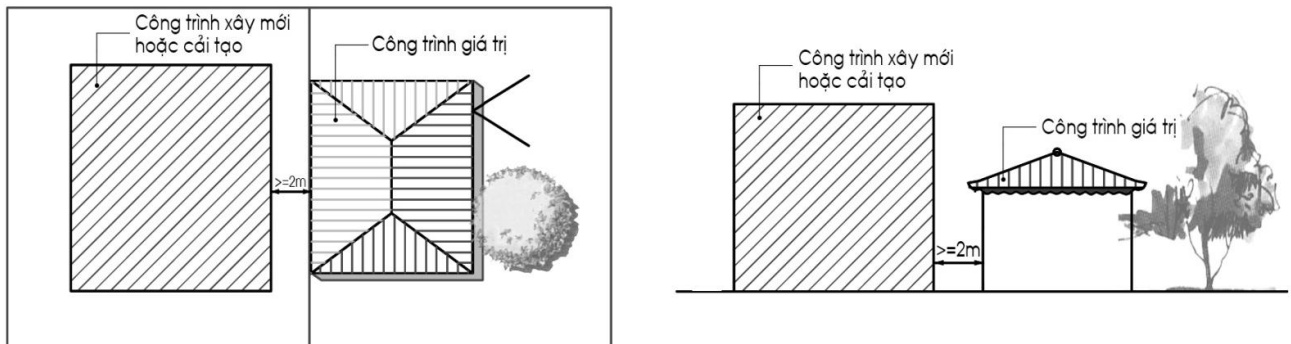
PHỤ LỤC 8

QUY ĐỊNH VỀ KHOẢNG LÙI SO VỚI RANH GIỚI THỬA ĐẤT



a) Quy định về khoảng lùi so với ranh giới thửa đất (trường hợp nằm gần một thửa đất có công trình có giá trị đặc biệt, giá trị đáng chú ý)

Trường hợp nằm gần một thửa đất có công trình có giá trị đặc biệt, giá trị đáng chú ý: Các cửa được mở ra các mặt bên, các công trình mới, cải tạo hay mở rộng, phải tuân thủ khoảng cách so với ranh giới thửa đất tối thiểu 2m và khoảng cách giữa các công trình tối thiểu là 4m.

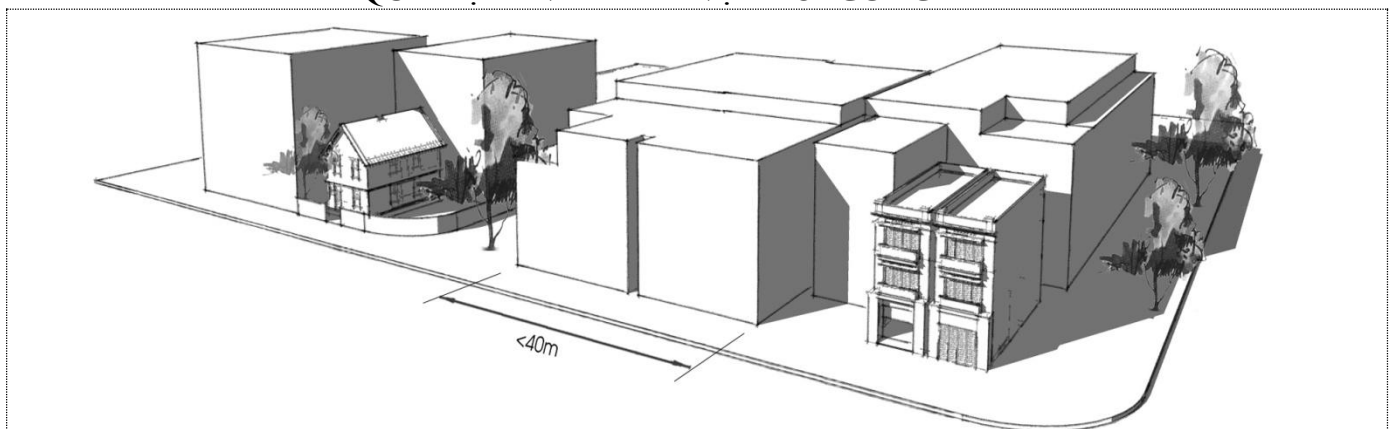


b) Quy định về khoảng lùi so với ranh giới thửa đất (trường hợp công trình có giá trị được bảo vệ nằm sát ranh giới thửa đất)

Trong trường hợp nằm gần một thửa đất có công trình có giá trị được bảo vệ nằm sát ranh giới thửa đất: công trình xây mới có thể nằm cách công trình có giá trị tối thiểu 2m.

PHỤ LỤC 9

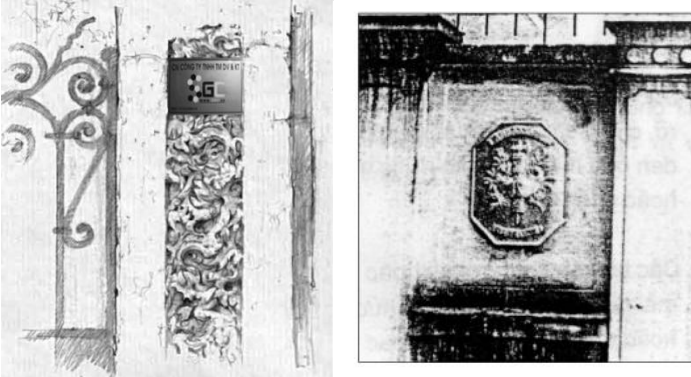
QUY ĐỊNH VỀ PHÂN VỊ KHỐI CÔNG TRÌNH



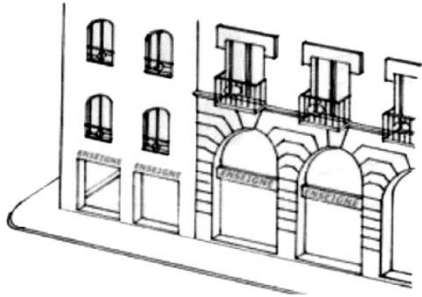
Các công trình có mặt tiền liên tục không được vượt quá 40m, nếu lớn hơn sẽ phải có một khoảng giãn cách phân vị khối, khoảng 20 m/đoạn.

PHỤ LỤC 10-A

QUY ĐỊNH VỀ QUẢNG CÁO, MẶT TIỀN CỬA HÀNG

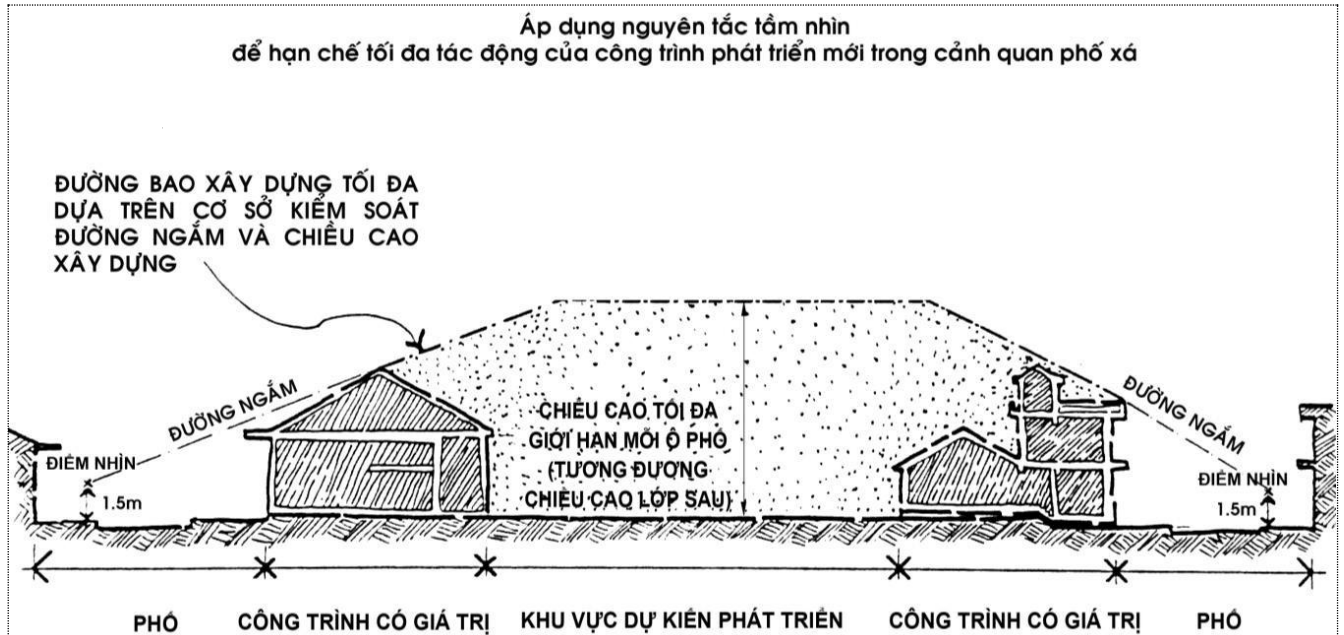
 ở khu vực tầng 1: Chỉ cho phép biển quảng cáo theo như quy định trong giấy phép Thể hiện các biển - biển không phù hợp do đặt ở các tầng trên làm che chắn mặt đứng và ban công, gây nên sự hỗn độn	
Khu vực khuyến khích giới hạn đặt biển hiệu tại tầng 1 nhà phố liền kề	Quảng cáo tại nhà liền kề không phù hợp
	
Biển hiệu biệt thự Phù hợp	Quảng cáo tại biệt thự không phù hợp

Minh họa quy định về mặt tiền cửa hàng

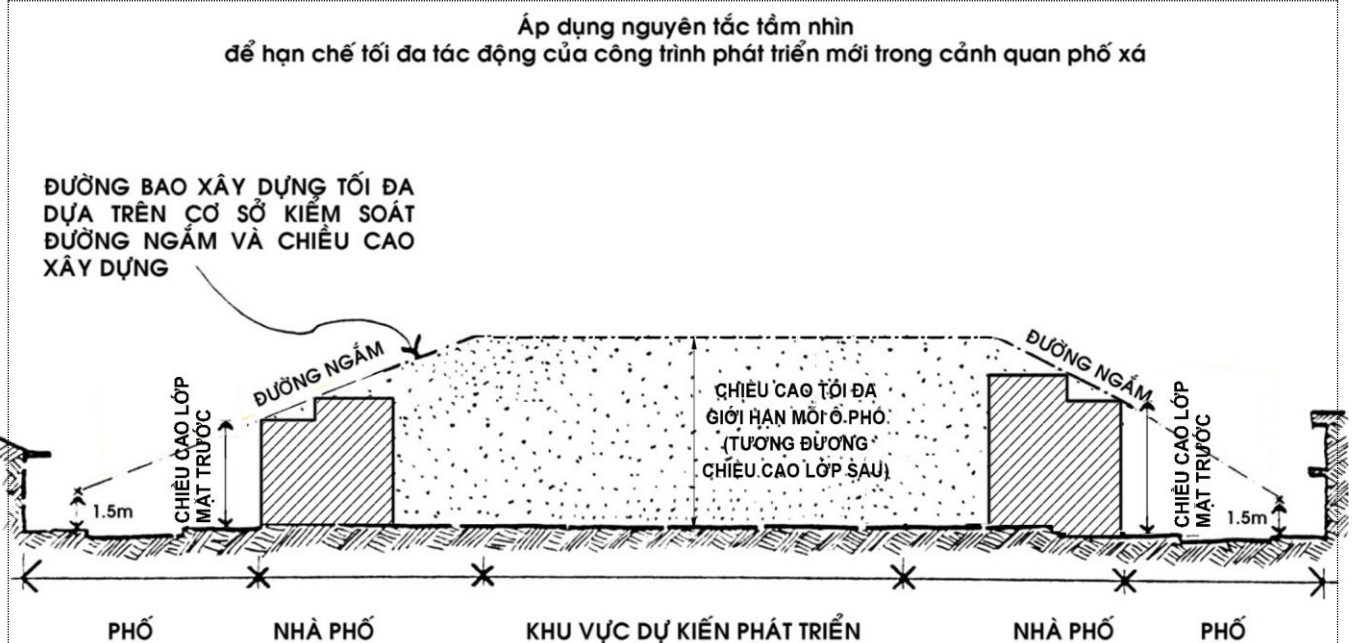
	Trong những trường hợp thay đổi hoặc mở một mặt tiền cửa hàng mới. Việc lắp đặt hay cải tạo mặt tiền các cửa hàng phải tôn trọng đặc điểm, nhịp độ và tỷ lệ của tòa nhà. Không thiết kế cửa kính tầm lớn đến hết cao độ của tầng 2.
Kích cỡ các biển hiệu phải được quy định rõ: không được che khuất các yếu tố cấu thành kiến trúc (các đường gờ, lanh tô, trán tường, tay vịn,...). Không cho phép biển quảng cáo tầm lớn quá 1/4 tầng nhà (đối với quảng trường), quá 1/5 tầng nhà (đối với các tuyến phố) và phải đặt tại tầng 1. Chiều dài của biển hiệu phải tương ứng với chiều dài của ô kính bày hàng. Biển hiệu không được che khuất gờ tường trên ô cửa tầng hai.	

PHỤ LỤC 10-B

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT TẦM NHÌN, THIẾT KẾ MẶT ĐỨNG ĐOẠN TUYẾN PHỐ MINH HỌA VỀ NGUYÊN TẮC KIỂM SOÁT TẦM NHÌN



Kiểm soát các lớp công trình theo giới hạn góc nhìn: Đối với công trình có giá trị



Kiểm soát các lớp công trình theo giới hạn góc nhìn: Đối với công trình nhà liền kề

MINH HỌA VỀ THIẾT KẾ MẶT ĐỨNG ĐOẠN TUYẾN PHỐ





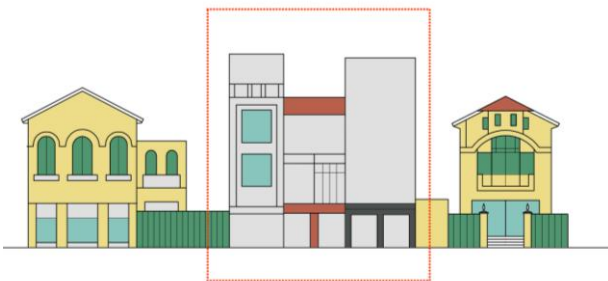
Mặt đứng cải tạo phố - tạo sự đồng nhất về ngôn ngữ kiến trúc



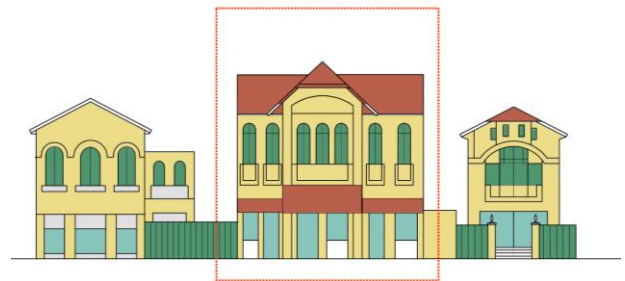
Mặt đứng hiện trạng một đoạn phố Tràng Tiền



Mặt đứng minh họa cải tạo đoạn phố Tràng Tiền - tạo sự thống nhất cảnh quan



Mặt đứng hiện trạng công trình



Mặt đứng sau khi hợp khối



Đối với dãy nhà phố liền kề: Thiết kế mặt đứng đoạn tuyến phố xung quanh công trình xây mới (dài tối thiểu khoảng 70m)

PHỤ LỤC 11
DANH MỤC CÔNG TRÌNH DI TÍCH ĐƯỢC XẾP HẠNG

TT	TÊN DI TÍCH	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY, THÁNG, NĂM	PHƯỜNG (XÃ) HIỆN NAY
	Quận Ba Đình			
1	Đền Quán Thánh	313/VH-VP	28/4/1962	P.Quán Thánh
2	Chùa Châu Long	921/QĐ-BT	5/2/1994	P. Trúc Bạch
3	Chùa Ngũ Xã	534/QĐ-BT	11/5/1993	P. Trúc Bạch
4	Đình Ngũ Xã	534/QĐ-BT	11/5/1993	P. Trúc Bạch
5	Chùa Hoè Nhai	100/VH-QĐ	21/1/1989	P.Quán Thánh
	Quận Hai Bà Trưng			
1	Miếu Hai Bà Trưng	226 QĐ/BT	5/2/1994	P.Bạch Đằng
2	Đền Cơ Xá	4263 QĐ/BT	13/10/1999	nt
3	Chùa Hương Tuyết	310 QĐ/BT	13/2/1996	nt
4	Đền Hương Tuyết	310 QĐ/BT	13/2/1996	nt
5	Chùa Liên Phái	313 VH-VP	28/4/1992	nt
6	Đình Phụ Khánh	168 VH-QĐ	2/3/1990	P.Lê Đại Hành
7	Chùa Chân Tiên	168 VH-QĐ	2/3/1990	nt
8	Chùa Vân Hồ	100 VH-QĐ	21/1/1989	nt
9	Chùa Pháp Hoa	1821 VH-QĐ	6/11/1989	P.Nguyễn Du
10	Chùa Quang Hoa	1821 VH-QĐ	6/11/1989	nt
11	Chùa Thiên Quang	1821 VH-QĐ	6/11/1989	nt
	Quận Hoàn Kiếm			
1	90 Thợ Nhuộm	29 VH/QĐ	13/1/1964	P.Trần Hưng Đạo
2	5D Hàm Long	29 VH/QĐ	13/1/1964	P.Phan Chu Trinh
3	Chùa Thiên Phúc	1288 VH/QĐ	16/11/1988	Phường Cửa Nam
4	Đền Phù Ủng	1288VH/QĐ	16/11/1988	nt
5	Chùa Kim Cổ	1964 QĐ/VH	27/8/1996	nt
6	Hoả Lò	1543QĐ/VH	18/6/1997	nt

PHỤ LỤC 12: KIẾN TRÚC ĐẶC TRƯNG TRONG KHU PHỐ CŨ

- **Phong cách thuộc địa:** là những công trình xây dựng đầu tiên của người Pháp như các công trình đồn trú quân sự và một số công trình tôn giáo thời kỳ đầu của Hội truyền giáo (ví dụ: tòa nhà sử dụng làm Khách sạn quân đội nằm trong khuôn viên khu Nhượng địa cũ hay tòa Giám mục nằm gần Nhà thờ lớn...). Hình thức công trình thường chỉ có 1 tầng và có các vòm cuốn ở mặt ngoài.

- **Phong cách Tân cổ điển:** được áp dụng nhằm tạo sự hoành tráng cho những công trình công cộng của chính quyền thuộc địa: Dinh toàn quyền, Tòa án, Dinh thống sứ, Nhà hát lớn... ngoài ra có một số biệt thự đồ sộ. Phong cách này chủ yếu sử dụng những yếu tố kiến trúc cổ điển: Trán tường, hàng cột, cột trụ... phù hợp với việc tạo hiệu ứng hoành tráng. Đôi

khi có công trình theo phong cách gô-tích (như Nhà thờ).

- **Phong cách địa phương Pháp:** Phong cách này thường gặp ở những biệt thự có mặt tiền sử dụng nhiều chi tiết bằng gỗ và các lô-gia, có khối tích khiêm tốn hơn... Đặc điểm chủ đạo của các công trình kiến trúc phong cách địa phương Pháp là nhà mái dốc lợp ngói tây, hệ con sơn đỡ mái hình tam giác được tiện khắc công phu, họa tiết trang trí thường tập trung quanh các cửa hoặc ban công. Phong cách Địa phương Pháp tại đây không hoàn toàn nguyên bản mà đã có những biến đổi nhằm phù hợp với công năng mới và cảnh quan, khí hậu nhiệt đới địa phương.

- **Phong cách Đông Dương:** là một phong cách kết hợp giữa các kỹ thuật xây dựng hiện đại phương Tây và truyền thống văn hóa phương Đông cũng như điều kiện khí hậu nhiệt đới, được đánh giá sáng tạo và tiến bộ. Bảo tàng Lịch sử và trường Đại học Dược là hai công trình đặc biệt theo phong cách sáng tạo này, cùng với rất nhiều biệt thự khác.

- **Phong cách Art - deco:** Là phong cách với những hình khối đơn thuần dạng hình học: hình khối và đường nét thẳng, đơn giản của kết cấu truyền thống thông thường kết hợp với trang trí các chi tiết kiến trúc theo hướng đơn giản, khác hẳn với chủ nghĩa chiết trung của các giai đoạn trước đó.

- **Phong cách hiện đại đầu thế kỷ XX:** Là một xu hướng khác của phong cách Art - déco hiện đại và chú trọng với chức năng, đồng thời xuất hiện các dạng hình khối ẩn tượng mới như cong, xiên,.. hoặc kết cấu khối đưa ra khỏi tầng đế..

- **Phong cách kiến trúc đặc trưng khác:**

+ **Phong cách kiến trúc Trung Hoa:** Nhà kiểu Trung Hoa trước năm 1930: (không vượt quá 2 tầng) được xây dựng trên thửa đất có chiều ngang hẹp (khoảng từ 3 - 5m), mặt đứng pa – nô hoặc ván ghép, có ban công, mái dốc lợp ngói.

PHỤ LỤC 13

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG CÓ GIÁ TRỊ XÂY DỰNG TRƯỚC NĂM 1954 TRONG KHU PHỐ CŨ (GIAI ĐOẠN 1884-1954)

TT	Giá trị	Số lượng
1	Công trình công cộng có giá trị loại 1	24
2	Công trình công cộng có giá trị loại 2	22
3	Công trình công cộng có giá trị loại 3	2
	Tổng cộng	48

CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC KHÁC XÂY DỰNG TRƯỚC NĂM 1954 (LOẠI 1)

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013
của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội)

TT	Tên công trình	Địa điểm	Quận
1	Trung tâm Lưu trữ Quốc gia	31 Tràng Thi	Hoàn Kiếm
2	Nhà khách Bộ Quốc phòng	33 Phạm Ngũ Lão	Hoàn Kiếm
3	Thư viện Khoa học Kỹ thuật	24 Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm
4	Tòa án Nhân dân tối cao	48 Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm
5	Trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ	39 Trần Hưng Đạo	Hoàn Kiếm
6	Trụ sở Bộ Giao thông Vận tải, Viện	80 Trần Hưng Đạo	Hoàn Kiếm

TT	Tên công trình	Địa điểm	Quận
	khoa học công nghệ tàu thủy		
7	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	82 Trần Hưng Đạo	Hoàn Kiếm
8	Trường Đại học Dược	19 Lê Thánh Tông	Hoàn Kiếm
9	Trường THCS Trưng Vương	26 Hàng Bài	Hoàn Kiếm
10	Bảo tàng Lịch sử Quốc Gia	01 Tràng Tiền và 25 Tông Đản	Hoàn Kiếm
11	Bệnh viện Ung bướu (K)	43 Quán Sứ	Hoàn Kiếm
12	Nhà tù Hỏa Lò	01 Hỏa Lò	Hoàn Kiếm
13	Nhà thờ Hàm Long	21 Hàm Long	Hoàn Kiếm
14	Ga Hà Nội	120 Lê Duẩn	Hoàn Kiếm
15	Trụ sở Bộ Thông tin và Truyền thông	18 Nguyễn Du	Hoàn Kiếm
16	Bảo tàng Quân đội, Cột cờ Hà Nội	28B Điện Biên Phủ	Ba Đình
17	Trụ sở Báo Văn nghệ Quân đội	4-6 Lý Nam Đế	Ba Đình
18	Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam	66 Nguyễn Thái Học	Ba Đình
19	Ủy ban Olympic Việt Nam	36 Trần Phú	Ba Đình
20	Tháp nước Hàng Đậu	Phố Hàng Đậu	Ba Đình
21	Nhà thờ Cửa Bắc	56 Phan Đình Phùng	Ba Đình
22	Cầu Long Biên	Hàng Đậu – Ngọc Thụy (Long Biên)	Ba Đình
23	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	01 Yecxanh	Hai Bà Trưng
24	Trường THPT Chu Văn An	10 Thụy Khuê	Tây Hồ

**CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC KHÁC XÂY DỰNG TRƯỚC NĂM 1954
(LOẠI 2 VÀ LOẠI 3)**

TT	Tên công trình	Địa điểm	Quận	Phân cấp bảo tồn
1	Trụ sở Công an Thành phố	85-89 Trần Hưng Đạo	Hoàn Kiếm	2
2	Thư viện Quốc gia	31 Tràng Thi	Hoàn Kiếm	2
3	Bệnh viện Việt Đức	40 Tràng Thi	Hoàn Kiếm	2
4	Trụ sở UB Mặt trận tổ quốc Việt Nam	46 Tràng Thi	Hoàn Kiếm	2
5	Cụm công trình Ban Quản lý trung ương các dự án thủy lợi, Ủy ban sông Mê Kông Việt Nam, Viện QH thủy lợi	23 Hàng Tre và 162A Trần Quang Khải	Hoàn Kiếm	2
6	Trụ sở Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	51 Ngô Quyền	Hoàn Kiếm	2
7	Trường THPT Việt Đức	47 Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	2
8	Bệnh viện Việt Nam -Cuba, Nhà thờ	37 Hai Bà Trưng	Hoàn Kiếm	2
9	Trụ sở Bảo hiểm Bộ Quốc phòng	28 Lý Nam Đế	Hoàn Kiếm	2

TT	Tên công trình	Địa điểm	Quận	Phân cấp bảo tồn
10	07 Phan Đình Phùng	07 Phan Đình Phùng	Hoàn Kiếm	2
11	08 Đinh Công Tráng	08 Đinh Công Tráng	Hoàn Kiếm	2
12	1B Đặng Thái Thân	1B Đặng Thái Thân	Hoàn Kiếm	2
13	15 Hai Bà Trưng	15 Hai Bà Trưng	Hoàn Kiếm	2
14	28A Điện Biên Phủ	28A Điện Biên Phủ	Hoàn Kiếm	2
15	12-14 Phan Đình Phùng	12-14 Phan Đình Phùng	Hoàn Kiếm	2
16	30 Phan Đình Phùng	30 Phan Đình Phùng	Hoàn Kiếm	2
17	80 Phan Đình Phùng	80 Phan Đình Phùng	Hoàn Kiếm	2
18	61 Trần Phú	61 Trần Phú	Hoàn Kiếm	2
19	67 Phó Đức Chính	67 Phó Đức Chính	Hoàn Kiếm	2
20	180 Quán Thánh	180 Quán Thánh	Hoàn Kiếm	2
21	48 Tăng Bạt Hổ	48 Tăng Bạt Hổ	Hai Bà Trưng	2
22	123 Lò Đức	123 Lò Đức	Hai Bà Trưng	2
23	Trụ sở Công đoàn Giáo dục	02 Trịnh Hoài Đức	Ba Đình	3
24	Cục Tình báo Quân đội	40 Lý Nam Đế	Ba Đình	3

PHỤ LỤC 14

DANH MỤC BIỆT THỰ PHÁP CÓ GIÁ TRỊ

(Căn cứ theo Quyết định số 7177 /QĐ-UBND ngày 28/11/ 2013 của UBND Thành phố Hà Nội và các quyết định bổ sung sửa đổi của cấp thẩm quyền nếu có)

TT	Giá trị	Số lượng
1	Biệt thự cũ xếp nhóm 1 (giá trị đặc biệt)	225
2	Biệt thự cũ xếp nhóm 2 (giá trị đáng chú ý)	382
3	Biệt thự cũ xếp nhóm 3 (giá trị trung bình)	646
	Tổng cộng	1253

DANH MỤC 225 BIỆT THỰ CŨ XẾP NHÓM 1 XÂY DỰNG TỪ TRƯỚC NĂM 1954 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
I. 115 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN BA ĐÌNH				
1	Bà Huyện Thanh Quan	5		Điện Biên
2	Bà Huyện Thanh Quan	7		Điện Biên
3	Bà Huyện Thanh Quan		10	Điện Biên
4	Bà Huyện Thanh Quan		12	Điện Biên
5	Cao Bá Quát	23		Điện Biên

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
6	Cao Bá Quát	25		Điện Biên
7	Cao Bá Quát	27		Điện Biên
8	Chu Văn An	1		Điện Biên
9	Chu Văn An		2A	Điện Biên
10	Chu Văn An		8	Điện Biên
11	Chu Văn An	9		Điện Biên
12	Chu Văn An	11		Điện Biên
13	Chu Văn An	13		Điện Biên

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
14	Chu Văn An	15		Điện Biên
15	Chùa Một Cột	1		Điện Biên
16	Chùa Một Cột	3		Điện Biên
17	Chùa Một Cột	5		Điện Biên
18	Chùa Một Cột		6	Điện Biên
19	Chùa Một Cột	7		Điện Biên
20	Chùa Một Cột	11		Điện Biên
21	Đặng Dung		2	Trúc Bạch
22	Điện Biên Phủ	25		Điện Biên
23	Điện Biên Phủ	33		Điện Biên
24	Điện Biên Phủ	41		Điện Biên
25	Điện Biên Phủ	43		Điện Biên
26	Điện Biên Phủ	45		Điện Biên
27	Điện Biên Phủ	47		Điện Biên
28	Điện Biên Phủ	49		Điện Biên
29	Hoàng Diệu		6	Quán Thánh
30	Hoàng Diệu		26	Điện Biên
31	Hoàng Diệu		30	Điện Biên
32	Hoàng Diệu		34	Điện Biên
33	Hoàng Diệu		58	Điện Biên
34	Hoàng Diệu	63+ 65		Điện Biên
35	Hoàng Hoa Thám	183		Ngọc Hà
36	Hùng Vương		10	Điện Biên
37	Hùng Vương		12	Điện Biên
38	Hùng Vương	25		Điện Biên
39	Khúc Hạo		6	Điện Biên
40	Khúc Hạo		8	Điện Biên
41	Khúc Hạo		10	Điện Biên
42	Lê Hồng Phong		2	Điện Biên
43	Lê Hồng Phong		4	Điện Biên
44	Lê Hồng Phong	5A+5B		Điện Biên
45	Lê Hồng Phong		6	Điện Biên
46	Lê Hồng Phong		6A	Điện Biên
47	Lê Hồng Phong		6B	Điện Biên
48	Lê Hồng Phong		8	Điện Biên
49	Lê Hồng Phong	9		Điện Biên
50	Lê Hồng Phong	23B		Điện Biên
51	Nguyễn Cảnh Chân		2	Quán Thánh
52	Nguyễn Cảnh Chân		4	Quán Thánh
53	Nguyễn Cảnh Chân	5		Quán Thánh
54	Nguyễn Cảnh Chân		6	Quán Thánh
55	Đường Thanh Niên	9		Quán Thánh
56	Nguyễn Thái Học		44	Điện Biên
57	Nguyễn Thái Học		46	Điện Biên
58	Nguyễn Thái Học		48+ 50	Điện Biên
59	Nguyễn Thái Học		56	Điện Biên
60	Nguyễn Thái Học		58	Điện Biên
61	Nguyễn Thái Học		60	Điện Biên
62	Nguyễn Thái Học	67		Điện Biên
63	Nguyễn Thái Học		84+ 84B	Điện Biên
64	Ông Ích Khiêm	5		Điện Biên

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
65	Phan Đình Phùng	49		Quán Thánh
66	Phan Đình Phùng	51		Quán Thánh
67	Phan Đình Phùng	53		Quán Thánh
68	Phan Đình Phùng	55		Quán Thánh
69	Phan Đình Phùng	57		Quán Thánh
70	Phan Đình Phùng	59-61		Quán Thánh
71	Phan Đình Phùng		62	Quán Thánh
72	Phan Đình Phùng	63		Quán Thánh
73	Phan Đình Phùng		64	Quán Thánh
74	Phan Đình Phùng	65B		Quán Thánh
75	Phan Đình Phùng		66	Quán Thánh
76	Phan Đình Phùng	67		Quán Thánh
77	Phan Đình Phùng		68	Quán Thánh
78	Phan Đình Phùng		68A	Quán Thánh
79	Phan Đình Phùng	69		Quán Thánh
80	Phan Đình Phùng		70	Quán Thánh
81	Phan Đình Phùng	71		Quán Thánh
82	Phan Đình Phùng		72	Quán Thánh
83	Phan Đình Phùng		74	Quán Thánh
84	Phan Đình Phùng		76	Quán Thánh
85	Phan Đình Phùng		78	Quán Thánh
86	Phan Đình Phùng (ngõ-TT VPCP)		66	Quán Thánh
87	Quán Thánh	95B		Quán Thánh
88	Quán Thánh	103		Quán Thánh
89	Quán Thánh	105A		Quán Thánh
90	Quán Thánh		154	Quán Thánh
91	Quán Thánh		168	Quán Thánh
92	Quán Thánh		180	Quán Thánh
93	Quán Thánh (ngõ 105)	3		Quán Thánh
94	Trần Phú	25		Điện Biên
95	Trần Phú	27		Điện Biên
96	Trần Phú	29		Điện Biên
97	Trần Phú	31A		Điện Biên
98	Trần Phú	31B		Điện Biên
99	Trần Phú	35		Điện Biên
100	Trần Phú	39		Điện Biên
101	Trần Phú	41+ 43		Điện Biên
102	Trần Phú		42	Điện Biên
103	Trần Phú		44+46	Điện Biên
104	Trần Phú	47		Điện Biên
105	Trần Phú		48A	Điện Biên
106	Trần Phú	49		Điện Biên
107	Trần Phú		50	Điện Biên
108	Trần Phú	51		Điện Biên
109	Trần Phú	53		Điện Biên
110	Trần Phú		54	Điện Biên
111	Trần Phú	55A		Điện Biên
112	Trần Phú	55B		Điện Biên
113	Trần Phú	57		Điện Biên
114	Trúc Bạch	95		Trúc Bạch
115	Trúc Bạch	97		Trúc Bạch

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
II. 86 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HOÀN KIẾM				
116	Bà Triệu	33		Hàng Bài
117	Bà Triệu		60	Hàng Bài
118	Bà Triệu		64	Hàng Bài
119	Bà Triệu	67		Hàng Bài
120	Chân Cầm		8	Hàng Trống
121	Đình Công Tráng		4	Phan Chu Trinh
122	Đình Công Tráng		6	Phan Chu Trinh
123	Hạ Hối	7		Trần Hưng Đạo
124	Hạ Hối		32	Trần Hưng Đạo
125	Hàng Buồm	19		Hàng Buồm
126	Lê Phụng Hiểu	5		Tràng Tiền
127	Lê Phụng Hiểu	7		Tràng Tiền
128	Lê Phụng Hiểu	9		Tràng Tiền
129	Lê Phụng Hiểu		12	Tràng Tiền
130	Lê Phụng Hiểu		18	Tràng Tiền
131	Lê Thánh Tông	3		Phan Chu Trinh
132	Lê Thánh Tông	9		Phan Chu Trinh
133	Lý Nam Đế	73		Cửa Đông
134	Lý Thái Tổ	43		Lý Thái Tổ
135	Lý Thái Tổ	51		Tràng Tiền
136	Lý Thái Tổ	53		Tràng Tiền
137	Lý Thường Kiệt		16	Phan Chu Trinh
138	Lý Thường Kiệt	19		Phan Chu Trinh
139	Lý Thường Kiệt	41		Hàng Bài
140	Lý Thường Kiệt	51		Trần Hưng Đạo
141	Lý Thường Kiệt		58	Trần Hưng Đạo
142	Lý Thường Kiệt	59		Trần Hưng Đạo
143	Lý Thường Kiệt		64	Trần Hưng Đạo
144	Lý Thường Kiệt	65		Trần Hưng Đạo
145	Lý Thường Kiệt	65A		Trần Hưng Đạo
146	Lý Thường Kiệt		66	Trần Hưng Đạo
147	Lý Thường Kiệt	67		Trần Hưng Đạo
148	Lý Thường Kiệt		72	Trần Hưng Đạo
149	Lý Thường Kiệt		84	Cửa Nam
150	Ngô Quyền		38	Hàng Bài
151	Ngô Quyền		48	Hàng Bài
152	Ngô Quyền	51		Hàng Bài
153	Ngô Quyền		64	Hàng Bài
154	Ngô Quyền		66	Hàng Bài
155	Ngô Quyền		70	Hàng Bài
156	Ngô Quyền		72	Hàng Bài
157	Nguyễn Gia Thiều	3		Trần Hưng Đạo
158	Nguyễn Gia Thiều		14	Trần Hưng Đạo
159	Phan Bội Châu		18	Cửa Nam
160	Phan Bội Châu	25		Cửa Nam
161	Phan Bội Châu		26	Cửa Nam
162	Phan Chu Trinh		12	Phan Chu Trinh
163	Phan Chu Trinh	13		Phan Chu Trinh
164	Phan Chu Trinh	15		Phan Chu Trinh

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
165	Quang Trung		6B	Trần Hưng Đạo
166	Quang Trung		6C	Trần Hưng Đạo
167	Quang Trung		32	Trần Hưng Đạo
168	Quang Trung	33		Trần Hưng Đạo
169	Quang Trung		42	Trần Hưng Đạo
170	Quang Trung	45		Trần Hưng Đạo
171	Quang Trung	47	7	Trần Hưng Đạo
172	Tông Đản		18	Tràng Tiền
173	Tông Đản		20	Tràng Tiền
174	Tông Đản		22	Tràng Tiền
175	Tông Đản		24	Tràng Tiền
176	Thợ Nhuộm		64	Trần Hưng Đạo
177	Thợ Nhuộm	81		Trần Hưng Đạo
178	Thợ Nhuộm		90	Trần Hưng Đạo
179	Trần Bình Trọng	25		Trần Hưng Đạo
180	Trần Hưng Đạo	13		Phan Chu Trinh
181	Trần Hưng Đạo	27B		Phan Chu Trinh
182	Trần Hưng Đạo	43		Hàng Bài
183	Trần Hưng Đạo		46	Hàng Bài
184	Trần Hưng Đạo	51		Hàng Bài
185	Trần Hưng Đạo	53		Hàng Bài
186	Trần Hưng Đạo		58+60	Trần Hưng Đạo
187	Trần Hưng Đạo		66	Trần Hưng Đạo
188	Trần Hưng Đạo		68B	Trần Hưng Đạo
189	Trần Hưng Đạo	71		Trần Hưng Đạo
190	Trần Hưng Đạo	77		Trần Hưng Đạo
191	Trần Hưng Đạo		86	Cửa Nam
192	Trần Hưng Đạo	89		Trần Hưng Đạo
193	Trần Hưng Đạo	101		Cửa Nam
194	Trần Hưng Đạo		106	Cửa Nam
195	Trần Quốc Toàn		56	Trần Hưng Đạo
196	Trần Quốc Toàn	59A		Trần Hưng Đạo
197	Trần Quốc Toàn	59B		Trần Hưng Đạo
198	Trần Quốc Toàn	61		Trần Hưng Đạo
199	Trần Quốc Toàn	63		Trần Hưng Đạo
200	Tràng Thi		44	Hàng Bông
201	Tràng Thi	53		Hàng Bông
III. 21 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HAI BÀ TRƯNG				
202	Bà Triệu	185		
203	Bùi Thị Xuân		136	Bùi Thị Xuân
204	Lê Đại Hành		8	Lê Đại Hành
205	Ngô Thị Nhậm	37		Ngô Thị Nhậm
206	Nguyễn Du	59		Nguyễn Du
207	Nguyễn Du		62	Nguyễn Du
208	Nguyễn Du		84A+84B	Nguyễn Du
209	Nguyễn Du		90	Nguyễn Du
210	Nguyễn Huy Tụ		30	Bạch Đằng
211	Phạm Đình Hồ	7		Phạm Đình

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
				Hồ
212	Phạm Đình Hồ	9		Phạm Đình Hồ
213	Phạm Đình Hồ		10	Phạm Đình Hồ
214	Phạm Đình Hồ	11		Phạm Đình Hồ
215	Tô Hiến Thành		46	Bùi Thị Xuân
216	Tô Hiến Thành		94	Lê Đại Hành
217	Thiên Quang		4	Nguyễn Du

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
218	Thiên Quang		6	Nguyễn Du
219	Thiên Quang		8	Nguyễn Du
220	Thiên Quang	11		Nguyễn Du
221	Thiên Quang		10	Nguyễn Du
222	Thiên Quang		12	Nguyễn Du
IV. 03 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN TÂY HỒ				
223	Thụy Khuê	69B		Thụy Khuê
224	Thụy Khuê		86	Thụy Khuê
225	Mai Xuân Thượng	1		Thụy Khuê

DANH MỤC 382 BIỆT THỰ CŨ XẾP NHÓM 2 XÂY DỰNG TỪ TRƯỚC NĂM 1954 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
I.111 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN BA ĐÌNH				
1	Bà Huyện Thanh Quan		4	Điện Biên
2	Bà Huyện Thanh Quan		6	Điện Biên
3	Bà Huyện Thanh Quan		8	Điện Biên
4	Cao Bá Quát		4	Điện Biên
5	Cao Bá Quát	13		Điện Biên
6	Cao Bá Quát	19		Điện Biên
7	Cao Bá Quát		34B	Điện Biên
8	Cửa Bắc		60	Trúc Bạch
9	Cửa Bắc		84	Quán Thánh
10	Châu Long		34	Trúc Bạch
11	Châu Long	39		Trúc Bạch
12	Chu Văn An	21		Điện Biên
13	Chùa Một Cột	9		Điện Biên
14	Điện Biên Phủ	7		Điện Biên
15	Điện Biên Phủ		10	Điện Biên
16	Điện Biên Phủ		14	Điện Biên
17	Điện Biên Phủ	19		Điện Biên
18	Điện Biên Phủ		24	Điện Biên
19	Điện Biên Phủ		28D	Điện Biên
20	Điện Biên Phủ		34	Điện Biên
21	Hàng Bún		8	N.Trung Trực
22	Hàng Bún		12	N.Trung Trực
23	Hàng Bún		16	N.Trung Trực
24	Hàng Bún		18	N.Trung Trực
25	Hàng Bún	25		N.Trung Trực
26	Hàng Bún		40	N.Trung Trực
27	Hàng Than	17		N.Trung Trực
28	Hoàng Diệu		4	Quán Thánh
29	Hoàng Diệu		20	Điện Biên
30	Hoàng Diệu		36	Điện Biên
31	Hoàng Diệu		42	Điện Biên
32	Hoàng Diệu		44	Điện Biên
33	Hoàng Diệu		46	Điện Biên
34	Hoàng Diệu		48	Điện Biên

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
35	Hoàng Diệu		50	Điện Biên
36	Hoàng Diệu		52	Điện Biên
37	Hoàng Hoa Thám	465		Vĩnh Phúc
38	Hùng Vương	31A+B		Điện Biên
39	Khúc Hạo		4	Điện Biên
40	Lê Duẩn		10	Điện Biên
41	Lê Hồng Phong	9A		Điện Biên
42	Lê Hồng Phong		10	Điện Biên
43	Lê Hồng Phong		12	Điện Biên
44	Lê Hồng Phong		16	Điện Biên
45	Lê Hồng Phong		18	Điện Biên
46	Lê Hồng Phong	23		Điện Biên
47	Lê Trực		14	Điện Biên
48	Ngọc Hà		110B	Đội Cấn
49	Ngọc Hà		170	Ngọc Hà
50	Ngọc Hà		180	Ngọc Hà
51	Ngọc Hà		184	Ngọc Hà
52	Ngọc Hà		186/6	Ngọc Hà
53	Nguyễn Biều	1		Quán Thánh
54	Nguyễn Biều		16A	Quán Thánh
55	Nguyễn Biều		16B	Quán Thánh
56	Nguyễn Biều	17		Quán Thánh
57	Nguyễn Biều		18	Quán Thánh
58	Nguyễn Biều		18B	Quán Thánh
59	Nguyễn Biều	19		Quán Thánh
60	Nguyễn Cảnh Chân	3		Quán Thánh
61	Nguyễn Cảnh Chân	7A+7B		Quán Thánh
62	Nguyễn Thái Học		30	Điện Biên
63	Nguyễn Thái Học	43		Điện Biên
64	Nguyễn Thái Học	45		Điện Biên
65	Nguyễn Thái Học	49		Điện Biên
66	Nguyễn Thái Học	65		Điện Biên
67	Nguyễn Thái Học		68	Điện Biên
68	Nguyễn Thái Học	81		Điện Biên
69	Nguyễn Thái Học	89		Điện Biên
70	Nguyễn Thái Học		100	Điện Biên

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
71	Nguyễn Thái Học	145		Điện Biên
72	Nguyễn Thái Học	149		Điện Biên
73	Nguyễn Thái Học	151		Điện Biên
74	Nguyễn Thái Học	157B		Điện Biên
75	Nguyễn Thái Học	173		Điện Biên
76	Nguyễn Trường Tộ		12	N.Trung Trực
77	Nguyễn Trường Tộ		22	Trúc Bạch
78	Phan Đình Phùng		30	Quán Thánh
79	Phan Đình Phùng		38	Quán Thánh
80	Phan Đình Phùng		40	Quán Thánh
81	Phan Đình Phùng		42	Quán Thánh
82	Phan Đình Phùng		44	Quán Thánh
83	Phan Đình Phùng		46	Quán Thánh
84	Phan Đình Phùng		48	Quán Thánh
85	Phan Đình Phùng		52	Quán Thánh
86	Phan Đình Phùng		54	Quán Thánh
87	Phan Huy Ích		14	N.Trung Trực
88	Phan Huy Ích		16	N.Trung Trực
89	Phó Đức Chính	67		Trúc Bạch
90	Quán Thánh	23		Quán Thánh
91	Quán Thánh	85		Quán Thánh
92	Quán Thánh	97		Quán Thánh
93	Quán Thánh	101		Quán Thánh
94	Quán Thánh	111		Quán Thánh
95	Quán Thánh		116	Quán Thánh
96	Quán Thánh		172	Quán Thánh
97	Quán Thánh		182	Quán Thánh
98	Quán Thánh		184	Quán Thánh
99	Tôn Thất Thiệp		2	Điện Biên
100	Tôn Thất Thiệp		4	Điện Biên
101	Tôn Thất Thiệp		6	Điện Biên
102	Tôn Thất Thiệp	7		Điện Biên
103	Tôn Thất Thiệp		8	Điện Biên
104	Trần Phú	5		Điện Biên
105	Trần Phú	33		Điện Biên
106	Trần Phú (biệt thự B10)		34A	Điện Biên
107	Trần Phú (biệt thự B11)		34A	Điện Biên
108	Trần Phú		38A	Điện Biên
109	Trần Phú	45		Điện Biên
110	Trần Phú		48B	Điện Biên
111	Yên Ninh		34	Trúc Bạch

II. 180 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HOÀN KIẾM

112	Bà Triệu	13		Tràng Tiền
113	Bà Triệu		24B	Tràng Tiền
114	Bà Triệu	59		Hàng Bài
115	Bà Triệu	61		Hàng Bài
116	Bà Triệu	63		Hàng Bài
117	Bà Triệu		66	
118	Cửa Đông		12	Cửa Đông
119	Chân Cầm	15		
120	Dã Tượng	5		Trần Hưng Đạo

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
121	Dã Tượng	11		Trần Hưng Đạo
122	Dã Tượng (ngõ)	1		Trần Hưng Đạo
123	Đinh Công Tráng	10B		Phan Chu Trinh
124	Đường Thành	5		Cửa Đông
125	Đường Thành		14	Cửa Đông
126	Hạ Hồi	3		Trần Hưng Đạo
127	Hạ Hồi		6	Trần Hưng Đạo
128	Hạ Hồi		8	Trần Hưng Đạo
129	Hạ Hồi	9		Trần Hưng Đạo
130	Hạ Hồi	11		Trần Hưng Đạo
131	Hạ Hồi		10	Trần Hưng Đạo
132	Hạ Hồi	15		Trần Hưng Đạo
133	Hạ Hồi		28	Trần Hưng Đạo
134	Hạ Hồi		34	Trần Hưng Đạo
135	Hai Bà Trưng	1B		Tràng Tiền
136	Hai Bà Trưng		10	Tràng Tiền
137	Hai Bà Trưng	11AB		Tràng Tiền
138	Hai Bà Trưng		12	Tràng Tiền
139	Hai Bà Trưng		16	Tràng Tiền
140	Hai Bà Trưng		44	Tràng Tiền
141	Hai Bà Trưng	59		Cửa Nam
142	Hai Bà Trưng		90	Cửa Nam
143	Hàm Long		4	Phan Chu Trinh
144	Hàm Long		10	Phan Chu Trinh
145	Hàm Long	59		Hàng Bài
146	Hàng Bài	47		Hàng Bài
147	Hàng Bài	55D		Hàng Bài
148	Lê Duẩn	73		Cửa Nam
149	Lê Phụng Hiểu		14	Tràng Tiền
150	Lê Phụng Hiểu		16	Tràng Tiền
151	Lê Thái Tổ		30	Hàng Trống
152	Lê Thái Tổ		32	Hàng Trống
153	Lê Thái Tổ		38+40	Hàng Trống
154	Lê Thái Tổ		48	Hàng Trống
155	Lý Nam Đế		28	Cửa Đông
156	Lý Nam Đế	89		Cửa Đông
157	Lý Nam Đế	93		Cửa Đông
158	Lý Thái Tổ		20	Lý Thái Tổ
159	Lý Thường Kiệt		8	Phan Chu Trinh
160	Lý Thường Kiệt	27		Hàng Bài
161	Lý Thường Kiệt	39		Hàng Bài
162	Lý Thường Kiệt		50	Trần Hưng Đạo
163	Lý Thường Kiệt	55B		Trần Hưng Đạo
164	Lý Thường Kiệt	65B		Trần Hưng Đạo
165	Lý Thường Kiệt		68	Trần Hưng Đạo
166	Lý Thường Kiệt		70	Trần Hưng Đạo
167	Lý Thường Kiệt		82	Cửa Nam
168	Lý Thường Kiệt		86	Cửa Nam
169	Lý Thường Kiệt	89		Cửa Nam
170	Lý Thường Kiệt (ngõ)	1		Trần Hưng Đạo
171	Lý Thường Kiệt (ngõ)		2A	Trần Hưng Đạo
172	Ngô Quyền	3A		Lý Thái Tổ

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
173	Ngô Quyền	3B		Lý Thái Tổ
174	Ngô Quyền		34	Hàng Bài
175	Ngô Quyền		36	Hàng Bài
176	Ngô Quyền		50	Hàng Bài
177	Ngô Quyền		74	Hàng Bài
178	Ngô Quyền		76	Hàng Bài
179	Ngô Thị Nhậm		2+2B	Hàng Bài
180	Ngô Thị Nhậm		2B	Hàng Bài
181	Ngô Thị Nhậm		6	Hàng Bài
182	Ngô Trăm		12	Hàng Bông
183	Ngô Văn Sở		14	Trần Hưng Đạo
184	Ngô Văn Sở		18	Trần Hưng Đạo
185	Nguyễn Chế Nghĩa		4	Hàng Bài
186	Nguyễn Chế Nghĩa		6	Hàng Bài
187	Nguyễn Chế Nghĩa		8	Hàng Bài
188	Nguyễn Chế Nghĩa	9		Hàng Bài
189	Nguyễn Chế Nghĩa		10	Hàng Bài
190	Nguyễn Chế Nghĩa	11		Hàng Bài
191	Nguyễn Chế Nghĩa		12	Hàng Bài
192	Nguyễn Gia Thiều	1		Trần Hưng Đạo
193	Nguyễn Gia Thiều	11B		Trần Hưng Đạo
194	Nguyễn Gia Thiều		12	Trần Hưng Đạo
195	Nguyễn Gia Thiều	13		Trần Hưng Đạo
196	Nguyễn Gia Thiều		16	Trần Hưng Đạo
197	Nguyễn Gia Thiều	17		Trần Hưng Đạo
198	Nguyễn Gia Thiều		18	Trần Hưng Đạo
199	Nguyễn Gia Thiều	19		Trần Hưng Đạo
200	Nguyễn Gia Thiều		20	Trần Hưng Đạo
201	Nguyễn Gia Thiều	21		Trần Hưng Đạo
202	Nguyễn Gia Thiều	23		Trần Hưng Đạo
203	Nguyễn Gia Thiều		24	Trần Hưng Đạo
204	Nguyễn Gia Thiều	25		Trần Hưng Đạo
205	Nguyễn Gia Thiều		26	Trần Hưng Đạo
206	Nguyễn Gia Thiều	27A		Trần Hưng Đạo
207	Nguyễn Gia Thiều	27B		Trần Hưng Đạo
208	Nguyễn Gia Thiều	29		Trần Hưng Đạo
209	Phan Bội Châu		14	Cửa Nam
210	Phan Bội Châu	15		Cửa Nam
211	Phan Bội Châu		16	Cửa Nam
212	Phan Bội Châu		32	Cửa Nam
213	Phan Bội Châu	45		Cửa Nam
214	Phan Bội Châu	47		Cửa Nam
215	Phan Chu Trinh	5		Phan Chu Trinh
216	Phan Chu Trinh		6	Hàng Bài
217	Phan Chu Trinh		14A	Phan Chu Trinh
218	Phan Chu Trinh	17		Phan Chu Trinh
219	Phan Chu Trinh	19		Phan Chu Trinh
220	Phan Chu Trinh	31		Phan Chu Trinh
221	Phan Chu Trinh	33		Phan Chu Trinh
222	Phan Chu Trinh		61	Phan Chu Trinh
223	Phan Chu Trinh (ngõ)		8	Phan Chu Trinh
224	Phan Chu Trinh (ngõ)		10	Phan Chu Trinh

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
225	Phan Huy Chú	7		Phan Chu Trinh
226	Phan Huy Chú	9		Phan Chu Trinh
227	Phan Huy Chú		20	Phan Chu Trinh
228	Phan Huy Chú		22	Phan Chu Trinh
229	Phùng Hưng	133		Cửa Đông
230	Phùng Hưng	135		Cửa Đông
231	Quán Sứ		66	Trần Hưng Đạo
232	Quán Sứ		68	Trần Hưng Đạo
233	Quán Sứ		80	Trần Hưng Đạo
234	Quán Sứ		82	Trần Hưng Đạo
235	Quán Sứ		84	Trần Hưng Đạo
236	Quán Sứ		86	Trần Hưng Đạo
237	Quang Trung	3		Tràng Tiền
238	Quang Trung		16	Trần Hưng Đạo
239	Quang Trung		20	Trần Hưng Đạo
240	Quang Trung	27		Trần Hưng Đạo
241	Quang Trung		30	Trần Hưng Đạo
242	Quang Trung		34	Trần Hưng Đạo
243	Quang Trung		34A	Trần Hưng Đạo
244	Quang Trung		36	Trần Hưng Đạo
245	Quang Trung	37		Trần Hưng Đạo
246	Quang Trung		38	Trần Hưng Đạo
247	Tông Đản	1A		Lý Thái Tổ
248	Tông Đản		11	Tràng Tiền
249	Tông Đản	19		Tràng Tiền
250	Tổng Duy Tân		10B	Hàng Bông
251	Tổng Duy Tân		16+18	Hàng Bông
252	Thợ Nhuộm		62	Trần Hưng Đạo
253	Thợ Nhuộm		76	Trần Hưng Đạo
254	Thợ Nhuộm	79		Trần Hưng Đạo
255	Thợ Nhuộm	83		Trần Hưng Đạo
256	Thợ Nhuộm		88	Trần Hưng Đạo
257	Trần Hưng Đạo		20	Phan Chu Trinh
258	Trần Hưng Đạo		26A	Phan Chu Trinh
259	Trần Hưng Đạo		26B	Phan Chu Trinh
260	Trần Hưng Đạo		36A	Phan Chu Trinh
261	Trần Hưng Đạo		40	Hàng Bài
262	Trần Hưng Đạo	41		Hàng Bài
263	Trần Hưng Đạo	49		Hàng Bài
264	Trần Hưng Đạo		54B	Hàng Bài
265	Trần Hưng Đạo	63		Trần Hưng Đạo
266	Trần Hưng Đạo		68	Trần Hưng Đạo
267	Trần Hưng Đạo	75B		Trần Hưng Đạo
268	Trần Hưng Đạo	79A		Trần Hưng Đạo
269	Trần Hưng Đạo		90B	Cửa Nam
270	Trần Hưng Đạo	95		Cửa Nam
271	Trần Hưng Đạo	107		Cửa Nam
272	Trần Quốc Toàn	19+19 A		Hàng Bài
273	Trần Quốc Toàn	49AB		Trần Hưng Đạo
274	Trần Quốc Toàn		50	Trần Hưng Đạo
275	Trần Quốc Toàn	53		Trần Hưng Đạo
276	Trần Quốc Toàn	55B		Trần Hưng Đạo

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
277	Trần Quốc Toàn		58A	Trần Hưng Đạo
278	Trần Quốc Toàn		66	Trần Hưng Đạo
279	Trần Quốc Toàn	67		Trần Hưng Đạo
280	Trần Quốc Toàn	69		Trần Hưng Đạo
281	Trần Quốc Toàn	71		Trần Hưng Đạo
282	Trần Quốc Toàn	73		Trần Hưng Đạo
283	Trần Quốc Toàn	75		Trần Hưng Đạo
284	Trần Quốc Toàn		76	Trần Hưng Đạo
285	Trần Quốc Toàn	83+83 A		Trần Hưng Đạo
286	Trần Quốc Toàn	85		Trần Hưng Đạo
287	Trần Quốc Toàn	93		Trần Hưng Đạo
288	Tràng Tiền		6	Tràng Tiền
289	Tràng Thi	7		Hàng Trống
290	Tràng Thi		48	Hàng Bông
291	Trương Hán Siêu		34	Trần Hưng Đạo
292	Bà Triệu		172	Nguyễn Du
IV. 82 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HAI BÀ TRUNG				
293	Bà Triệu	175		Lê Đại Hành
294	Bà Triệu	189		Lê Đại Hành
295	Bà Triệu		194	Lê Đại Hành
296	Bà Triệu		302	Lê Đại Hành
297	Bà Triệu		308	
298	Bùi Thị Xuân		124	Bùi Thị Xuân
299	Bùi Thị Xuân		126	Bùi Thị Xuân
300	Bùi Thị Xuân		146	Bùi Thị Xuân
301	Bùi Thị Xuân	177		Bùi Thị Xuân
302	Đoàn Trần Nghiệp		28	Bùi Thị Xuân
303	Đại La		10	Đồng Tâm
304	Hàng Chuối		12	Phạm Đình Hồ
305	Hàng Chuối		24+26	Phạm Đình Hồ
306	Hàng Chuối		28	Phạm Đình Hồ
307	Hàng Chuối		34	Phạm Đình Hồ
308	Hàng Chuối		36	Phạm Đình Hồ
309	Hàng Chuối		38	Phạm Đình Hồ
310	Hàng Chuối	45		Phạm Đình Hồ
311	Hàng Chuối	47		Phạm Đình Hồ
312	Hàng Chuối	51		Phạm Đình Hồ
313	Hàng Chuối	55		Phạm Đình Hồ
314	Hàng Chuối		56	Phạm Đình Hồ
315	Hồ Xuân Hương		4	Nguyễn Du
316	Hồ Xuân Hương		6	Nguyễn Du
317	Hồ Xuân Hương		8	Nguyễn Du
318	Hồ Xuân Hương	9		Nguyễn Du
319	Hồ Xuân Hương	11		Nguyễn Du
320	Lê Đại Hành	15		Lê Đại Hành
321	Ngô Thị Nhậm	15		Ngô Thị Nhậm
322	Nguyễn Bình Khiêm	35A		Nguyễn Du
323	Nguyễn Bình Khiêm		52	Lê Đại Hành
324	Nguyễn Bình Khiêm		54	Lê Đại Hành
325	Nguyễn Đình Chiểu	19		Nguyễn Du

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
326	Nguyễn Đình Chiểu	31		Lê Đại Hành
327	Nguyễn Du		48	Nguyễn Du
328	Nguyễn Du	49		Nguyễn Du
329	Nguyễn Du	51		Nguyễn Du
330	Nguyễn Du		52	Nguyễn Du
331	Nguyễn Du	53+ 55		Nguyễn Du
332	Nguyễn Du		54	Nguyễn Du
333	Nguyễn Du	57		Nguyễn Du
334	Nguyễn Du	61		Nguyễn Du
335	Nguyễn Du	63		Nguyễn Du
336	Nguyễn Du	65		Nguyễn Du
337	Nguyễn Du		70	Nguyễn Du
338	Nguyễn Du	71A		Nguyễn Du
339	Nguyễn Du		80	Nguyễn Du
340	Nguyễn Du		82	Nguyễn Du
341	Nguyễn Du		88	Nguyễn Du
342	Nguyễn Huy Tự	3		Bạch Đằng
343	Nguyễn Huy Tự	5		Bạch Đằng
344	Nguyễn Huy Tự		20	Bạch Đằng
345	Nguyễn Huy Tự	21		Bạch Đằng
346	Nguyễn Huy Tự		23	Bạch Đằng
347	Nguyễn Huy Tự		26	Bạch Đằng
348	Nguyễn Huy Tự		28	Bạch Đằng
349	Nguyễn Thượng Hiền	5		Nguyễn Du
350	Phạm Đình Hồ		8	Phạm Đình Hồ
351	Phạm Đình Hồ		12	Phạm Đình Hồ
352	Phạm Đình Hồ		16	Phạm Đình Hồ
353	Phạm Đình Hồ		16B	Phạm Đình Hồ
354	Phạm Đình Hồ		20	Phạm Đình Hồ
355	Tăng Bạt Hổ		12	Phạm Đình Hồ
356	Tăng Bạt Hổ		24	Phạm Đình Hồ
357	Tăng Bạt Hổ		26	Phạm Đình Hồ
358	Tăng Bạt Hổ		34	Phạm Đình Hồ
359	Tăng Bạt Hổ		36	Phạm Đình Hồ
360	Tăng Bạt Hổ		38	Phạm Đình Hồ
361	Tô Hiến Thành	31		Bùi Thị Xuân
362	Tô Hiến Thành	39		Bùi Thị Xuân
363	Tô Hiến Thành	41		Lê Đại Hành
364	Tô Hiến Thành	63		Lê Đại Hành
365	Tô Hiến Thành		100	Lê Đại Hành
366	Tuệ Tĩnh	61		Bùi Thị Xuân
367	Tuệ Tĩnh		96	Nguyễn Du
368	Thê Giao	11B		Lê Đại Hành
369	Thê Giao		12A	Lê Đại Hành
370	Thiên Quang	5		Nguyễn Du
371	Trần Nhân Tông		54	
372	Trần Xuân Soạn		44	Ngô Thị Nhậm
373	Triệu Việt Vương		182	Bùi Thị Xuân
374	Yết Kiêu	7+ 9		Bùi Thị Xuân
IV. 04 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN ĐÔNG ĐA				

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
375	Nguyễn Khuyến		136	Văn Miếu
376	Thổ Quan		58	Thổ Quan
377	Trường Chinh		150	Khương Thượng
378	Trường Chinh		178	Khương Thượng

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
IV. 04 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN TÂY HỒ				
379	Thụy Khuê		2	Thụy Khuê
380	Thụy Khuê	5		Thụy Khuê
381	Thụy Khuê	15		Thụy Khuê
382	Mai Xuân Thưởng	3		Thụy Khuê

DANH MỤC 646 BIỆT THỰ CŨ XẾP NHÓM 3 XÂY DỰNG TỪ TRƯỚC NĂM 1954 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
I. 202 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN BA ĐÌNH				
1	Cao Bá Quát	3		Điện Biên
2	Cao Bá Quát	5A		Điện Biên
3	Cao Bá Quát	5B		Điện Biên
4	Cao Bá Quát	7		Điện Biên
5	Cao Bá Quát	9		Điện Biên
6	Cao Bá Quát		12	Điện Biên
7	Cao Bá Quát	15		Điện Biên
8	Cao Bá Quát	21		Điện Biên
9	Cao Bá Quát	29		Điện Biên
10	Cao Bá Quát		34A	Điện Biên
11	Cao Bá Quát		38	Điện Biên
12	Cửa Bắc		72	Trúc Bạch
13	Cửa Bắc	5/92		Quán Thánh
14	Cửa Bắc		86	Quán Thánh
15	Cửa Bắc		94	Quán Thánh
16	Cửa Bắc		96	Quán Thánh
17	Cửa Bắc		98	Quán Thánh
18	Cửa Bắc		100C	Quán Thánh
19	Châu Long		4+6	Quán Thánh
20	Châu Long		26	Trúc Bạch
21	Châu Long		28	Trúc Bạch
22	Châu Long	35		Trúc Bạch
23	Châu Long		36+38	Trúc Bạch
24	Châu Long	37		Trúc Bạch
25	Châu Long		40	Trúc Bạch
26	Châu Long	41		Trúc Bạch
27	Châu Long		48	Trúc Bạch
28	Châu Long	49		Trúc Bạch
29	Châu Long	55		Trúc Bạch
30	Châu Long		60	Trúc Bạch
31	Châu Long		62	Trúc Bạch
32	Châu Long	65		Trúc Bạch
33	Châu Long	67		Trúc Bạch
34	Đặng Dung	5		Trúc Bạch
35	Đặng Dung		6	Trúc Bạch
36	Đặng Dung	11		Quán Thánh
37	Đặng Dung	13		Quán Thánh
38	Đặng Dung		16+18	Quán Thánh
39	Đặng Dung		24	Quán Thánh

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LỀ	CHẤN	
40	Đặng Dung		26	Quán Thánh
41	Đặng Tất		8A	Quán Thánh
42	Đặng Tất		8B	Quán Thánh
43	Đặng Tất	9B		Quán Thánh
44	Đặng Tất		10	Quán Thánh
45	Đặng Tất		11	Quán Thánh
46	Đặng Tất		12	Quán Thánh
47	Điện Biên Phủ	9		Điện Biên
48	Điện Biên Phủ	11		Điện Biên
49	Điện Biên Phủ	13		Điện Biên
50	Điện Biên Phủ		16	Điện Biên
51	Điện Biên Phủ		20	Điện Biên
52	Điện Biên Phủ		22	Điện Biên
53	Điện Biên Phủ	23		Điện Biên
54	Điện Biên Phủ		26	Điện Biên
55	Điện Biên Phủ		32	Điện Biên
56	Điện Biên Phủ	35		Điện Biên
57	Đội Cấn	281		Liễu Giai
58	Hàng Bún	13		N. Trung Trực
59	Hàng Bún		22	N. Trung Trực
60	Hàng Bún (ngõ)		6	N. Trung Trực
61	Hàng Bún (ngõ)	9		N. Trung Trực
62	Hàng Than		28	N. Trung Trực
63	Hoàng Diệu		60	Điện Biên
64	Hoàng Hoa Thám	109		Ngọc Hà
65	Hoàng Hoa Thám	221/A 1		Liễu Giai
66	Hoàng Hoa Thám	221/A 2		Liễu Giai
67	Hoàng Hoa Thám	221/A 3		Liễu Giai
68	Hoàng Hoa Thám	221/A 4		Liễu Giai
69	Hoàng Hoa Thám	353		Liễu Giai
70	Lê Duẩn		8	Điện Biên
71	Lê Duẩn		12	Điện Biên
72	Lê Duẩn		16	Điện Biên
73	Lê Duẩn		16B	Điện Biên
74	Nguyễn Biểu		2	Quán Thánh
75	Nguyễn Biểu	3		Quán Thánh
76	Nguyễn Biểu		8	Quán Thánh
77	Nguyễn Biểu		10	Quán Thánh

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
78	Nguyễn Biểu		12	Quán Thánh
79	Nguyễn Biểu		18A	Quán Thánh
80	Nguyễn Biểu	25		Quán Thánh
81	Nguyễn Thái Học		22	Điện Biên
82	Nguyễn Thái Học		24	Điện Biên
83	Nguyễn Thái Học		28	Điện Biên
84	Nguyễn Thái Học		28B	Điện Biên
85	Nguyễn Thái Học		34	Điện Biên
86	Nguyễn Thái Học		36	Điện Biên
87	Nguyễn Thái Học		38A	Điện Biên
88	Nguyễn Thái Học		38B	Điện Biên
89	Nguyễn Thái Học		64	Điện Biên
90	Nguyễn Thái Học		66	Điện Biên
91	Nguyễn Thái Học		66C	Điện Biên
92	Nguyễn Thái Học		66F	Điện Biên
93	Nguyễn Thái Học	69		Điện Biên
94	Nguyễn Thái Học	77		Điện Biên
95	Nguyễn Thái Học		88	Điện Biên
96	Nguyễn Thái Học		96	Điện Biên
97	Nguyễn Thái Học		98	Điện Biên
98	Nguyễn Thái Học		104	Điện Biên
99	Nguyễn Thái Học	105		Điện Biên
100	Nguyễn Thái Học		108	Điện Biên
101	Nguyễn Thái Học	143		Điện Biên
102	Nguyễn Thái Học		152	Điện Biên
103	Nguyễn Thái Học	153		Điện Biên
104	Nguyễn Thái Học	155		Điện Biên
105	Nguyễn Thái Học		160	Điện Biên
106	Nguyễn Thái Học	165		Điện Biên
107	Nguyễn Thái Học	167B		Điện Biên
108	Nguyễn Thái Học		168	Điện Biên
109	Nguyễn Thái Học	169		Điện Biên
110	Nguyễn Trường Tộ		2A	N. Trung Trực
111	Nguyễn Trường Tộ		14	N. Trung Trực
112	Nguyễn Trường Tộ	23		N. Trung Trực
113	Nguyễn Trường Tộ	25		N. Trung Trực
114	Phan Đình Phùng		8	Quán Thánh
115	Phan Đình Phùng		10	Quán Thánh
116	Phan Đình Phùng		12+14	Quán Thánh
117	Phan Đình Phùng		16	Quán Thánh
118	Phan Đình Phùng		18	Quán Thánh
119	Phan Đình Phùng		20	Quán Thánh
120	Phan Đình Phùng		22	Quán Thánh
121	Phan Đình Phùng		24	Quán Thánh
122	Phan Đình Phùng		26	Quán Thánh
123	Phan Đình Phùng		28	Quán Thánh
124	Phan Đình Phùng		34	Quán Thánh
125	Phan Đình Phùng		50	Quán Thánh
126	Phan Đình Phùng		56	Quán Thánh
127	Phan Huy Ích		12	N. Trung Trực
128	Phan Huy Ích		18	N. Trung Trực
129	Phan Huy Ích	19		N. Trung Trực
130	Phan Huy Ích		20	N. Trung Trực

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
131	Phan Huy Ích	21A+B		N. Trung Trực
132	Phan Huy Ích	23		N. Trung Trực
133	Phan Huy Ích		26	N. Trung Trực
134	Phó Đức Chính		56	Trúc Bạch
135	Phó Đức Chính		58	Trúc Bạch
136	Phó Đức Chính		62	Trúc Bạch
137	Phó Đức Chính		66	Trúc Bạch
138	Phó Đức Chính		72	Trúc Bạch
139	Phó Đức Chính		78	Trúc Bạch
140	Phó Đức Chính		82	Trúc Bạch
141	Phó Đức Chính		84	Trúc Bạch
142	Phó Đức Chính		86	Trúc Bạch
143	Phó Đức Chính		90	Trúc Bạch
144	Phó Đức Chính		92	Trúc Bạch
145	Phó Đức Chính		94	Trúc Bạch
146	Phó Đức Chính		104	Trúc Bạch
147	Phó Đức Chính		106	Trúc Bạch
148	Phó Đức Chính		110	Trúc Bạch
149	Phó Đức Chính		114	Trúc Bạch
150	Quán Thánh		6	Quán Thánh
151	Quán Thánh	17		Quán Thánh
152	Quán Thánh		18B	Quán Thánh
153	Quán Thánh		18T	Quán Thánh
154	Quán Thánh	19A		Quán Thánh
155	Quán Thánh	21		Quán Thánh
156	Quán Thánh		26	Quán Thánh
157	Quán Thánh		28	Quán Thánh
158	Quán Thánh	61		Quán Thánh
159	Quán Thánh	73		Quán Thánh
160	Quán Thánh	75		Quán Thánh
161	Quán Thánh	77		Quán Thánh
162	Quán Thánh		80	Quán Thánh
163	Quán Thánh	81		Quán Thánh
164	Quán Thánh		86	Quán Thánh
165	Quán Thánh		90	Quán Thánh
166	Quán Thánh		96	Quán Thánh
167	Quán Thánh	99		Quán Thánh
168	Quán Thánh	105/4		Quán Thánh
169	Quán Thánh	113		Quán Thánh
170	Quán Thánh		118A	Quán Thánh
171	Quán Thánh		118C	Quán Thánh
172	Quán Thánh		134	Quán Thánh
173	Quán Thánh		144B	Quán Thánh
174	Quán Thánh		144C	Quán Thánh
175	Quán Thánh		146	Quán Thánh
176	Quán Thánh		148	Quán Thánh
177	Quán Thánh		152	Quán Thánh
178	Quán Thánh		158	Quán Thánh
179	Quán Thánh		160	Quán Thánh
180	Quán Thánh		170	Quán Thánh
181	Quán Thánh		174	Quán Thánh
182	Quán Thánh		176	Quán Thánh

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
183	Quán Thánh		186	Quán Thánh
184	Tôn Thất Thiệp		4A	Điện Biên
185	Tôn Thất Thiệp	5		Điện Biên
186	Tôn Thất Thiệp	9		Điện Biên
187	Tôn Thất Thiệp		10	Điện Biên
188	Tôn Thất Thiệp (ngõ)	3		Điện Biên
189	Tôn Thất Thiệp (ngõ)		4	Điện Biên
190	Trần Phú	7B		Điện Biên
191	Trần Phú	9		Điện Biên
192	Trần Phú	11		Điện Biên
193	Trần Phú	13		Điện Biên
194	Trần Phú	15		Điện Biên
195	Trần Phú	17		Điện Biên
196	Trúc Bạch	71		Trúc Bạch
197	Trúc Bạch	113		Trúc Bạch
198	Trúc Bạch	119		Trúc Bạch
199	Yên Ninh		32	Trúc Bạch
200	Yên Thế	3		Điện Biên
201	Yên Thế	3B		Điện Biên
202	Yên Thế		6	Điện Biên
II. 261 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN HOÀN KIỂM				
203	Bà Triệu	21		Tràng Tiền
204	Bà Triệu	31		Hàng Bài
205	Bà Triệu		54	Hàng Bài
206	Bà Triệu		58A	Hàng Bài
207	Bà Triệu		58B	Hàng Bài
208	Bà Triệu		84	Hàng Bài
209	Bà Triệu		86	Hàng Bài
210	Cổ Tân		2	Tràng Tiền
211	Cửa Đông		6	Cửa Đông
212	Dã Tượng	3		Trần Hưng Đạo
213	Dã Tượng	7		Trần Hưng Đạo
214	Dã Tượng	9		Trần Hưng Đạo
215	Dã Tượng		10	Trần Hưng Đạo
216	Dã Tượng (ngõ)		4	Trần Hưng Đạo
217	Dã Tượng (ngõ)		6	Trần Hưng Đạo
218	Điện Biên Phủ	3		Hàng Bông
219	Đặng Thái Thân (ngõ 3B)		2	Phan Chu Trinh
220	Đinh Công Tráng	12B		Phan Chu Trinh
221	Đường Thành		6B	Cửa Đông
222	Hạ Hồi		4	Trần Hưng Đạo
223	Hạ Hồi		18	Trần Hưng Đạo
224	Hạ Hồi	19		Trần Hưng Đạo
225	Hạ Hồi	19B		Trần Hưng Đạo
226	Hạ Hồi		20	Trần Hưng Đạo
227	Hạ Hồi		22	Trần Hưng Đạo
228	Hạ Hồi	23		Trần Hưng Đạo
229	Hạ Hồi	25		Trần Hưng Đạo
230	Hạ Hồi		26	Trần Hưng Đạo
231	Hạ Hồi		36	Trần Hưng Đạo
232	Hai Bà Trưng	1A		Tràng Tiền

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
233	Hai Bà Trưng		14	Tràng Tiền
234	Hai Bà Trưng		18	Tràng Tiền
235	Hai Bà Trưng		20	Tràng Tiền
236	Hai Bà Trưng		22B	Tràng Tiền
237	Hai Bà Trưng		38	Tràng Tiền
238	Hai Bà Trưng	55		Cửa Nam
239	Hai Bà Trưng		86	Cửa Nam
240	Hàm Long		22	Hàng Bài
241	Hàm Long	25		Hàng Bài
242	Hàm Long	31		Hàng Bài
243	Hàm Long	45		Hàng Bài
244	Hàm Long		46	Hàng Bài
245	Hàm Long	49		Hàng Bài
246	Hàm Long	57		Hàng Bài
247	Hàng Bài	29		Hàng Bài
248	Hàng Bài	49		Hàng Bài
249	Hàng Bông	75		Hàng Bông
250	Hàng Bông	77		Hàng Bông
251	Hàng Vôi	19		Lý Thái Tổ
252	Hội Vũ	5		Hàng Bông
253	Lê Phụng Hiểu		4	Tràng Tiền
254	Lê Phụng Hiểu		6	Tràng Tiền
255	Lê Thái Tổ		42	Hàng Trống
256	Lê Thái Tổ		46	Hàng Trống
257	Lê Thánh Tông		4A	Phan Chu Trinh
258	Lê Thánh Tông	7		Phan Chu Trinh
259	Lê Thánh Tông		14	Phan Chu Trinh
260	Lê Thánh Tông		16	Phan Chu Trinh
261	Lê Thánh Tông		18A	Phan Chu Trinh
262	Lê Thánh Tông		18B	Phan Chu Trinh
263	Lê Thánh Tông	29		Phan Chu Trinh
264	Lê Thánh Tông	31		Phan Chu Trinh
265	Liên Trì (ngõ)		2	Trần Hưng Đạo
266	Liên Trì (ngõ)		12	Trần Hưng Đạo
267	Lý Đạo Thành		6	Tràng Tiền
268	Lý Đạo Thành		8	Tràng Tiền
269	Lý Nam Đế	3		Hàng Mã
270	Lý Nam Đế	5		Hàng Mã
271	Lý Nam Đế	11		Hàng Mã
272	Lý Nam Đế		16A	Hàng Mã
273	Lý Nam Đế		30	Cửa Đông
274	Lý Nam Đế		36	Cửa Đông
275	Lý Nam Đế	63		Cửa Đông
276	Lý Nam Đế	79+81		Cửa Đông
277	Lý Nam Đế	91		Cửa Đông
278	Lý Nam Đế	95		Cửa Đông
279	Lý Thái Tổ		24	Lý Thái Tổ
280	Lý Thường Kiệt		2	Phan Chu Trinh
281	Lý Thường Kiệt		4	Phan Chu Trinh
282	Lý Thường Kiệt		6	Phan Chu Trinh
283	Lý Thường Kiệt	9		Phan Chu Trinh
284	Lý Thường Kiệt		10	Phan Chu Trinh
285	Lý Thường Kiệt	11		Phan Chu Trinh

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
286	Lý Thường Kiệt	13		Phan Chu Trinh
287	Lý Thường Kiệt		14	Phan Chu Trinh
288	Lý Thường Kiệt		38	Hàng Bài
289	Lý Thường Kiệt		42	Hàng Bài
290	Lý Thường Kiệt		56	Trần Hưng Đạo
291	Lý Thường Kiệt		60	Trần Hưng Đạo
292	Lý Thường Kiệt		62	Trần Hưng Đạo
293	Lý Thường Kiệt	63		Trần Hưng Đạo
294	Lý Thường Kiệt	75		Trần Hưng Đạo
295	Lý Thường Kiệt	87		Cửa Nam
296	Lý Thường Kiệt		90	Cửa Nam
297	Lý Thường Kiệt (ngõ)		6A	Trần Hưng Đạo
298	Lý Thường Kiệt (ngõ)		12	Trần Hưng Đạo
299	Ngô Quyền	5		Lý Thái Tổ
300	Ngô Quyền		8A	Lý Thái Tổ
301	Ngô Quyền	41		Hàng Bài
302	Ngô Quyền		62	Hàng Bài
303	Ngô Thi Nhậm		4	Hàng Bài
304	Ngô Thi Nhậm		8	Hàng Bài
305	Ngô Thi Nhậm		14	Hàng Bài
306	Ngô Văn Sở		8	Trần Hưng Đạo
307	Ngô Văn Sở	9		Trần Hưng Đạo
308	Ngô Văn Sở		10	Trần Hưng Đạo
309	Ngô Văn Sở	11		Trần Hưng Đạo
310	Ngô Văn Sở		12	Trần Hưng Đạo
311	Ngô Văn Sở	17		Trần Hưng Đạo
312	Ngô Văn Sở	19		Trần Hưng Đạo
313	Ngô Văn Sở		20	Trần Hưng Đạo
314	Ngô Văn Sở	21		Trần Hưng Đạo
315	Nguyễn Chế Nghĩa	5		Hàng Bài
316	Nguyễn Gia Thiều		4	Trần Hưng Đạo
317	Nguyễn Gia Thiều		6	Trần Hưng Đạo
318	Nguyễn Gia Thiều	7		Trần Hưng Đạo
319	Nguyễn Gia Thiều	7A		Trần Hưng Đạo
320	Nguyễn Gia Thiều		8	Trần Hưng Đạo
321	Nguyễn Gia Thiều	9A		Trần Hưng Đạo
322	Nguyễn Gia Thiều		10	Trần Hưng Đạo
323	Nguyễn Gia Thiều	13B		Trần Hưng Đạo
324	Nguyễn Gia Thiều	15		Trần Hưng Đạo
325	Nguyễn Khắc Cần		8	Tràng Tiền
326	Nguyễn Khắc Cần	9		Tràng Tiền
327	Nguyễn Khắc Cần		10	Tràng Tiền
328	Phan Bội Châu	3		Cửa Nam
329	Phan Bội Châu	5		Cửa Nam
330	Phan Bội Châu	7A		Cửa Nam
331	Phan Bội Châu	11		Cửa Nam
332	Phan Bội Châu	19		Cửa Nam
333	Phan Bội Châu		20	Cửa Nam
334	Phan Bội Châu	21		Cửa Nam
335	Phan Bội Châu	23		Trần Hưng Đạo
336	Phan Bội Châu		30	Cửa Nam
337	Phan Bội Châu		34	Cửa Nam
338	Phan Bội Châu		36	Cửa Nam

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
339	Phan Bội Châu		42	Cửa Nam
340	Phan Bội Châu		46	Cửa Nam
341	Phan Bội Châu	49		Cửa Nam
342	Phan Bội Châu	53		Cửa Nam
343	Phan Chu Trinh	55A		Phan Chu Trinh
344	Phan Chu Trinh	57B		Phan Chu Trinh
345	Phan Chu Trinh (ngõ)	1		Phan Chu Trinh
346	Phan Chu Trinh (ngõ)		2	Phan Chu Trinh
347	Phan Chu Trinh (ngõ)	5		Phan Chu Trinh
348	Phan Chu Trinh (ngõ)		6	Phan Chu Trinh
349	Phan Chu Trinh (ngõ)	7AB		Phan Chu Trinh
350	Phan Chu Trinh (ngõ)	7B		Phan Chu Trinh
351	Phan Huy Chú	5		Phan Chu Trinh
352	Phan Huy Chú	11		Phan Chu Trinh
353	Phan Huy Chú		16	Phan Chu Trinh
354	Phan Huy Chú		18	Phan Chu Trinh
355	Phan Huy Chú (ngõ)	3		Phan Chu Trinh
356	Phan Huy Chú (ngõ)	5		Phan Chu Trinh
357	Phan Huy Chú (ngõ)	7		Phan Chu Trinh
358	Phan Huy Chú (ngõ)	9A		Phan Chu Trinh
359	Phùng Hưng		8	Hàng Mã
360	Phùng Hưng		46	Hàng Bông
361	Quán Sứ		70	Trần Hưng Đạo
362	Quán Sứ		74	Trần Hưng Đạo
363	Quán Sứ		76	Trần Hưng Đạo
364	Quang Trung		5ABC	Trần Hưng Đạo
365	Quang Trung		14	Trần Hưng Đạo
366	Quang Trung		28	Trần Hưng Đạo
367	Quang Trung	29		Trần Hưng Đạo
368	Quang Trung	35		Trần Hưng Đạo
369	Quang Trung	39		Trần Hưng Đạo
370	Quang Trung	41		Trần Hưng Đạo
371	Tông Đản	1		Lý Thái Tổ
372	Tông Đản		4	Lý Thái Tổ
373	Tông Đản		12	Tràng Tiền
374	Tông Đản	25		Tràng Tiền
375	Tổng Duy Tân		8	Hàng Bông
376	Thợ Nhuộm		2	Cửa Nam
377	Thợ Nhuộm		4+4A	Cửa Nam
378	Thợ Nhuộm		6	Cửa Nam
379	Thợ Nhuộm		8	Cửa Nam
380	Thợ Nhuộm		20	Cửa Nam
381	Thợ Nhuộm		40	Trần Hưng Đạo
382	Thợ Nhuộm		42	Trần Hưng Đạo
383	Thợ Nhuộm		44	Trần Hưng Đạo
384	Thợ Nhuộm		48	Trần Hưng Đạo
385	Thợ Nhuộm		54	Trần Hưng Đạo
386	Thợ Nhuộm		66	Trần Hưng Đạo
387	Thợ Nhuộm		68	Trần Hưng Đạo
388	Thợ Nhuộm		70	Trần Hưng Đạo
389	Thợ Nhuộm		72	Trần Hưng Đạo
390	Thợ Nhuộm	85		Trần Hưng Đạo
391	Thợ Nhuộm	89		Trần Hưng Đạo

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
392	Thợ Nhuộm	91		Trần Hưng Đạo
393	Trần Bình Trọng		16	Trần Hưng Đạo
394	Trần Hưng Đạo		6	Phan Chu Trinh
395	Trần Hưng Đạo	9		Phan Chu Trinh
396	Trần Hưng Đạo	17		Phan Chu Trinh
397	Trần Hưng Đạo		18	Phan Chu Trinh
398	Trần Hưng Đạo	19B		Phan Chu Trinh
399	Trần Hưng Đạo		24	Phan Chu Trinh
400	Trần Hưng Đạo	29		Phan Chu Trinh
401	Trần Hưng Đạo	29AB		Phan Chu Trinh
402	Trần Hưng Đạo		30	Phan Chu Trinh
403	Trần Hưng Đạo	33		Phan Chu Trinh
404	Trần Hưng Đạo		34	Phan Chu Trinh
405	Trần Hưng Đạo	35		Phan Chu Trinh
406	Trần Hưng Đạo		40A	Hàng Bài
407	Trần Hưng Đạo		40B	Hàng Bài
408	Trần Hưng Đạo		42A	Hàng Bài
409	Trần Hưng Đạo		42C	Hàng Bài
410	Trần Hưng Đạo		44	Hàng Bài
411	Trần Hưng Đạo	45		Hàng Bài
412	Trần Hưng Đạo		48	Hàng Bài
413	Trần Hưng Đạo		48A	Hàng Bài
414	Trần Hưng Đạo	59		Trần Hưng Đạo
415	Trần Hưng Đạo	61		Trần Hưng Đạo
416	Trần Hưng Đạo		62	Trần Hưng Đạo
417	Trần Hưng Đạo	65B		Trần Hưng Đạo
418	Trần Hưng Đạo		66B	Trần Hưng Đạo
419	Trần Hưng Đạo		68A	Trần Hưng Đạo
420	Trần Hưng Đạo	73		Trần Hưng Đạo
421	Trần Hưng Đạo		74	Trần Hưng Đạo
422	Trần Hưng Đạo	75A		Trần Hưng Đạo
423	Trần Hưng Đạo		76	Trần Hưng Đạo
424	Trần Hưng Đạo		78	Trần Hưng Đạo
425	Trần Hưng Đạo	83		Trần Hưng Đạo
426	Trần Hưng Đạo	85		Trần Hưng Đạo
427	Trần Hưng Đạo		88	Cửa Nam
428	Trần Hưng Đạo	93		Cửa Nam
429	Trần Hưng Đạo	99		Cửa Nam
430	Trần Hưng Đạo		102A	Cửa Nam
431	Trần Hưng Đạo		102C	Cửa Nam
432	Trần Hưng Đạo	107B		Cửa Nam
433	Trần Hưng Đạo		112	Cửa Nam
434	Trần Phú		4	Hàng Bông
435	Trần Quang Khải		204	Tràng Tiền
436	Trần Quang Khải		206	Tràng Tiền
437	Trần Quang Khải		208	Tràng Tiền
438	Trần Quốc Toàn		20	Hàng Bài
439	Trần Quốc Toàn	43		Trần Hưng Đạo
440	Trần Quốc Toàn	47		Trần Hưng Đạo
441	Trần Quốc Toàn		48	Trần Hưng Đạo
442	Trần Quốc Toàn	49		Trần Hưng Đạo
443	Trần Quốc Toàn		52	Trần Hưng Đạo
444	Trần Quốc Toàn		54	Trần Hưng Đạo

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
445	Trần Quốc Toàn	55		Trần Hưng Đạo
446	Trần Quốc Toàn		64	Trần Hưng Đạo
447	Trần Quốc Toàn	65		Trần Hưng Đạo
448	Trần Quốc Toàn	65B		Trần Hưng Đạo
449	Trần Quốc Toàn		66	Trần Hưng Đạo
450	Trần Quốc Toàn		68	Trần Hưng Đạo
451	Trần Quốc Toàn		70	Trần Hưng Đạo
452	Trần Quốc Toàn		72	Trần Hưng Đạo
453	Trần Quốc Toàn		88	Trần Hưng Đạo
454	Trần Quốc Toàn	91		Trần Hưng Đạo
455	Tràng Tiền	1C		Tràng Tiền
456	Tràng Thi		4	Hàng Trống
457	Tràng Thi		8	Hàng Trống
458	Tràng Thi	11		Hàng Trống
459	Tràng Thi		16	Hàng Trống
460	Tràng Thi		22	Hàng Trống
461	Tràng Thi		42	Hàng Bông
462	Tràng Thi		44	Hàng Bông
463	Trương Hán Siêu	35		Trần Hưng Đạo
III.166 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HAI BÀ TRUNG				
464	Bà Triệu		98	Nguyễn Du
465	Bà Triệu		100	Nguyễn Du
466	Bà Triệu	131		Nguyễn Du
467	Bà Triệu	153		Lê Đại Hành
468	Bà Triệu	167		Lê Đại Hành
469	Bà Triệu	169		Lê Đại Hành
470	Bà Triệu	171		Lê Đại Hành
471	Bà Triệu	173		Lê Đại Hành
472	Bà Triệu		174	Nguyễn Du
473	Bà Triệu	177		Lê Đại Hành
474	Bà Triệu	179		Lê Đại Hành
475	Bà Triệu	181		Lê Đại Hành
476	Bà Triệu	183		Lê Đại Hành
477	Bà Triệu	187		Lê Đại Hành
478	Bà Triệu		272	Lê Đại Hành
479	Bà Triệu		316	Lê Đại Hành
480	Bà Triệu		326	Lê Đại Hành
481	Bà Triệu		328	Lê Đại Hành
482	Bà Triệu		340	
483	Bùi Thị Xuân		118	Bùi Thị Xuân
484	Bùi Thị Xuân		122	Bùi Thị Xuân
485	Bùi Thị Xuân		130	Bùi Thị Xuân
486	Bùi Thị Xuân		138	Bùi Thị Xuân
487	Bùi Thị Xuân		148	Bùi Thị Xuân
488	Bùi Thị Xuân		150	Bùi Thị Xuân
489	Bùi Thị Xuân	153		Bùi Thị Xuân
490	Bùi Thị Xuân	165		Bùi Thị Xuân
491	Đoàn Trần Nghiệp		12	Bùi Thị Xuân
492	Đoàn Trần Nghiệp		30	Bùi Thị Xuân
493	Đoàn Trần Nghiệp		42	Lê Đại Hành
494	Đoàn Trần Nghiệp		44	Lê Đại Hành

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
495	Đội Cung		4	Lê Đại Hành
496	Hàn Thuyên		18	Phạm Đình Hồ
497	Hàn Thuyên	25A		Phạm Đình Hồ
498	Hàn Thuyên		26	Phạm Đình Hồ
499	Hàn Thuyên		32	Phạm Đình Hồ
500	Hàng Chuối		10	Phạm Đình Hồ
501	Hàng Chuối		14D	Phạm Đình Hồ
502	Hàng Chuối		16	Phạm Đình Hồ
503	Hàng Chuối	23		Phạm Đình Hồ
504	Hàng Chuối		30	Phạm Đình Hồ
505	Hàng Chuối	31		Phạm Đình Hồ
506	Hàng Chuối		44	Phạm Đình Hồ
507	Hàng Chuối		46	Phạm Đình Hồ
508	Hàng Chuối		48+50	Phạm Đình Hồ
509	Hàng Chuối	53B		Phạm Đình Hồ
510	Hàng Chuối		54A	Phạm Đình Hồ
511	Hàng Chuối		58	Phạm Đình Hồ
512	Hàng Chuối (ngõ 2)		2	Phạm Đình Hồ
513	Hồ Xuân Hương	3		Nguyễn Du
514	Hồ Xuân Hương	5+7		Nguyễn Du
515	Hồ Xuân Hương		10	Nguyễn Du
516	Hồ Xuân Hương		12	Nguyễn Du
517	Hòa Mã		4	Phạm Đình Hồ
518	Hòa Mã		6	Phạm Đình Hồ
519	Hòa Mã		16	Phạm Đình Hồ
520	Lê Đại Hành	33		Lê Đại Hành
521	Lê Quý Đôn		12	Bạch Đằng
522	Lê Văn Hưu		12	Ngô Thi Nhậm
523	Lê Văn Hưu		88	Ngô Thi Nhậm
524	Lò Đức	45		Phạm Đình Hồ
525	Lò Đức		74	Phạm Đình Hồ
526	Lò Đức		76	Phạm Đình Hồ
527	Lò Đức		78	Phạm Đình Hồ
528	Lò Đức		86	Phạm Đình Hồ
529	Lò Đức		178	Đổng Mác
530	Mai Hắc Đế		32	Bùi Thị Xuân
531	Mai Hắc Đế	147		Lê Đại Hành
532	Mai Hắc Đế	149A		Lê Đại Hành
533	Ngô Thi Nhậm	33+35		Ngô Thi Nhậm
534	Ngô Thi Nhậm		54	Ngô Thi Nhậm
535	Ngô Thi Nhậm		56	Ngô Thi Nhậm
536	Ngô Thi Nhậm	61		Ngô Thi Nhậm
537	Ngô Thi Nhậm		68	Ngô Thi Nhậm
538	Ngô Thi Nhậm		70	Ngô Thi Nhậm
539	Ngô Thi Nhậm		72	Ngô Thi Nhậm
540	Ngô Thi Nhậm		74	Ngô Thi Nhậm
541	Ngô Thi Nhậm		80	Ngô Thi Nhậm
542	Ngô Thi Nhậm		82	Ngô Thi Nhậm
543	Ngô Thi Nhậm		84	Ngô Thi Nhậm
544	Nguyễn Bình Khiêm	3		Nguyễn Du
545	Nguyễn Bình Khiêm		4	Nguyễn Du
546	Nguyễn Bình Khiêm	5A		Nguyễn Du
547	Nguyễn Bình Khiêm	5B		Nguyễn Du

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤN	
548	Nguyễn Bình Khiêm	7		Nguyễn Du
549	Nguyễn Bình Khiêm		8	Nguyễn Du
550	Nguyễn Bình Khiêm		16B	Nguyễn Du
551	Nguyễn Bình Khiêm		18	Nguyễn Du
552	Nguyễn Bình Khiêm	35B		Lê Đại Hành
553	Nguyễn Đình Chiểu	3+5		Nguyễn Du
554	Nguyễn Du		42	Nguyễn Du
555	Nguyễn Du		66	Nguyễn Du
556	Nguyễn Du		68	Nguyễn Du
557	Nguyễn Du		78	Nguyễn Du
558	Nguyễn Huy Tự		6	Bạch Đằng
559	Nguyễn Huy Tự		8	Bạch Đằng
560	Nguyễn Huy Tự		10	Bạch Đằng
561	Nguyễn Huy Tự		12	Bạch Đằng
562	Nguyễn Huy Tự		14	Bạch Đằng
563	Nguyễn Huy Tự		16	Bạch Đằng
564	Nguyễn Huy Tự	17		Bạch Đằng
565	Nguyễn Huy Tự		22	Bạch Đằng
566	Nguyễn Huy Tự		24	Bạch Đằng
567	Nguyễn Huy Tự	25		Bạch Đằng
568	Nguyễn Huy Tự	27		Bạch Đằng
569	Nguyễn Huy Tự	29		Bạch Đằng
570	Nguyễn Huy Tự		32	Bạch Đằng
571	Nguyễn Huy Tự		34	Bạch Đằng
572	Nguyễn Huy Tự		36	Bạch Đằng
573	Nguyễn Quyền		8	Nguyễn Du
574	Nguyễn Quyền		4	Nguyễn Du
575	Nguyễn Quyền		6	Nguyễn Du
576	Nguyễn Thượng Hiền		4	Nguyễn Du
577	Nguyễn Thượng Hiền		6	Nguyễn Du
578	Nguyễn Thượng Hiền		8	Nguyễn Du
579	Nguyễn Thượng Hiền	9		Nguyễn Du
580	Nguyễn Thượng Hiền		10	Nguyễn Du
581	Nguyễn Thượng Hiền	11		Nguyễn Du
582	Nguyễn Thượng Hiền		12	Nguyễn Du
583	Nguyễn Thượng Hiền	13		Nguyễn Du
584	Nguyễn Thượng Hiền		14	Nguyễn Du
585	Nguyễn Thượng Hiền		16	Nguyễn Du
586	Nguyễn Thượng Hiền		18	Nguyễn Du
587	Nguyễn Thượng Hiền		20	Nguyễn Du
588	Nguyễn Thượng Hiền		32	Nguyễn Du
589	Phạm Đình Hồ		22	Phạm Đình Hồ
590	Phù Đổng Thiên Vương	35		Ngô Thi Nhậm
591	Phùng Khắc Khoan		18	Ngô Thi Nhậm
592	Phùng Khắc Khoan		22	Ngô Thi Nhậm
593	Tăng Bạt Hổ		14	Phạm Đình Hồ
594	Tăng Bạt Hổ		16	Phạm Đình Hồ
595	Tăng Bạt Hổ		18	Phạm Đình Hồ
596	Tăng Bạt Hổ		20	Phạm Đình Hồ
597	Tăng Bạt Hổ		22	Phạm Đình Hồ
598	Tăng Bạt Hổ		40	Phạm Đình Hồ
599	Tăng Bạt Hổ		42	Phạm Đình Hồ

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤM	
600	Tăng Bạt Hổ		44	Phạm Đình Hồ
601	Tô Hiến Thành	29		Bùi Thị Xuân
602	Tô Hiến Thành	57		Lê Đại Hành
603	Tô Hiến Thành	59		Lê Đại Hành
604	Tô Hiến Thành	63A		Lê Đại Hành
605	Tô Hiến Thành		96	Lê Đại Hành
606	Tuệ Tĩnh	89		Nguyễn Du
607	Tuệ Tĩnh	91		Nguyễn Du
608	Tuệ Tĩnh	93		Nguyễn Du
609	Tuệ Tĩnh		94	Nguyễn Du
610	Thế Giao		4	Lê Đại Hành
611	Thế Giao		8	Lê Đại Hành
612	Thế Giao		10B	Lê Đại Hành
613	Thế Giao		22	Lê Đại Hành
614	Thiên Quang	13		Nguyễn Du
615	Thiên Quang		14	Nguyễn Du
616	Trần Bình Trọng	29		Nguyễn Du
617	Trần Xuân Soạn		24	Ngô Thị Nhậm
618	Trần Xuân Soạn		48	Ngô Thị Nhậm
619	Trần Xuân Soạn	53		Ngô Thị Nhậm
620	Trần Xuân Soạn	69		Ngô Thị Nhậm
621	Trần Xuân Soạn	71		Ngô Thị Nhậm
622	Triệu Việt Vương	133		Bùi Thị Xuân
623	Triệu Việt Vương	155		Bùi Thị Xuân
624	Triệu Việt Vương		162	Bùi Thị Xuân
625	Triệu Việt Vương		164	Bùi Thị Xuân
626	Triệu Việt Vương		170	Bùi Thị Xuân

STT	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ		TÊN PHƯỜNG
		LÊ	CHẤM	
627	Vũ Hữu Lợi	1		Nguyễn Du
628	Vũ Hữu Lợi	3		Nguyễn Du
629	Yết Kiêu		108	Nguyễn Du

IV. 10 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN ĐỒNG ĐA

630	Nguyễn Thái Học	85A		Văn Miếu
631	Lý Văn Phúc	9		Cát Linh
632	Lý Văn Phúc	11		Cát Linh
633	Tây Sơn (ngõ 6)		8	Quang Trung
634	ngõ Toàn Thắng	45		Thổ Quan
635	Trường Chinh		108	Phương Mai
636	Trường Chinh		114	Phương Mai
637	Trường Chinh		174	Khuong Thượng
638	Trường Chinh		176	Khuong Thượng
639	Trường Chinh		182	Khuong Thượng

V. 07 BIỆT THỰ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN TÂY HỒ

640	Hoàng Hoa Thám	1		Thụy Khuê
641	Hoàng Hoa Thám	5B (60 mới)		Thụy Khuê
642	Hoàng Hoa Thám		12B	Thụy Khuê
643	Thụy Khuê	3		Thụy Khuê
644	Thụy Khuê		4	Thụy Khuê
645	Thụy Khuê	11		Thụy Khuê
646	Thụy Khuê	17		Thụy Khuê

PHỤ LỤC 15

MINH HỌA VIỆC ÁP DỤNG QUY CHẾ ĐỂ CẢI TẠO, THIẾT KẾ CẢNH QUAN TUYẾN PHỐ HÀNG KHAY – TRẦN THỊ



MẶT ĐỨNG HƯỚNG TÂY NAM PHỐ TRẦN TIẾN- HÀNG KHAY



MẶT ĐỨNG HƯỚNG TÂY BẮC PHỐ TRẦN TIẾN- HÀNG KHAY



MẶT ĐỨNG CẢI TẠO PHỐ HÀNG KHAY



MẶT ĐỨNG CẢI TẠO PHỐ TRẦN TIẾN HƯỚNG NAM



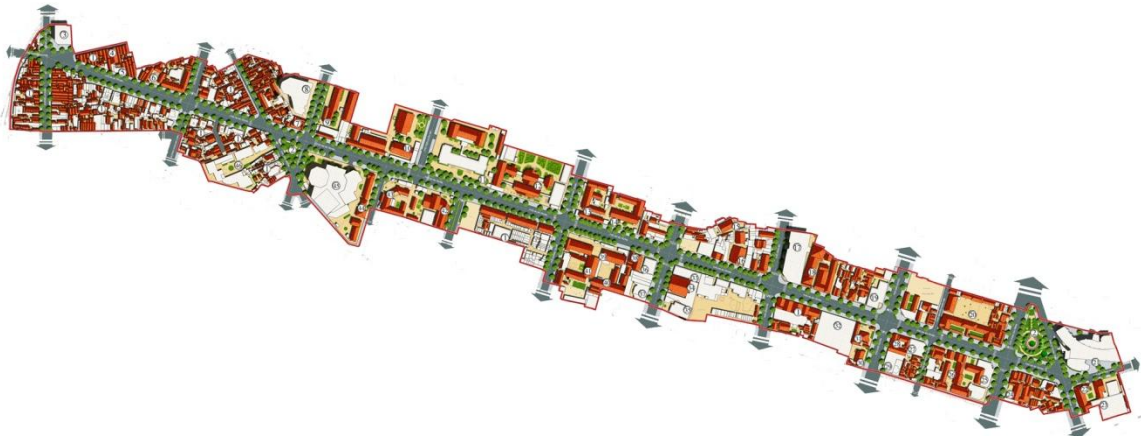
MẶT ĐỨNG CẢI TẠO PHỐ TRẦN TIẾN HƯỚNG BẮC

PHỤ LỤC 16

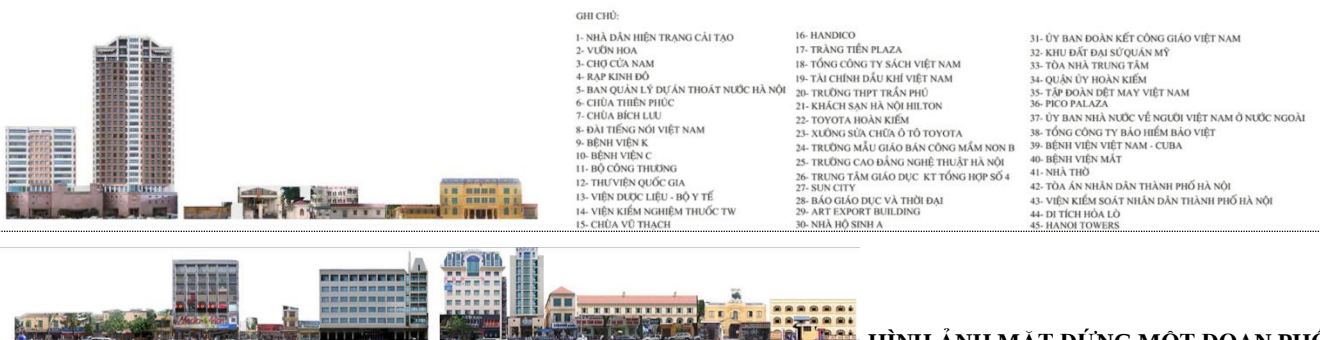
MINH HỌA VIỆC ÁP DỤNG QUY CHẾ ĐỂ CẢI TẠO, THIẾT KẾ CẢNH QUAN TUYẾN PHỐ HAI BÀ TRƯNG



BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

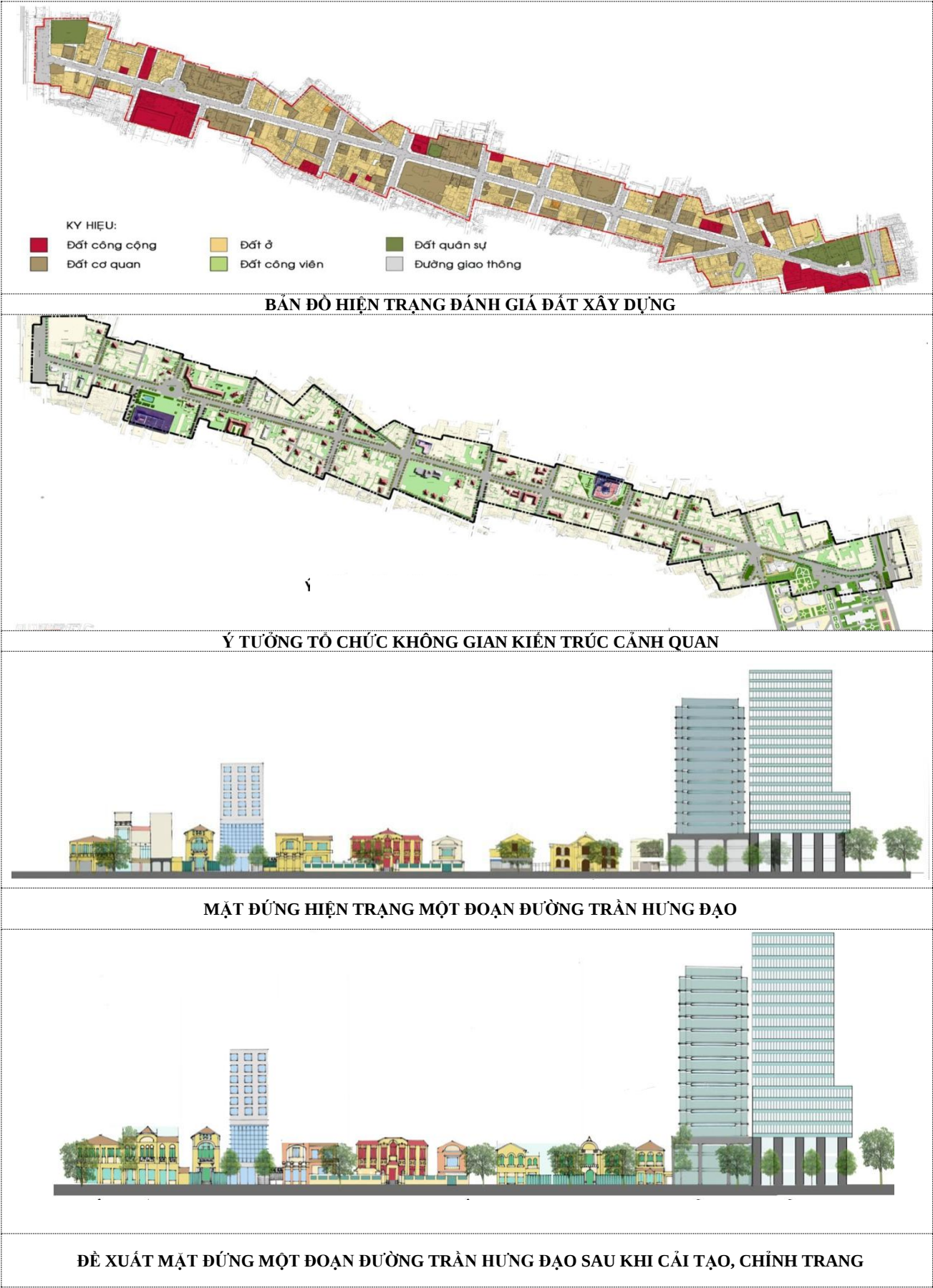


HÌNH ẢNH MẶT ĐÚNG MỘT ĐOẠN PHỐ

Đây là một tuyến phố thương mại – dịch vụ lớn của thành phố. Trên tuyến phố có rất nhiều công trình dịch vụ thương mại mới được xây dựng đã bước đầu tạo nên được bộ mặt kiến trúc hiện đại cho tuyến phố. Nhưng bên cạnh đó đây cũng là một trong các tuyến phố chính trong Khu phố cũ của thành phố Hà Nội, vì vậy tại đây còn rất nhiều căn biệt thự cổ có giá trị về mặt kiến trúc cũng như lịch sử cần phải được bảo vệ trước tốc độ xâm hại ngày càng tăng do sự phát triển của kinh tế thị trường

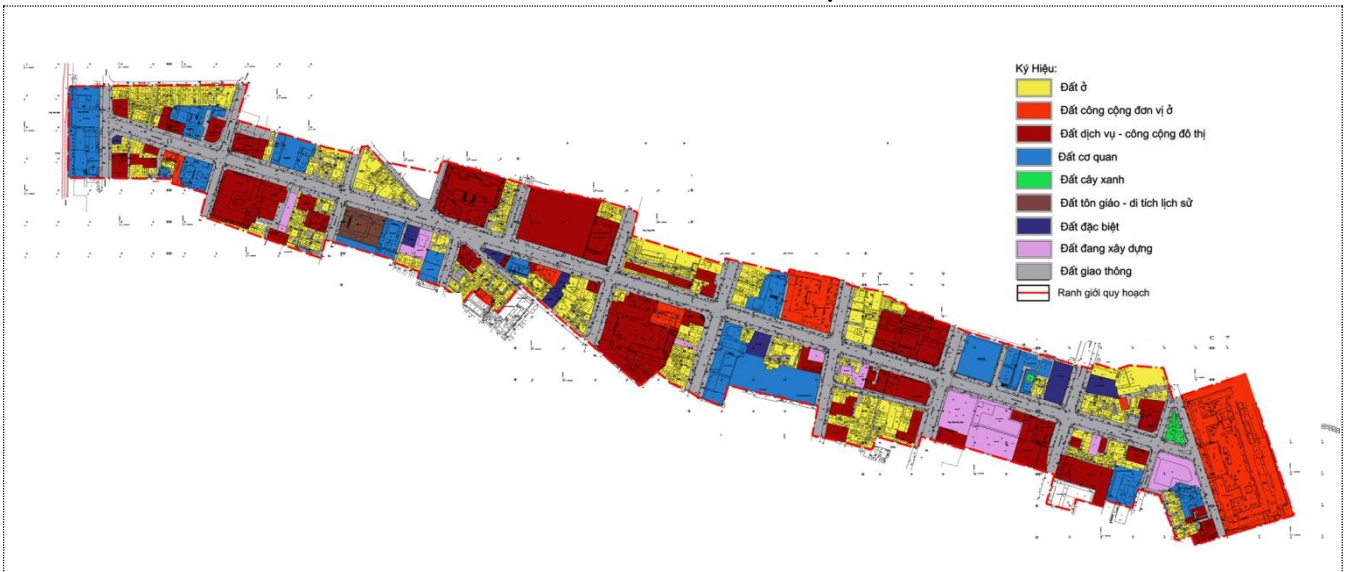
PHỤ LỤC 17

MINH HỌA VIỆC ÁP DỤNG QUY CHẾ ĐỂ CẢI TẠO, THIẾT KẾ CẢNH QUAN TUYẾN
PHỐ TRẦN HƯNG ĐẠO



PHỤ LỤC 18

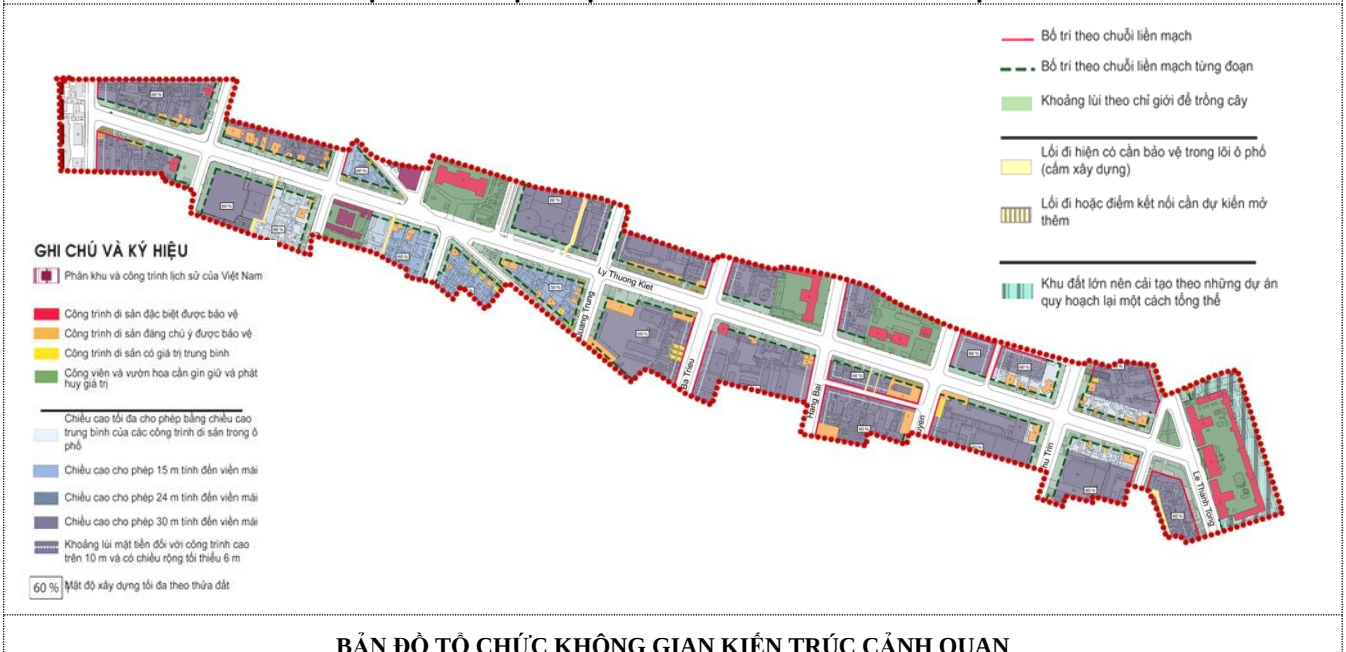
MINH HỌA VIỆC ÁP DỤNG QUY CHẾ ĐỂ CẢI TẠO, THIẾT KẾ CẢNH QUAN TUYẾN PHỐ LÝ THƯỜNG KIẾT



BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG



MẶT ĐỪNG HIỆN TRẠNG TUYẾN PHỐ LÝ THƯỜNG KIẾT



BẢN ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

PHỤ LỤC 19

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH CAO TẦNG VÀ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC CÓ GIÁ TRỊ TRONG KHU PHỐ CŨ

(Vị trí cụ thể sẽ được xác định trong quá trình triển khai thực tế)

